



THÔNG LUẬN[®]

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

Việt Nam được nhận vào khối ASEAN

Cuối tháng 7-1994, hai cuộc gặp gỡ quan trọng đã diễn ra tại Bangkok, thủ đô Thái Lan: hội nghị ASEAN giữa sáu nước thành viên của Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á (Philippines, Indonesia, Mâ Lai, Thái Lan, Singapore và Brunei), và ngay sau đó hội nghị Diễn Đàn Khu Vực ASEAN (ARF) giữa các nước ASEAN và các quốc gia liên hệ (Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật, Nga, Việt Nam và Cộng Đồng Châu Âu...).

Hội nghị ASEAN đưa đến quyết định mời Việt Nam làm thành viên thứ bảy của ASEAN. Chỉ còn lại một số vấn đề thủ tục: Hà Nội cần sửa đổi chế độ thuế quan cho phù hợp với qui ước AFTA (qui ước tự do giao thương giữa các nước Châu Á) của ASEAN, phải chuẩn bị nhân sự để tham gia các hoạt động càng ngày càng gia tăng của ASEAN (hiện nay hàng năm khối ASEAN đã có khoảng 200 buổi họp ở những cấp khác nhau). Nếu không có gì bất ngờ, Việt Nam sẽ là hội viên chính thức trước cuối năm 1995.

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng

3. Chính trị quốc tế:

Bắc Hàn: Bom nguyên tử ...

Diệp Tường Bảo

4. Tạp ghi

Nguyễn Gia Kiêng

5. Dất nước hôm nay...

Nguyễn Anh Tuấn

9. Thư kháng nghị về chế độ giam giữ phạm nhân hiện nay

Quản Mỹ Lan

11. Việt Nam đang ở đâu?

Quản Mỹ Lan

13. Tham luận:

Bàn thêm về "Nhà nước pháp quyền" Trần Thanh Hiệp

17. Về cuộc khủng hoảng văn hóa giáo dục Hoàng Hạc

18. Ai đền ơn đáp nghĩa... Nguyễn Văn Huy

20. Hòa giải hòa hợp dân tộc và giao lưu văn hóa Tiêu Dao Bảo Cự

22. Hòa hợp hòa giải dân tộc và con đường phát triển Hoàng Cầm

23. Đến với những người cùng khổ Nguyễn Quang Hạnh

25. Ý kiến: Yếu tố quần chúng Nguyễn Hữu Đức

26. Thời sự - Tin tức

29. Độc giả viết

32. Sổ tay: Tại sao họ khóc? Phù Du

Sự kiện Việt Nam được chấp nhận vào ASEAN cần được nhận định như thế nào?

ASEAN được thành lập năm 1967 giữa cao điểm của cuộc chiến tranh Việt Nam với mục đích giúp Việt Nam Cộng Hòa chống lại cuộc tấn công vũ trang của Hà Nội. Ngày nay, mòn Hà Nội gia nhập, ASEAN đã hợp thức hóa chiến thắng của Hà Nội và tự phủ nhận lý do ra đời của mình. Ngược lại, Hà Nội trước đây coi ASEAN là kẻ thù, từng sát hại ASEAN bằng đủ lời lẽ thậm tệ, rồi lại phải cúi đầu xin lỗi một chỗ ngồi trong ASEAN, phải đợi gần ba năm mới được chấp nhận, kể ra cũng bê bàng. Nhưng biết thích nghi với thực tại bao giờ cũng là một thái độ thông minh và cuộc bàn cãi ai thắng ai không có lợi ích gì. Vấn đề là nhìn vào tương lai.

Việc gia nhập ASEAN được nhiều người coi như một thắng lợi cho Hà Nội bởi vì nó đem đến cho Hà Nội một chỗ dựa mới. Nhưng dựa vào cái gì và để làm gì? Chính quyền cộng sản Việt Nam hiện nay có gấp đe dọa nào đâu, trừ đe dọa đến từ khát vọng dân chủ của người Việt Nam? Nhưng đe dọa này không một quốc gia nào có thể che chở cho họ. Việc gia nhập ASEAN chỉ cho phép Hà Nội trở thành một nước Châu Á bình thường. Tình trạng "bình thường" đó có lợi cho sự tồn tại của chế độ Hà Nội hay không lại là một vấn đề rất khác.

ASEAN không phải là một kết hợp trên nền tảng dân chủ, trái lại đồng thuận của các thành viên hiện tại của ASEAN hình như là để chống lại những đòi hỏi về dân chủ và nhân quyền. Thoạt nhìn ASEAN giống như một câu lạc bộ độc tài, và Hà Nội có thể tìm thấy ở đó một mảnh đất dung thân để tị nạn dân chủ. Nhưng cái nhìn đó sai nếu nhìn sát thực tại.

Lý do thứ nhất là các nước ASEAN tuy không phải là những mẫu mực về dân chủ và nhân quyền nhưng cũng có những bảo đảm dân chủ hơn hẳn Việt Nam. Không một nước nào cấm đoán các tổ chức đối lập bất bạo động, không một nước nào bỏ tù những người lên tiếng bênh vực dân chủ. Tại các nước này, đối lập dân chủ tuy bị chơi xấu nhưng cũng không bị ngăn cấm. Đó không phải là trường hợp của Việt Nam. Một mức độ dân chủ tương đương với mức độ của các nước ASEAN có thể tạo ra một phong trào dân chủ rất mạnh và đặt chính quyền cộng sản Việt Nam trước một tình huống rất mới. Mặt khác, các nước ASEAN vì phải giao thương nhiều với thế giới và vì vốn đã mang tiếng là chống dân chủ

sẽ không có lợi gì để bênh vực Hà Nội duy trì một chế độ hà khắc ở một mức độ mà chính họ cũng không chấp nhận.

Hơn thế nữa các nước ASEAN cũng đang chuyển hóa. Các đòi hỏi dân chủ hóa càng ngày càng tăng cao do sự hình thành của một giai cấp trung lưu mới. Các nước ASEAN đang thay đổi nhanh chóng. Chỉ cần lấy một thí dụ: cách đây không lâu Philippines và Thái Lan là hai nước độc tài cứng rắn nhất trong khối ASEAN, ngày nay cả hai tập đoàn độc tài cầm quyền tại hai nước này đã bị đánh đổ, Thái Lan và Philippines trở thành hai nước dân chủ nhất ASEAN. Bảng xếp hạng theo mức độ dân chủ của các nước ASEAN không ngừng thay đổi dưới áp lực của trào lưu dân chủ hóa.

Lập luận tự vệ căn bản của các chính phủ ASEAN là không thể áp dụng một cách máy móc những ý niệm về dân chủ và nhân quyền của các nước phương Tây cho cho các nước Châu Á có truyền thống và văn hóa riêng. Đây là một trường hợp điển hình của sự ngụy biện gian trá. Từ chỗ "không thể áp dụng một cách máy móc" đến chỗ "không áp dụng" có một khoảng cách lớn. Khoảng cách đó là sự chà đạp con người, là các tù nhân lương tâm, là những cuộc đời và những gia đình bị dãm nát. Khoảng cách đó, lương tâm và trí tuệ con người không thể chấp nhận. Quyền được thông tin đầy đủ và đúng đắn, quyền được đi lại, được giao thiệp, được làm chủ đời mình, được có tiếng nói trong sự lựa chọn những chính sách quốc gia và những người có trách nhiệm, giản dị hơn nữa là quyền được bảo đảm sẽ không bị bắt bỏ tù vì nói lên những ý kiến không vừa ý người cầm quyền, không hề mâu thuẫn với bất cứ một nền văn minh nào xứng đáng với tên gọi của một nền văn minh. Nếu những quyền cơ bản này mâu thuẫn với một truyền thống nào đó thì chính truyền thống đó lỗi thời và cần được xét lại. Vả lại các nước Đông Nam Á có thể nhân danh một đặc tính chung nào? Mã Lai, Indonesia và Brunei là ba nước Hồi Giáo. Thái Lan là một nước Phật Giáo chịu sự chi phối của giai cấp tư bản. Philippines là một nước đa số Công giáo với một nếp sống cực kỳ hồn táp. Căm-pu-chia là một hồn hợp đầy mâu thuẫn giữa Phật giáo và bạo lực. Miến Điện là môi trường xung đột của ý thức hệ cộng sản được dùng làm chiêu bài chính thức, nếp sống Phật Giáo của quần chúng và văn hóa Phương Tây của giai cấp trí thức thượng lưu. Lào là một dân tộc hiền hòa, ít tham vọng và sẵn sàng chấp nhận tất cả. Việt Nam là một quốc gia thế quyền trong bản chất với khát vọng dân chủ mãnh liệt. Cái câu lạc bộ độc tài mà Hà Nội và một số chính phủ trong vùng mơ ước sẽ không thể đứng vững bởi vì sẽ không thể ra quân với một đội ngũ tè chém trong cố gắng kháng cự lại những giá trị của loài người tiến bộ. Nó chỉ có thể là một hiệp hội để buôn bán và, ở một mức độ nào đó, để chia sẻ những ưu tư chung về an ninh. Nó không thể là một mặt trận chung của các chế độ độc tài bởi vì nó không thể có một lập trường chung. Các chế độ dân chủ đều giống nhau nhưng các chế độ độc tài chắc chắn là rất khác nhau bởi vì nền tảng của chúng là từ chối mâu số chung của loài người.

Các nước ASEAN cũng đều nấp sau cái mà họ gọi là quyền được phát triển để bác bỏ các đòi hỏi dân chủ. Nhưng đây cũng chỉ là một áo giáp bằng giấy. Dân chủ chưa hề ngăn cản cố gắng mưu sinh của một ai, nó cũng không hề cản trở sự phát triển của một quốc gia nào. Chưa hè có tiền lệ một quốc gia nào vì dân chủ mà không phát triển được, trái lại người ta chỉ

thấy vô số quốc gia vì ách độc tài mà phải quằn quại trong đói khổ.

Lo âu chung của các nước ASEAN là an ninh. Mối lo đó đã biến Đông Nam Á thành khu vực mà hiện nay cuộc chạy đua vũ trang đang diễn ra một cách cuồng nhiệt nhất thế giới. Các nước Đông Nam Á đều sống trong sự lo sợ trước chính sách bành trướng của Bắc Kinh, nhất là khi cộng đồng người Hoa hiện diện một cách mạnh mẽ tại mọi nước. Về mặt an ninh, việc gia nhập ASEAN chỉ có thể có ảnh hưởng tốt đối với Việt Nam. Từ nhiều năm nay, mặc dù Hà Nội đã tỏ ra hết sức hòa hoãn và nhân nhượng, Trung Quốc vẫn không ngừng đe dọa biên giới Việt-Trung và lấn chiếm vùng quần đảo Trường Sa. Một khi Việt Nam đã là thành viên của ASEAN thì một sự uy hiếp đối với Việt Nam không nhiều thì ít sẽ được cảm nhận như là một sự uy hiếp đối với cả khối ASEAN, và điểm này có thể có tác dụng ngăn can đối với Bắc Kinh. Nhưng cái áo giáp ASEAN sẽ không mấy hiệu nghiệm bởi vì các nước ASEAN đều chỉ có khả năng quân sự và ảnh hưởng kinh tế giới hạn. Các nước ASEAN sẽ cần sự che chở của Hoa Kỳ. Chỉ có Hoa Kỳ mới có khả năng bảo vệ họ. Nhưng Hoa Kỳ chỉ có lý do bảo vệ họ nếu họ dành cho Hoa Kỳ một chỗ đứng kinh tế quan trọng và nếu họ chịu chấp nhận, ít nhất là một phần, các giá trị thiết thân đối với nhân dân Hoa Kỳ, nghĩa là tự do, dân chủ và nhân quyền.

Điều Việt Nam, vì đang chịu sự chèn ép nặng nề của Trung Quốc, lại càng cần sự che chở của Hoa Kỳ hơn. Một cách đơn giản, Việt Nam phải mau chóng bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, cố gắng đi đến một thỏa ước an ninh hỗ tương với Hoa Kỳ, và tạo điều kiện để quân lực Hoa Kỳ sớm hiện diện trong vùng. Các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã hiểu như vậy. Cuối tháng 6 vừa qua một phái bộ quân sự cao cấp của Hoa Kỳ đã tới Hà Nội, và theo những tin tức được tiết lộ, Hà Nội đã bày tỏ những nguyện vọng đó. Nhiều tiến bộ đã đạt được, nhưng trở ngại chính cho một thỏa hiệp là ở chỗ Hà Nội muốn Hoa Kỳ giúp mình một cách miễn phí. Nói một cách khác, Hà Nội muốn Hoa Kỳ tận tình bảo vệ và giúp đỡ họ để họ tiếp tục kéo dài chế độ độc tài đảng trị. Điều này Hoa Kỳ không thể chấp nhận, nhất là vào giữa lúc Hoa Kỳ đang chuẩn bị đổ bộ đánh chế độ quân phiệt Haiti nhân danh dân chủ và nhân quyền. Hoa Kỳ càng không có lý do để giúp Hà Nội duy trì chế độ độc tài vì các công ty Hoa Kỳ quen làm ăn trong sinh hoạt hợp pháp sẽ không thể thành công, như những công ty của người Hoa, trong một nước độc tài lấy tham nhũng và móc ngoặc làm luật chơi. Sau cùng, dù muốn hay không, không một chính phủ Hoa Kỳ nào có thể phản bội sự hy sinh của 60.000 thanh niên Mỹ đã bỏ mình tại Việt Nam nhân danh tự do và dân chủ. Hà Nội sẽ không có chọn lựa nào khác hơn là nhượng bộ trước dân chủ.

Và đối với những người coi diễn tiến hòa bình là lô trình bắt buộc của dân chủ thì cả việc Mỹ bỏ cấm vận lẫn việc Việt Nam được chấp nhận vào ASEAN đều là những yếu tố tích cực. Chúng có tác dụng khiến Việt Nam mau chóng trở thành một quốc gia có mức độ tự do tương đương với những quốc gia khác. Như thế cũng đã là một bước tiến rất khả quan, làm bàn đạp cho những bước tiến khác.

Thông Luận

Bắc Hàn:

Bom nguyên tử và báu bênh chính trị

Kết cuộc thì những phái đoàn Bắc Hàn và Hoa Kỳ chỉ cần một tuần lễ để giải quyết vấn đề đã nảy ra từ tham vọng của Bình Nhưỡng muốn chế tạo vũ khí nguyên tử. Vấn đề này đã gây ra căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Nam Hàn, một bên, và Bắc Hàn, phía bên kia, suýt đưa đến một cuộc chiến thứ hai trên bán đảo Triều Tiên. Theo thỏa ước được ký vào sáng ngày 3-8-1994, Bình Nhưỡng đồng ý tiếp tục là thành viên của Hiệp ước không phổ biến vũ khí nguyên tử, chấp nhận định hoán chương trình nguyên tử của mình và thay thế những lò nguyên tử sử dụng than chì bằng lò nguyên tử sử dụng nước nhẹ. Ngược lại, Hoa Kỳ sẽ lập quan hệ ngoại giao và bình thường hóa quan hệ kinh tế và chính trị với Bắc Hàn.

Sự nhanh chóng của cuộc thương thuyết đi ngược với sự trầm trọng của cuộc khủng hoảng vừa xảy qua. Nó chứng tỏ là mối căng thẳng giữa Hoa Thịnh Đốn và Bình Nhưỡng không có bề sâu mà chỉ là một canh bạc, trong đó lá bài tẩy của Bình Nhưỡng là sự bí mật về khả năng nguyên tử mà "enjeu" là được Hoa Kỳ chấp nhận bang giao và tài trợ. Nếu nhìn từ khía cạnh đó thì Bắc Hàn thắng lợi hoàn toàn.

Thắng lợi này đến đúng vào lúc mà Kim Chính Nhật muốn củng cố địa vị của ông. Thực vậy, "ông hoàng tử đỏ" thừa kế một chỗ đứng không lấy gì làm bảo đảm. Mặc dù đang nắm ba chức vụ lớn nhất nước trong tay: chủ tịch đảng, chủ tịch quân ủy và chủ tịch nhà nước, Kim Chính Nhật vẫn chưa hoàn toàn nắm được quân đội vì thiếu thành tích trên chiến trường. Người ta còn nhớ lại hoàn cảnh của cựu lãnh tụ Hoa Quốc Phong ở Trung Quốc, người đã từng nắm ba chức vụ như trên, cuối cùng cũng phải trao quyền lại dưới áp lực của phe quân đội. Vào ngày 26-8-1994 còn có một sự kiện mới là những truyền đơn đả kích Kim Chính Nhật được phát ngay trong những tòa đại sứ tại Bình Nhưỡng. Những nhà chuyên gia về Bắc Hàn cho rằng mưu đồ này phải đến từ những giới cán bộ cao cấp, vì bình thường những khu có tòa đại sứ được kiểm soát rất chặt chẽ.

Tuy nhiên, hiện nay, Kim Chính Nhật thừa kế một chế độ rất lão luyện trong việc kiểm soát nhân dân. Trong nước, người dân Bắc Hàn đã bị tước đoạt hết quyền sống, quyền suy nghĩ và quyền phát biểu. Xuất ngoại đối với người Bắc Hàn là một chuyện rất hiếm, hiếm đến nỗi chính Kim Chính Nhật cũng chưa bao giờ bước chân ra khỏi nước. Dân chúng hoàn toàn sống biệt lập với thế giới bên ngoài, đa số dân chúng không biết đã có người lên cung trăng (vì đó là những người Mỹ). Tất cả phương tiện truyền thông được vận dụng để ca tụng cha con họ Kim. Khi Kim Nhật Thành mất, dài phát thanh, vô tuyến truyền hình còn nói núi Paektu (ngọn núi nổi tiếng nhất Bắc Hàn) cũng nghênh mừng khóc cho sự mất mát này.

Người dân Bắc Hàn bị chia ra làm ba loại, gồm 51 cấp. Tiêu chuẩn của sự phân chia này là mức độ phục tùng lãnh tụ Kim Nhật Thành và con trai của ông, gốc gác vô sản hay cách mạng, và nơi sinh quán ở miền Nam hay miền Bắc. Loại thứ nhất rất được ưu ái: khoảng 5 triệu người trên tổng số 22 triệu dân. Loại thứ hai, khoảng 11 triệu người, là những người "có quan điểm giai cấp

chưa rõ ràng", chỉ được giao cho những việc làm ở cấp thấp. Loại thứ ba, số còn lại, là thành phần "bất nhất", sống ngoài vòng xã hội. Ngoài ra, phải kể thêm khoảng 150.000 người khác đang bị giam giữ trong những trại cải tạo rải rác khắp lãnh thổ.

Đầu thập niên 70, một lý thuyết mới được phổ biến tại Bắc Hàn, theo đó quốc gia là một "cơ thể" xã hội và chính trị: người thống chế là bộ óc, đảng là thịt, các bộ phận, và dân là máu. Những nhà phê bình về xã hội cho rằng lý thuyết vừa kể dựa vào hai giá trị thuần túy của Triều Tiên là Khổng giáo (cá nhân đi sau tập thể) và những mê tín dị đoan từ thời các thầy pháp (để thần thánh hóa nhà lãnh đạo).

Trong cuộc tranh chấp giữa Mỹ và Bắc Hàn, chiến lược bắt chẹt của Bình Nhưỡng cũng được sự ủng hộ gián tiếp của Hán Thành. Sau hơn ba mươi năm đất nước bị chia đôi, Hán Thành không muốn ganh đua với Bình Nhưỡng nữa, sự khác biệt giữa hai miền bây giờ đã quá rõ. Về nông nghiệp, khẩu hiệu của chế độ Bắc Hàn là tự túc (juche) nhưng chỉ sản xuất được phân nửa nhu cầu của mình (6,6 triệu tấn ngũ cốc năm 1993), trong khi Nam Hàn sản xuất lúa gạo tạm đủ cho nhu cầu toàn quốc. Về mặt ngoại giao, Hán Thành cũng thắng hoàn toàn: trong khi Bắc Hàn còn bị những nước tự do tẩy chay, Nam Hàn đã bình thường hóa quan hệ với tất cả các nước cộng sản cũ hoặc đang còn cộng sản. Vì thế Nam Hàn không gấp thống nhất đất nước vì họ ngại Bắc Hàn sẽ là một gánh nặng cho kinh tế của Nam Hàn.

Dối với Hoa Kỳ, vấn đề gia tăng vũ khí nguyên tử chỉ được giải quyết tạm thời. Thái độ của Bình Nhưỡng chứng tỏ là chiến lược bắt chẹt nguyên tử có thể ăn tiền. Chắc chắn là những nước như Iran, Irak, Pakistan và Algeria sẽ rút tǎi được bài học. Sự thật là kỹ thuật nguyên tử càng ngày càng phổ thông. Da số những quốc gia trên đã phát triển như những nước nói trên, đều có khả năng chế tạo, sớm hay muộn, vũ khí nguyên tử, nhất là nếu chính quyền tập trung tất cả lực lượng của nhân dân vào mục tiêu đó. Sự kiện này còn được đẩy nhanh từ khi khối Warsaw sụp đổ. Trước sự phá sản của hạ tầng cơ sở, nhiều thành phần khoa học lẫn quân đội có xu hướng muôn bán rẻ vật liệu kỹ thuật và khả năng nguyên tử. Gần đây, công an quan thuế Đức đã bắt được nhiều kẻ buôn lậu plutonium nhằm đưa tới Pakistan theo đường dây Nga. Nhìn kỹ lại những quốc gia muốn có vũ khí nguyên tử, phần đông là những chế độ không dân chủ và cũng vì thế mà những chế độ ấy trở thành một nguy cơ cho thế giới. Vì thế, chúng ta có thể nói rằng một trong những phương pháp giải quyết gia tăng vũ khí nguyên tử là dân chủ hóa những chế độ nói trên: mặc dù phương pháp đó phức tạp nhưng đó là phương pháp duy nhất để bảo đảm an ninh lâu dài của thế giới.

Một vài chỉ số năm 1993	Nam Hàn	Bắc Hàn
- Tổng sản lượng nội địa (tỷ USD)	282	20
- Lợi tức đầu người (USD / năm)	6.498	903
- Tỷ lệ tăng trưởng (%)	+ 9,3	- 4,3
- Ngoại thương (tỷ USD)	153,3	2,7

Diệp Tường Bảo

tạp ghi...

Gần đây có cuộc tranh luận giữa hai luật gia Vũ Quốc Thúc và Trần Thanh Hiệp về vấn đề nhà nước pháp trị. Đây là cuộc thảo luận đứng đắn, có trình độ cao giữa hai nhân vật có uy tín. Ông Hiệp phân tích cụm từ "nhà nước pháp quyền" của chính quyền cộng sản và cho rằng cụm từ này không những sai về ngôn ngữ mà còn gian trá về nội dung. Ông Thúc cho rằng ông Hiệp đặt quá nặng nguyên tắc. Sau khi trao đổi với bà luật sư Nguyễn Phuộc Đại, cựu nghị sĩ Việt Nam Cộng Hòa và hiện là cố vấn luật pháp cho chính quyền cộng sản, ông Thúc tin là "nhà nước pháp quyền" quả là một bước cụ thể tiến tới "état de droit", hay "rule of law" cho những người dùng tiếng Mỹ. Ông Hiệp lại không đồng ý.

Cả hai vị này đều là những người dân chủ thực sự. Khác biệt giữa họ là sự đánh giá hiện tình đất nước. Khó nói ai lạc quan, ai bi quan. Một mặt, ông Thúc lạc quan về tình hình hiện nay, cho rằng chính quyền này rồi sẽ tiến tới một État de droit thực sự, còn ông Hiệp thì bi quan cho rằng "nhà nước pháp quyền" chỉ là một bipel ngôn ngữ mới của đảng cộng sản nhằm giải tỏa áp lực dân chủ hóa. Mặt khác, ông Hiệp tin tưởng rằng cuộc đấu tranh trực diện vì dân chủ sẽ đem lại kết quả, trong khi ông Thúc dè dặt, hy vọng trước hết rằng chính quyền này sẽ tự chuyển hóa. Một vị quyết tâm, một vị thực tiễn. Cả hai đều muốn cái đúng, nhưng ông Hiệp muốn đưa cái đúng lên nắm chính quyền, còn ông Thúc hy vọng chính quyền sẽ dần dần đi theo cái đúng.

Một đặc tính của đảng cộng sản là luôn luôn muốn ăn gian với tiếng Việt. Cùng một khái niệm, và được dịch ra ngoại ngữ như nhau, nhưng đảng cộng sản lúc nào cũng cố dùng những tiếng Việt gây sự hiểu lầm có lợi cho họ để dùng cho tiêu thụ quốc nội. Thay vì nói "Giáo Hội Công Giáo La Mã đã ra thư luân lưu về sinh hoạt mục vụ...", họ viết "Nhà Thờ Công Giáo Rô Ma..." để người dân ít hiểu biết nghĩ rằng thư luân lưu đó chỉ là của một họ đạo, và do đó không quan trọng lắm. Dịch ra ngoại ngữ thì vẫn là "L'Église Catholique Romaine" hay "The Roman Catholic Church" nhưng trong tiếng Việt nhà thờ và giáo hội có tầm quan trọng khác nhau. Họ đang gọi *diễn tiến hòa bình* là *diễn biến hòa bình*. Điều là "évolution pacifique", hay "peaceful evolution". Nhưng trong tiếng Việt, *diễn tiến* và *diễn biến* có nghĩa khác nhau. *Diễn tiến hòa bình* là sự đổi mới liên tục trong ổn định. *Diễn biến hòa bình* gợi ý một đảo lộn đột ngột có thể khốc liệt nhưng chỉ không qua chiến tranh mà thôi. Mục đích của việc sử dụng *diễn biến hòa bình* thay cho *diễn tiến hòa bình* là để cố gây một ấn tượng hỗn loạn. Và sau đó các lý thuyết gia của chính quyền lập tức tung ra khẩu hiệu "chống bọn chủ mưu diễn biến hòa bình, gây bạo loạn". Thế là *diễn tiến hòa bình* được gán ghép với bạo loạn vì *chủ biến* được dùng thay cho *chủ tiến*.

"Nhà nước pháp quyền" là một phát minh ngôn ngữ mới trong cùng một ý đồ. Nếu sự thực không có âm mưu nào thì cần gì sáng tạo ra một cụm từ mới? Tại sao không dùng cụm từ "nhà nước pháp trị" mà các luật gia Việt Nam đã sử dụng từ lâu? Cũng vẫn

cùng một chữ khi dịch ra tiếng Pháp (*l'État de Droit*) và tiếng Anh (*the Rule of Law*) nhưng ý nghĩa đối với người Việt lại khác. "Nhà nước pháp trị" là nhà nước tổ chức và sinh hoạt theo luật pháp, với hàm ý là hai tiếng "luật pháp" được hiểu theo nghĩa đúng đắn của nó, nghĩa là phù hợp với những giá trị phổ cập của loài người đã được minh định trong các văn kiện quốc tế như tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, các công ước quốc tế về các quyền tự do kinh tế, xã hội, v.v... "Nhà nước pháp quyền", trái lại, theo lời chính những người đề xướng ra nó, chỉ có nghĩa là một nhà nước mà quyền lực được qui định bằng những văn kiện chính thức. Nhưng không phải văn kiện chính thức nào cũng có thể được coi là luật pháp theo đúng nghĩa của nó. Thí dụ: điều 4 của hiến pháp, luật bầu cử quốc hội. Nếu những văn kiện đó được coi là pháp luật thì chẳng còn gì để nói bởi chẳng còn gì để chờ đợi ở "luật pháp" cả.

Vả lại, về mặt lý thuyết, ý niệm *quyền* của nhà nước tự nó cũng đã sai về cơ bản: người ta qui định quyền của công dân chứ không ai qui định quyền của nhà nước cả. Mục đích của luật pháp là để bảo vệ những người yếu kém cần được bảo vệ chứ không phải là để bảo vệ kẻ mạnh và những người cầm quyền, nghĩa là những người không có yêu cầu cần được bảo vệ.

Thế giới lâu nay đang xôn xao và xúc động về những biến cố tại Rwanda. Một nửa triệu người thuộc sắc tộc Tutsi bị tàn sát trong vòng hai tuần lễ. Khi bồng bế người ta tràn qua, xách búa đập đầu cả gia đình hàng xóm thi không còn là xã hội loài người nữa. Dù là dưới chế độ của Pol Pot, của Hitler hay của Stalin cũng không thể có hiện tượng đó. Sự kinh khủng đã vượt trí tưởng tượng của loài người và vượt cả bản năng của loài vật. Nó chỉ có thể là hậu quả của một cơn điên. Châu Phi đã điên. Các dân tộc Châu Phi bị đẩy tới chỗ điên rồ vì tuyệt vọng. Họ có tương lai nào? Hồi đầu thế kỷ này họ chỉ có 200 triệu người, hiện nay họ đã có 600 triệu người, trong một phần tư thế kỷ nữa họ sẽ đạt tới con số một tỷ người, trong khi kinh tế của họ sụp đổ hoàn toàn, tài nguyên và thiên nhiên của họ bị tiêu hao và hủy diệt nhanh chóng, bệnh SIDA gia tăng cấp tính và các chế độ độc tài hung bạo mặc sức lộng hành. Họ không có lối thoát, và thế giới đã bỏ rơi họ.

Vẫn chuyện điên. Tại một thị xã nhỏ ở nước Pháp, một bé gái mới sinh được bốn ngày bị cướp mất. Theo điều tra, thủ phạm là một thiếu phụ vừa mất con, quá đau khổ rời mất trí, ăn cắp bé gái đó để nuôi làm con. Thảm kịch của lòng mẹ. Suốt mấy ngày hôm sau, cả một đám đông tập trung trước nhà bảo sanh để bày tỏ tình cảm với người mẹ vừa bị lấy mất con. Để chia sẻ một nỗi đau với một người. Có một cái gì rất màu nhiệm ở các dân tộc lớn. Hạnh phúc và phòn vinh đã tạo ra lòng quảng đại, hay chính lòng quảng đại đã tạo ra hạnh phúc và phòn vinh?

Đoàn Viết Hoạt đã ở tù 16 năm trong không đầy 20 năm qua. Nguyễn Dan Quế 14 năm. Phạm Đức Khâm rất yếu và Nguyễn Văn Thuận sắp chết. Hàng ngàn tù nhân lương tâm khác. Tất cả đều là những con người lương thiện và quả cảm mà đất nước có thể tự hào, những nạn nhân vô lý vì chính sự quả cảm của họ. Đã có sự xúc động mạnh mẽ nào nơi người Việt Nam?

Nguyễn Gia Kiêng

Đất nước hôm nay...

Nguyễn Anh Tuấn

LTS: Nguyễn Anh Tuấn là một trí thức trước đây đã phục vụ trong ngành giáo dục tại miền Bắc. Ông hiện sinh sống tại Anh và làm tham vấn về ngoại giao. Gần đây ông có về nước quan sát trong một thời gian. Bài dưới đây được viết sau chuyến về nước đó. Tác giả đã gửi cho Thông Luận và Ngày Nay. Đồng nghiệp Ngày Nay đã đăng nguyên văn, Thông Luận xin đăng lại tóm lược những đoạn chính.

1. Cơ chế thị trường

Một cụm từ mới rất được ưa dùng ở Việt Nam ngày nay là "cơ chế thị trường". [...] Số vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam từ 1988 đến 1992 là 4,406 tỷ đô-la, trong đó công nghiệp chiếm 1,621 tỷ, dầu khí 1,078 tỷ, khách sạn và dịch vụ 853 triệu. Nhờ có đầu tư nước ngoài và những biện pháp cải cách kinh tế nên ở Việt Nam đã hình thành một cơ cấu kinh tế mới: kinh tế tư bản chủ nghĩa mà sự phát triển phụ thuộc và thích ứng với cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường là một dạng của quan hệ sản xuất bắt buộc phải thích ứng với sức sản xuất tuân thủ chủ nghĩa.

Như vậy là nhà nước Việt Nam đã tự cáo chung guồng máy kinh tế xã hội chủ nghĩa mà thay thế nó bằng guồng máy kinh tế tư bản chủ nghĩa. [...] Một đảng viên kỳ cựu nói với tôi rằng: "Các ông ấy (ý nói ban lãnh đạo đảng) nửa đói nửa chuột, nhập nhằng giữa cộng sản với tư bản. Thực ra thì còn chó gì là cộng sản. Bây giờ họ đều là những tư sản cá".

Thật vậy, những cán bộ có chức có quyền ở trong nước hiện nay đã "làm ăn" ghê gớm và giàu lên rất nhanh. Rất nhiều biệt thự sang trọng ở Hà Nội và Sài Gòn đều là tài sản riêng của cán bộ. Và còn nữa, cán bộ nghiêm nhiên sử dụng những cơ sở vật chất nhà nước để kinh doanh kiếm lời và chia nhau lợi nhuận. Họ chỉ phải đóng một phần lợi nhuận kiếm được cho nhà nước. Phần đóng góp cho nhà nước ấy quá nửa là chui vào túi các vị quan cách mạng tham nhũng. [...] Một ông giám đốc hải quan tuyên bố thẳng thừng với nhân viên của ông rằng: "Các anh muốn làm ăn thế nào thì làm. Tôi khoản cho các anh mỗi ngày nộp cho giám đốc 200 đô-la". Như vậy có nghĩa là tùy các anh muốn moi tiền Việt kiều về nước thế nào cũng được, miễn là phải cống nộp cho lãnh đạo đầy đủ. Cái công thức khoản trăng này đang rất thịnh hành ở trong nước. Trung ương khoản cho địa phương. Địa phương lớn khoản cho địa phương nhỏ. Tổng công ty khoản cho công ty. Công ty khoản cho các ban phòng. Cứ như vậy anh trên bóc của anh dưới. Và anh dưới cùng bóc của anh dân đen.

Thật là thảm thương cho những bệnh nhân vào cấp cứu không có tiền nambi chờ chết. Thật là buồn cho những trẻ nhà nghèo không có tiền nộp học phí phải chịu thất học đi bán bánh mì rong. Trong khi đó các "xếp", các giám đốc, cục trưởng, bộ trưởng, v.v... ăn uống tiêu xài hoang phí như những ông vua bà chúa. Tiền lương của họ chỉ là thứ tượng trưng cho sự trong sạch của cách mạng. Thực chất thu nhập của họ là lợi nhuận thu được và những phong bì biếu tặng bằng những tấm giấy bạc xanh, loại 100 đô-la Mỹ. Một danh từ mới xuất hiện, đó là "màu". Màu tức là lợi nhuận, là tiền bỗng lộc, hối lộ, đút lót, quà biếu v.v... Vậy công việc nào có nhiều màu là công việc béo bở. Và muốn có công việc nhiều màu thì phải có phong bì dày cho thượng cấp. Việc quát cáp đút lót ở Việt Nam đã thành thông lệ. Nếu anh không biết biếu quà thì mới đáng ngạc nhiên. Bây giờ ở Việt Nam người ta không thích gọi nhau là đồng chí, là cán bộ. Họ tảng bốc nhau là giám đốc, là "xếp". Có những anh chỉ là quản lý khách sạn, nhưng cũng được phong là giám đốc. Có anh chỉ là hiệu

trưởng trường học ban đêm cũng được phong giám đốc. Tóm lại là xã hội Việt Nam ngày nay nhanh chóng xếp và giám đốc. Do lợi dụng tài sản quốc gia để kinh doanh làm giàu nên ở Việt Nam xuất hiện hàng ngũ tư bản độc quyền và tư bản mại bản. Các bộ, các cục, các ngành của trung ương và địa phương buôn bán, ký hợp đồng với đầu tư nước ngoài quốc. Phàn kinh doanh này các tư sản tư nhân không đủ vốn và đủ quyền lực để len vào. Trong lãnh vực này phần lớn do các xếp cỡ lớn trong chính quyền điều khiển và thao túng.

Bên cạnh những hợp đồng chính thức ký kết giữa hai nước còn có sự móc ngoặc ngoài lề. Và trong số tiền ngoài lề đó thường là hàng triệu, hàng chục triệu đô-la trổ lèn. Đã có một thời gian dư luận trong và ngoài nước kêu ầm lên về chuyện quay ngoắt 180 độ của nhà nước Việt Nam về khoản ký hợp đồng cho phép công ty nước ngoài khai thác một mỏ dầu nào đó ở ngoài khơi. Lúc đầu người ta đã thỏa thuận dành công việc này cho nước Anh, rồi bỗng nhiên người ta lại ký với Nam Hàn. Theo dư luận thì vì Nam Hàn đã chịu đút hàng triệu đô-la cho những vị có thẩm quyền Việt Nam nên họ đã thắng lớn.

Nói chung là các mô thức hợp doanh với nước ngoài, các ngành giao thông vận tải đại qui mô như hàng không, đường sắt, đường biển, các dịch vụ ngân hàng, các bệnh viện lớn, các trường đại học vẫn thuộc quyền nhà nước. Nhưng nó là những cơ sở vật chất cho tư sản đó thao túng và điều hành để kiếm lợi nhuận và làm giàu cho riêng họ. Những tư sản tư nhân không có chức có quyền thì phải làm tùng b辈 được những ô-dù lớn để che mưa che gió, nghĩa là phải dựa vào một tập đoàn có chức có quyền nhất định thì mới sống nổi. Những tư sản cỡ nhỏ này phần lớn là các loại cửa hàng nhỏ, các loại mini khách sạn, dịch vụ cò con, các nhà hàng và chủ những hàng buôn cở nhỏ.

Một trong những cách làm giàu phi pháp của tư sản đó Việt Nam là buôn lậu. Những tập đoàn buôn lậu đều có những dù cờ cực lớn bao che. Có cả những đoàn quân hộ tống. Công an vũ trang, hải quân, xe tăng đều được thuê để vận chuyển và bảo vệ hàng lậu. Bọn buôn lậu thường chở hàng lậu thuế từ các tàu buôn nước ngoài ở ngoài khơi vào bờ biển Việt Nam. Thường là chúng dùng tàu đánh cá nhỏ chở hàng lậu vào những bờ biển hoang vắng rồi dùng ô-tô vận tải phân tán đi các nơi. Cũng có lúc chúng thuê hẳn tàu hải quân chở hàng cho chúng. Có những chuyến xe tải lớn chở hàng lậu công khai có sự yểm trợ của binh chủng xe tăng. [...] Bọn này còn được gọi là tư sản mại bản, vì chúng có thể cấu kết với tư bản nước ngoài bán rẻ tài sản quốc gia và làm giàu bằng cách cùng bọn chủ nước ngoài bóc lột thậm tệ sức lao động của những công nhân Việt Nam làm thuê cho tư bản nước ngoài. thí dụ: Tư bản nước ngoài trả cho công nhân Việt Nam 50 đô-la một tháng thì bọn này hớt tay trên 20 đô-la. Ngoài ra chúng còn thúc ép công nhân làm thêm giờ, tăng cường độ lao động v.v... để lấy thêm tiền. Có nhiều anh chị em vì sức khỏe yếu không kham nổi đã bị ốm và bị đuổi. Có người vì cố sức quá nên đã chết ngay trong lúc làm việc.

Nói tóm lại, cái cơ chế thị trường Việt Nam là cái cơ chế tư

bản rừng rú. Vì nó không có luật pháp hay nói cho đúng hơn luật pháp không có quyền lực. Tất cả đều do đồng tiền khống chế. Hôm nay anh giết người để tẩu tán hàng lậu, anh bị bắt. Ngày mai anh sẽ được tha nếu tên trùm của anh chịu bỏ tiền ra mua tự do cho anh. [...]

Những con người khoác áo cộng sản này là những người muốn giữ vững chủ nghĩa tư bản với cơ chế thị trường trong phạm vi quyền lực của họ. Nhưng họ bắt buộc phải tuân theo luật chơi mới mà luật chơi này là luật chơi trắng vỏ đỏ lòng cực kỳ nguy hiểm cho ngay bản thân họ. Vì tất cả chạy theo lợi nhuận, chạy theo đồng tiền một cách mù quáng nên chẳng còn gì là tình anh em đồng bào ruột thịt, chứ nói gì đến tình đồng chí đồng cát. Có chăng là họ cần cát lẫn nhau mà ngoi lên làm giàu bằng đủ mọi thủ đoạn ti tiện nhất. Do đó trong hàng ngũ cán bộ, tư sản đỏ cũng chia làm nhiều phe phái và chúng diệt lẫn nhau không thương tiếc. Có những cán bộ cấp tá, cấp tướng trong công an và quân đội bị bắt vào tù và đã tự sát vì uất ức. Có những bộ trưởng, thứ trưởng bị lôi ra trước vành móng ngựa về tội tham nhũng. Và một khi cái dù khổng lồ bị xé toạc thì những kẻ nấp dưới bóng dù cũng lẩn kền hàng loạt. Họ diệt những kẻ lem phem bên dưới một cách không thương xót. Mới cách đây mấy tháng, đài phát thanh Hà Nội loan tin đã bắt được một chuyến hàng lậu gồm mấy ngàn xe gắn máy. Người ta tự hỏi: Vì sao đã thuê hải quân bảo vệ mà vẫn bị bắt?

Trên thực tế ở Việt Nam có nhiều mảng thế lực khác nhau, thù địch lẫn nhau vì tranh ăn. Vậy các tập đoàn buôn lậu dù ba đầu sáu tay khôn ngoan đến đâu cũng không thể nào đút lót mua chuộc được các tập đoàn trong quân đội, công an, hải quan. Ngoài ra còn phải tính đến sự phản bội hết sức trắng trợn để kiếm tiền. Thí dụ như tập đoàn A bỏ ra 100.000 đô-la thuê một đơn vị quân đội bảo vệ cho việc chuyển một chuyến hàng lậu. Đơn vị này nhận tiền rồi lại đi báo cho cấp trên của họ để cho đơn vị khác vây bắt. Nếu có sự trực trặc nào là do các tập đoàn tài phiệt ganh ăn sát hại nhau, vì vậy có lầm kẻ đang làm giàu tự nhiên bị mất sạch và đi tù. Thường các tập đoàn tài phiệt đều có ô-dù lớn ở trung ương làm hậu thuẫn.

Những nhà tư sản đỏ tuy có ăn chơi trác táng, phè phloan nhưng cũng có rất nhiều ưu tư. Cái ưu tư lo lắng thứ nhất là các phe cánh thanh trùng lẫn nhau. Trâu bò húc nhau thì ruồi muỗi chết. Nếu anh thuộc phe cánh ông Đỗ Mười, vài năm nữa ông Mười về hưu thì anh hãy coi chừng cái đầu của anh, chứ còn nói gì đến tài sản buôn bán làm giàu. Cái lo lắng thứ hai là sợ chủ nghĩa cộng sản ngóc đầu dậy. Đây là một chuyện có thực nhưng nghe ra có vẻ khôi hài. Hiện nay các nhà tư sản đỏ ở trong nước rất lo sẽ phải quay về con đường cũ của nó là chế độ xã hội chủ nghĩa. Vì có kẻ đang làm giàu tự nhiên bị mất sạch và vào tù. Những con ác mộng về chống tham ô, kiểm kê tài sản của chủ nghĩa xã hội quá khứ vẫn là những bóng ma luôn ám ảnh họ nhất là gần đây họ thấy nước bạn cộng sản anh em Trung Quốc đang thanh trùng rất ngặt những cán bộ can tội hối lộ, ăn cắp của công, buôn gian bán lậu. Trong lúc đó nhìn vào hàng ngũ cán bộ Việt Nam có thể đến 100% bị dính líu không nhiều thì ít vào buôn lậu và tham nhũng.

Nghe đồn có một ủy ban đặc biệt đang âm thầm làm thống kê những ai đục nước béo cò trở nên giàu có, từ anh vô sản trở thành tư sản. Tin đồn này làm lạnh gáy nhiều vị đương chức đương quyền, họ cho rằng phe thân Trung Quốc rất có thể làm việc đó. Nếu sau này để cho cộng sản ngóc đầu dậy đòi diệt tận gốc rễ chủ nghĩa tư bản rừng rú vừa mới manh nha ở Việt Nam thì đời họ còn gì.

Chính vì có những lo âu sợ hãi đó mà những kẻ đã chộp được một đồng vàng phải toan tính kế thoát thân. Có kẻ thoát bằng con

đường hạ sách là tẩu tán tài sản ở thành phố chạy về nông thôn ẩn dật. Có kẻ bỏ miền Bắc trốn vào miền Nam. Nhưng vẫn phải loanh quanh ở quốc nội thì vẫn là hạ sách vì khi ông cộng sản đã lung thì chui vào trong ống cống bị lôi ra. Vậy trung sách là tìm cách chuyển tiền ra nước ngoài, cho con cái ra học và làm việc ở nước ngoài rồi bỏ mẹ vù ra sau. Sở dĩ kế này vẫn là trung sách vì có thể vẫn bị nhà nước lôi về vì tội biển thủ tài sản quốc gia và sống chung với mấy ông chồng cộng sản cực đoan ở hải ngoại cũng có phần ngại. Hơn nữa cuộc sống ở nước ngoài không mấy thích hợp với họ. Vậy thượng sách là làm thế nào họ được sống sung sướng và thoải mái trên đất nước mình. Muốn như vậy họ phải làm sao biến cái chế độ nửa doi nửa chuột hiện tại thành một chế độ tư bản văn minh để mọi người dân được sống trong sự bảo vệ của luật pháp và tài sản của tư nhân được bảo vệ an toàn.

Người ta đồn rằng trong vài ba năm nữa các vị lãnh đạo già nua và thủ cựu sẽ lần lượt về vườn, thế hệ lãnh đạo trẻ sẽ lên thay. Số người này phần lớn là những người cấp tiến, có trình độ làm kinh tế. Họ là những người muốn Việt Nam theo hẵn chủ nghĩa tư bản, bắt tay chặt chẽ với Mỹ và các nước tư bản phương Tây. Họ không muốn Việt Nam phụ thuộc vào Trung Quốc hay bất cứ cường quốc nào. Nếu cần thì họ có thể chuyển hóa chế độ bằng đường lối hòa bình, tránh chiến tranh đổ máu. Vấn đề là ở chỗ liệu họ có thể làm được không và đến bao giờ mới làm được. Nhưng dù sao đó cũng chỉ là một tia hy vọng. [...]

2. Đảng cộng sản và nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Với cơ chế thị trường và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đang nở rộ ở Việt Nam đã làm cho các chính trị gia cộng sản chóng mặt. Tổ chức đảng chỉ là một thây ma. Lý tưởng cộng sản được chính ngay các đảng viên của nó coi như một sự lừa dối. Ngay cả những cán bộ đảng trung cao cấp cũng mất niềm tin và đảng của họ. Vì vậy ta thấy họ mất phương hướng, mất tinh thần. Họ trở nên nhỏ bé và yếu đuối, đặt niềm tin vào thần thánh. Không ít cán bộ các cấp của đảng đi lễ hết chùa này đến chùa khác. Thậm chí họ còn tin cả bói toán nhảm nhí. Họ không còn là những chiến sĩ cách mạng vô sản vô thần mác-xít chân chính như họ thường tự nhận nữa. Nếu như ngày xưa, hồi kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đảng là cái gì thần thánh thiêng liêng, đảng là miếng cơm manh áo, là tảng lương, lên chức, là được đi học nước ngoài, v.v... thì nay đảng là con số không. Người ta nói: "Ngày xưa chúng tôi phấn đấu bằng chết để vào đảng thì các ông ấy cứ giả dênh làm bộ làm cao không cho vào". Có anh chị muốn vào đảng đã phải quy luy bọn cán bộ đảng ủy, bọn bí thư đến khốn khổ. Ấy vậy mà vẫn rất khó khăn. Nào là lý lịch không trong sạch, thiếu rõ ràng. Nào là ý thức tổ chức kỷ luật còn kém, chủ nghĩa cá nhân còn mạnh, v.v...

Họ kéo bè kéo cánh, kéo cả họ hàng vào đảng để củng cố địa vị trong đảng và trong chính quyền. Cái phê bình đảng, hay phê bình đảng viên họ trợn mắt lên nạt lớn: "Này đừng có láo mà động đến đảng!". Ấy vậy mà ngày nay ở Việt Nam người ta nói đến đảng như nói đến một anh chàng nghiện ma túy. Có nghĩa là hắn ta cũng vẫn còn là con người, nhưng thật là vô dụng. Chỉ có tác dụng ăn hại, làm hỏng việc nhiều hơn là có ích. [...]

Nếu chúng ta chịu đi sâu tìm hiểu thì sẽ thấy rất rõ ở Việt Nam có những thế lực khác nhau, chống chơi lẫn nhau ám thăm nhưng rất kịch liệt.

Cái thế lực thứ nhất là những cán bộ lãnh đạo già bảo thủ không chịu bỏ hẳn chủ nghĩa cộng sản, không chịu từ bỏ độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản, thậm chí không chịu thay đổi

tên đảng. Phần lớn những người này đều nắm trọng trách các cơ quan lãnh đạo quốc gia. Nhưng trí thức về hoạt động kinh tế và ngoại giao của họ rất hạn chế. Thậm chí có người còn rất dốt nát về lãnh đạo chỉ đạo kinh tế thị trường. Nhưng họ lại không muốn nhường ghế cho người khác giỏi hơn, nhạy bén hơn. Cuối cùng họ cố thủ bằng con đường không lối thoát là giữ vững đảng cộng sản và tung ra khẩu hiệu "đa đảng đa nguyên là chết" để hăm dọa những cán bộ đảng viên muốn giải tán đảng cộng sản đi theo thể chế dân chủ đa nguyên. Họ bảo: "Các anh hãy coi cái gương tay liếp của Rumani và Liên Xô. Các anh muốn để bọn chống cộng cực đoan ở nước ngoài nó về treo cổ các anh lên thì các anh cứ việc chui đầu vào cái thòng lọng dân chủ đa nguyên". Lời hăm dọa này đã có hiệu lực. Nhiều đảng viên không còn hứng thú gì với tổ chức đảng của họ, thậm chí họ coi đó là cái nợ, nhưng họ vẫn không dám làm theo những gì họ muốn. Vì họ vẫn sợ những vụ trả thù đẫm máu nếu như họ mất chính quyền vào tay những kẻ cực đoan. Chính vì vậy mà những người cộng sản bảo thủ tập hợp được lực lượng. Họ quyết tâm sống chết vì đảng và cũng là vì quyền lợi của họ. Họ muốn Việt Nam đi theo con đường của Trung Quốc và ép cán bộ quản chúng di hòa với Trung Quốc, nước cộng sản không lồ này có thể là hậu thuẫn lớn của họ. Nhưng vì hai nước cộng sản anh em này đã từng va chạm nảy lửa trong quá khứ, mối hận thù chỉ tạm làm ngơ nhưng vẫn còn khắc cốt ghi xương. [...]

Bây giờ ở Việt Nam nếu anh mồ miệng nói rằng anh tha thiết với chủ nghĩa cộng sản thì người ta sẽ bảo là anh điên. Từ nhân dân đến cán bộ đều nao nức chờ mong những hợp đồng đầu tư nước ngoài. Họ nhiệt liệt hoan nghênh việc Mỹ bỏ cấm vận, họ háo hức mong chờ Mỹ đổ tiền đổ của vào đầu tư ở Việt Nam. Họ thích Nhật, khoái tư sản Hồng Kông, không ưa Đài Loan mấy vì Đài Loan bóc lột sức lao động công nhân Việt Nam thậm tệ, nhưng họ vẫn hoan nghênh. Vì nhờ có đầu tư ở ợt của tư bản Đài Loan mà bộ mặt kinh tế Việt Nam thay đổi nhanh. Người ta cũng thích Anh, Pháp, Úc, Hà Lan v.v..., họ chờ mong và chờ cậy rất nhiều vào đầu tư của tư bản nước ngoài. Đối với dân chúng thì đầu tư nước ngoài có nghĩa là sẽ có thêm việc làm, buôn bán dễ hơn. Đối với nhà tư sản và cán bộ có chức có quyền thì đầu tư của tư bản nước ngoài sẽ là cơ hội tốt cho họ làm giàu. Ở Việt Nam ngày nay người ta chỉ bàn đến cách làm gì để ra tiền, làm gì để chóng giàu. Tất cả là tiền, tiền và tiền. Giảm giá cái gì cũng tiền. Có tiền mua tiền cũng được. Từ quán chợ, hàng nước via hè cho đến các văn phòng giám đốc, cục bộ, cơ quan trung ương ai cũng chỉ xoay quanh việc làm ăn buôn bán, đầu tư. Có ai rồi hơi đâu bàn luận chính trị và càng không có ai thèm nhắc đến cái hào quang của đảng cộng sản. [...]

Đảng thì như vậy còn Nhà nước thì sao? Nếu người ta ví đảng như một tên nghiện ma túy thì Nhà nước cũng được coi như một cái chợ. Trong chợ này người ta cạnh tranh nhau buôn bán đủ mọi thứ thượng vàng hạ cám. Người ta lừa lọc nhau, đấu đá nhau, tranh giành nhau vì lợi nhuận. Mỗi một quán chợ trong cái chợ ô tạp áy có những ông chủ và những qui tắc buôn bán riêng của ông chủ.

Ta có cảm tưởng nhận định này hình như quá đáng, nhưng nếu quan sát kỹ càng nội tình của các cơ quan nhà nước thì ta cũng phải đồng ý. Ở Việt Nam gần như không còn pháp chế nhà nước, gần như là tình trạng quân hối vô phèng, làm ăn bát nháo. Chẳng ai bảo được ai, mạnh ai người ấy chạy. Người ta chẳng coi pháp luật ra gì mà chỉ trọng đồng tiền. Đối với các cơ quan nhà nước cũng vậy, tiền là trên hết. Thể diện quốc gia, thể chế nhà nước, luật pháp xã hội đều coi như những thứ hình thức giả tạo. Cán bộ hải quan tro trên vòi tiền Việt kiều về thăm đất nước. Khi làm việc

với những tư bản đầu tư nước ngoài hoặc những thương nhân đến thăm dò thị trường họ đều tìm đủ cách moi tiền.. Thương nhân ngoại quốc muốn ký hợp đồng nhanh, muốn có mặt bằng xây cất nhà máy đúng hẹn cũng phải nộp tiền ngoại lệ cho cán bộ. Ông thương nhân muốn xin visa cũng phải có quà cho cán bộ công an mới chóng được gia hạn. Họ mặc cả thẳng thừng với các nhà buôn nước ngoài phải cho họ những khoản tiền hoa hồng riêng ngoài văn bản ký kết. Có những nhà tư sản nước ngoài không rõ, không biết cách cho tiền thường bị họ rầy rà "rách việc". Có người hàng năm trời không ký nổi hợp đồng. Có người mua được đất rồi chờ mặt bằng làm xí nghiệp đến nửa năm vẫn chưa xong. Sự tham nhũng đã lên đến mức kinh khủng, trắng trợn nên không còn giữ thể diện quốc gia.

Tuy nhà nước có luật đầu tư nước ngoài, có luật cho thuê đất đai, có chính sách này, pháp lệnh nọ, có cơ quan trung ương, địa phương, nhưng thực ra khó mà ai bảo được ai. Địa phương không nghe theo chỉ thị của trung ương, cấp dưới không chịu thi hành lệnh của cấp trên là thường tình. Vì thực ra các vị đã khoán trống cho người ta thì người ta cứ việc làm ăn theo kiểu người ta để kiếm tiền nuôi quân nuôi tướng của họ, do đó không nghe lệnh của cấp trên cũng không phải là sai.

Ở Việt Nam không những có các cơ quan kinh doanh làm nghề buôn bán, chạy theo lợi nhuận, mà ngay cả quân đội và công an cũng tham gia buôn bán kinh doanh. Cái khoán này thì họ lại khoái bắt chước quân đội và công an đàn anh Trung Quốc. Theo những tin tức công khai thì quân đội Trung Quốc có cả những xí nghiệp sản xuất ô-tô, xe máy bán ra thị trường. Quân đội và công an cũng có dịch vụ kinh doanh khách sạn, cùng buôn bán xuất nhập khẩu, v.v... Vì vậy sự buôn bán cạnh tranh của các ngành các giới bùng lên dữ dội. Cá lớn nuốt cá bé, anh nào tài hèn súc mọn thì bị sập tiệm, bị giải thể, lỗ vốn thâm hụt để giám đốc đi tù, công nhân thất nghiệp kêu khổ mà không ai thèm nghe. Cơ chế thị trường mà! Ai bảo các anh không khôn, các anh làm ăn theo kiểu tư bản mà còn ngu như thời bao cấp thì chết không ai thương. Vì vậy người ta tuy nhiên những trùm tư sản đó, những giám đốc, cục trưởng, bộ trưởng giỏi về kinh doanh làm giàu cho xí nghiệp, cho cục, cho bộ. Người ta khiếu trách phán gay gắt, thậm chí cho đi ngồi tù những anh chị nào buôn bán kinh doanh thua lỗ. Các đơn vị kinh tế do đó hạch toán rất ghê và cũng gian giảo xảo quyết ghê gớm; những cơ quan dịch vụ cũng bóc lột người dân rất tàn nhẫn. [...]

Tóm lại, nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày nay không còn gì là chất xã hội chủ nghĩa nữa. Đó là nhà nước của các tập đoàn tư sản mới mà quân đội và công an là công cụ bảo vệ đắc lực của nhà nước. Giới tài phiệt mới này biết lợi dụng lực lượng quân đội và công an để làm giàu, nhưng đồng thời cũng để cho quân đội và công an có cơ hội kiếm thêm tiền riêng, sự trung thành càng triệt để. Hội viên mới của câu lạc bộ tài phiệt này là những tướng tá trong quân đội và công an. Nếu ta đi du ngoạn dọc theo các phố phường Sài Gòn và Hà Nội, ta sẽ phải trầm trồ khen ngợi những tòa biệt thự mới xây cất rất đẹp mà chủ nhân của chúng là các tướng lãnh trong quân đội và công an. Trong lãnh vực dân sự, những vị nào đã leo lên được chức giám đốc, tổng giám đốc thường đã tạo xong những dinh cơi nguy nga tráng lệ và có tài khoản bằng đô-la ở nhà băng nước ngoài.

Để củng cố vững chắc địa vị của mình, nhà nước cộng sản Việt Nam vừa mới cho tăng lương hàng loạt. Tất cả cán bộ nhân viên, kể cả những người đã về hưu, mất sức lao động cũng đều được tăng 30% lương, riêng bộ đội và công an thì tăng 100%. Có thể nói làm việc trong các cơ quan nhà nước ngày nay ở Việt Nam là có thể sống được, vì dù nhiều dù ít cũng có màu, nếu khôn

ngoan biết lợi dụng buôn bán thì sẽ giàu. Chính nhở vậy mà người ta gắn bó với công ăn việc làm, người ta ca tụng cơ chế mới và lanh đao mới. Tất cả cụm lại với nhau vì quyền lợi kinh tế, nó trở thành thứ bong-ke (bunker) mới của các tập đoàn tư sản đó. [...]

3. Dân tình thế thái

Từ ngày Việt Nam có chính sách "đổi mới" đến nay nền kinh tế lên hay xuống? Đời sống nhân dân ra sao? Có được cải thiện không? Người dân có thích cơ chế mới không?

Những câu hỏi này cần được trả lời một cách khách quan và trung thực.

Theo ý kiến đa số dân chúng trong nước từ ngày Việt Nam chuyển hướng kinh tế theo cơ chế thị trường thì nền kinh tế nước nhà phát triển mạnh. Người dân trong nước đánh giá việc này không cần qua những con số thống kê của nhà nước hay các cơ quan nghiên cứu kinh tế tài chính nước ngoài. Người ta chỉ cần so sánh với thời kỳ bao cấp là rõ.

Từ ngày chuyển hướng kinh tế tới nay Việt Nam không bị thiếu lương thực. Không những không phải nhập bột mì, hạt mạch của Liên Xô hay vay gạo của Trung Quốc mà còn thừa gạo để xuất khẩu. Nếu như trong thời kỳ bao cấp phải có phiếu chia nhau mua từng lạng thịt, lạng đường thì ngày nay thịt cá ê hề, hàng hóa tràn ngập thị trường. Các gia đình thành thị đều có TV, cassette. TV, cassette, xe máy là những thứ quá tầm mờ ước của người dân bình thường trước kia thì nay đã trở thành những thứ mà nhiều gia đình đều có. Nhiều gia đình ở nông thôn cũng có TV màu, có xe Honda hay xe Dream của Nhật, của Thái. Những người giàu có ở thành phố bắt đầu dùng ô-tô. Các loại tiệm ăn, cửa hàng, khách sạn, các nơi vui chơi giải trí mọc lên như nấm. Nhiều Việt kiều ở nước ngoài về Sài Gòn đều công nhận Sài Gòn phồn vinh như thời Việt Nam Cộng Hòa. Còn Hà Nội và các thành phố miền Bắc cũng đang đổi thịt thay da nhanh chóng. Tuy chưa bắt kịp Sài Gòn nhưng trong tương lai không xa nó cũng sẽ trở thành những Sài Gòn mới. [...]

Vậy thì nhân dân có thích cơ chế mới không? Dĩ nhiên là thích. Nếu bây giờ có ai bảo đồng bào trong nước quay trở lại nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và cơ chế bao cấp xã hội chủ nghĩa thì quá bằng tay không. Vì vậy chủ nghĩa xã hội không thể quay trở lại Việt Nam. [...]

Lực lượng của phe đối lập ở Việt Nam gần như không có. Các tổ chức chính trị của người Việt hải ngoại thì hoặc là chỉ có tính chất "chính trị phòng trà" không thực tế, hoặc là còn mãi đấu đá nhau vì quyền lợi hoặc vì không đồng nhất quan điểm. Họ không sợ gì các tổ chức chống cộng nước ngoài. Họ ngại nhất là những cán bộ trẻ có tài năng của họ đòi dân chủ đa nguyên. Nếu những cán bộ trẻ thành lập một đảng mới và đòi phân quyền lãnh đạo thì đó mới là mối lo to lớn của họ. Nếu không như vậy thì sớm muộn gì số cán bộ trẻ có tài năng này sẽ dần dần thay thế nhóm thủ cựu và lèo lái con thuyền chính trị Việt Nam đi theo hướng hoàn toàn khác. Nhóm này muốn dứt khoát con đường tư bản, không có nhập nhằng cộng sản.

Nhưng cái e ngại của các cán bộ cao tuổi là nếu ăn ở không khéo, chọc tức ông bạn Trung Quốc khổng lồ, vẫn còn hối hám cống sản, thì có ngày mất nước. Mối lo âu này cũng làm cho số cán bộ trẻ lo ngại, chính vì vậy mà họ chưa dám làm mạnh mặc dù họ ấm ức lắm rồi. Trong những buổi liên hoan tọa đàm thân mật giữa những cán bộ trẻ của lực lượng công an và quân đội, họ đều nói lên sự uất ức của một nước nhỏ, còn nghèo cù phải phụ thuộc và tuân theo cái gậy chỉ huy của các cường quốc. Họ rất ức Trung Quốc và nói: "Trung Quốc ngang ngược chiếm đất của

Việt Nam và còn cho chiến hạm cản trở những tàu buôn của Nhật chở hàng vào bờ biển Việt Nam. Thậm chí còn có những vụ cướp biển do sự dụng túng của hải quân Trung Quốc". Nghe những điều này ta hiểu ngay là Việt Nam ngậm bồ hòn khen ngọt trong quan hệ với nước cộng sản láng giềng, nhưng rõ ràng Việt Nam không dám làm méch lòng đàn anh Trung Quốc. Họ chỉ mong giới cán bộ trẻ Trung Quốc sẽ đưa Trung Quốc đi thẳng theo chủ nghĩa tư bản. Chỉ có như vậy hai nước anh em mới có thể cùng nhau yên lành xây dựng đất nước. [...]

Nhin tấm gương tay liếp đó nên các loại cán bộ ở Việt Nam ngày nay thẳng tay vơ vét và đeo khoét tài sản quốc gia, bóc lột dân đen không thương xót. Họ bảo: "Đảng dạy tất cả vì nhân dân là lao động; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư là cảm hào dỗ hơi. Bây giờ ta phải vì ta. Chủ nghĩa đốp hít, chủ nghĩa cá nhân hưởng lạc, chủ nghĩa tiền, lý tưởng tiền là trên hết. Lý tưởng cộng sản cho vào sọt rác. Tình nghĩa gì cũng không bằng tiền". Vì vậy người ta không cười, không chê trách những con người đi làm bất cứ việc gì để kiếm tiền. Những quan cách mang tham nhũng, buôn bán giàu có mặc sức vênh vang hanh diện và công khai bồ bịch ăn chơi trác táng. Nếu có ai phê bình họ thì họ bảo: "Hãy cảm cát mồm đi! Dừng có lén lớp thiên hạ. Nếu mày có chức có quyền như tao mày còn tham nhũng hơn tao một trăm lần. Tao hay còn là người có đạo đức, nghe chưa!".

Xã hội Việt Nam ngày nay có khá nhiều triệu phú đô-la, còn những tỷ phú tiền Việt Nam thì nhiều vô kể; họ đã hình thành nên giới thượng lưu và trung lưu. Bên cạnh đó, số người nghèo, người thất nghiệp không biết bao nhiêu mà kể. Cái khoảng cách về mức sống giữa người giàu và người nghèo càng ngày càng rộng. Các nhà tư sản đó đều có nhà lầu, xe hơi và có nô tỳ hầu hạ, họ khen kiêu ngay cả với người trong họ hàng. Lối sống của họ là lối sống ăn chơi trác táng. Không mấy ông giám đốc, quan to là không có bồ, các bà vợ có biết cũng phải làm ngo. Nhưng cô gái có bồ là xếp, giám đốc, bộ thứ trưởng thì hành diện đi khoe khắp thiên hạ. Con gái làm đĩ công khai, bọn lưu manh ăn cướp giết người ngay cả ban ngày, ngay cả nơi chợ búa đông người. Nạn nghiện ma túy lan tràn, các sòng bạc có khắp mọi nơi. Có cả những tổ chức đâm thuê chém mướn, những tổ chức bắt cóc người đem sang Trung Quốc bán. Trên đường phố xe cộ chạy loạn xạ, tai nạn xe máy chết người liên tục xảy ra. Những nơi danh lam thắng cảnh, những đèn chùa, miếu mạo cũng trở thành những nơi móc tiền thiên hạ. [...]

Nói chung là văn phong đòi trực, dân tình tái tê. Xã hội Việt Nam phân hóa bởi những người thất cơ lỡ vận và những kẻ đục nước béo cò. Phân hóa bởi những người còn cố giữ kỷ cương, luân thường, đạo lý với những kẻ không còn nhân phẩm con người. Xã hội quay cuồng hỗn loạn. [...]

Những vụ anh chị em ruột thịt biến thủ tiền nong tài sản của người thân là Việt kiều không phải là hiếm. Một cán bộ tư pháp tại Sài Gòn nói với tôi: "Chúng tôi phải xử những vụ thật đau lòng như em ruột cướp đoạt tài sản của chị ruột, con trai tổng tiền cả cha mẹ". Việt kiều về nước kinh doanh nếu không cẩn thận sẽ hết nghiệp như chơi.

Tóm lại, tất cả những nọc độc xấu xa của chủ nghĩa tư bản rừng rú thì xã hội Việt Nam tiếp nhận một cách khá đầy đủ, nhưng những cái hay, cái tốt, cái văn minh lịch sự của xã hội tư bản vẫn minh lại chưa tiếp thu được bao nhiêu.

Xã hội Việt Nam ngày nay là như thế đó. Đất nước hôm nay là như vậy. Các bạn hãy nghĩ mình làm được gì để đưa đất nước tiến lên?

Nguyễn Anh Tuấn

Thông Luận 74 - Tháng 09.94

Thư kháng nghị về chế độ giam giữ phạm nhân hiện nay

LTS: Sau đây là kháng thư của bốn tù nhân chính trị: Đoàn Viết Hoạt, Trần Mạnh Quỳnh, Trần Tư, Lý Tống, trao cho ban giám thị trại Ba Sao, Nam Hà; ngày 1-4-1994 đã chuyển cho chính quyền cộng sản Việt Nam.

Sau kháng thư này, cả bốn người đều bị kỷ luật biệt giam. Chính quyền cộng sản buộc tội Đoàn Viết Hoạt đã "chủ mưu gây rối trong nhà tù" và chuyển ông về trại Thanh Cầm, Thanh Hóa. Tại đây, hiện nay Đoàn Viết Hoạt bị biệt giam tại một căn nhà riêng, không được tiếp xúc với bất cứ ai. Ông được cấp một miếng đất trước nhà và một số dụng cụ (cuốc xẻng, v.v...) để giết thời giờ.

Ba Sao hiện nay còn có nhiều tù nhân chính trị khác, trong đó đáng kể là các ông Đỗ Văn Thạc, Đỗ Văn Hưng, Phạm Quang Tín, Nguyễn Kim Năng.

Trại Nam Hà, ngày 1-4-1994

Kính gửi:

- Thủ tướng chính phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Đồng kính gửi:
- Viện trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao
- Bộ trưởng Bộ Nội Vụ
- (nhờ Ban giám thị trại Ba Sao, Nam Hà, chuyển giao)

Thưa Quý vị,

Chúng tôi ký tên dưới đây là Đoàn Viết Hoạt, Trần Tư, Lý Tống và Trần Mạnh Quỳnh, hiện đang bị giam giữ tại trại Ba Sao, Nam Hà.

Sau khi đã trải qua nhiều trại giam khác nhau từ Nam ra Bắc (Chí Hòa, Thủ Đức, Z30D, Xuân Phước và Nam Hà), chúng tôi nhận thấy chế độ giam giữ phạm nhân hiện nay có nhiều điều không phù hợp các công ước quốc tế về quyền con người, các công pháp và tập tục pháp quốc tế, và ngay cả luật pháp Việt Nam hiện nay. Chúng tôi xin gửi tới Quý vị kháng thư này liên quan tới những vi phạm mà chúng tôi đã thực tế trải qua hoặc trực tiếp biết được.

A. Về chế độ giam giữ và sinh hoạt:

1. Phạm nhân thuộc mọi thành phần xã hội (tu sĩ tôn giáo, trí thức, công chức nhà nước, các thành phần "xã hội đen"...) và mọi tội phạm khác nhau (hình sự, kinh tế, chính trị...) đều bị giam chung và chịu những hình thức sinh hoạt ăn ở, lao động như nhau. Điều này xảy ra ở hầu hết các trại giam. Chế độ giam giữ này đã dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực cho quá trình cải tạo các phạm nhân. Nhân phẩm, đạo đức và phong cách sống văn minh, có văn hóa không những không được phát huy mà còn bị thoái hóa. Thiếu số những người có nhân cách và phẩm chất sống tốt đẹp bị "hình sự hóa" bởi sự áp đảo và trấn lột của đa số quen lối sống của "xã hội đen".

2. Vì nhà tù có quá đông phạm nhân nên chỗ ăn ở quá chật chội (50cm, 60cm mỗi người), tiêu chuẩn vệ sinh rất thấp, trật tự an toàn trong trại khó bảo đảm (trộm cắp, đánh lộn, ức hiếp, trấn lột...).

3. Hầu như toàn bộ thời gian giam giữ được dành cho lao động. Các sinh hoạt vui chơi, giải trí, thể dục thể thao, học tập

gần như không có, hoặc nếu có cũng không đáng kể. Ở hầu hết các trại giam, nhiều hình thức vui chơi, giải trí và học tập còn bị nghiêm cấm (cấm ca hát, cấm học tập ngoại ngữ và kể cả văn hóa...).

4. Sức khỏe phạm nhân không được bảo đảm. Lao động nhiều và nặng nhọc nhưng ăn, mặc, ở và nghỉ ngơi dưới mức trung bình. Khi đau ốm, thuốc men thiếu thốn. Bệnh xá thường chật hẹp thiếu vệ sinh, người bệnh nhẹ bị nhốt chung với người bị bệnh truyền nhiễm.

5. Quan hệ con người trong trại giam thiếu tình thương và thiếu tính giáo dục. Ngôn ngữ sử dụng giữa cán bộ và phạm nhân thường thiếu văn hóa (thày-con, mày-tao, chửi, mắng). Còn nhiều trường hợp cán bộ đánh đập phạm nhân, có khi bằng cả roi vọt, và bắt phạm nhân phục vụ riêng cho mình.

B. Việc tổ chức lao động cải tạo:

1. Việc bắt buộc mọi phạm nhân không phân biệt tội trạng và án phạt đều phải lao động tay chân thực là nặng nhọc, 8 giờ một ngày, có khi cả chủ nhật và được giải thích là để thi hành pháp lệnh thi hành án mới ban hành. Chúng tôi cho rằng cần phải xét lại ngay cả cơ sở pháp lý của việc bắt buộc mọi phạm nhân lao động tay chân nặng nhọc trong thời gian bị giam giữ vì những lý do sau đây:

a/ Hiến pháp 1992, điều 71 qui định: "Không một công dân nào bị coi là có tội khi chưa bị Tòa án xét xử với một bản án có hiệu lực pháp lý". Điều này cho thấy chỉ có bản án do Tòa án phán quyết mới có giá trị pháp lý để thi hành. Mọi việc thêm bớt vào án phạt của Tòa án, dưới bất cứ hình thức nào và do bất cứ cá nhân hoặc cơ quan nào, trong thời gian thi hành án là hoàn toàn vi phạm tinh thần và nội dung điều 71 Hiến pháp hiện nay.

b/ Pháp lệnh thi hành án là một văn bản pháp lý dưới Luật tất nhiên cũng không thể đi ngược lại tinh thần và nội dung của điều 71 cùng như các điều khoản khác của Hiến pháp, đạo luật căn bản của mọi đạo luật. Nói cách khác, việc qui định các hình thức thi hành án không thể vượt ra ngoài phán quyết của Tòa án liên quan tới thời gian và hình thức án phạt. Cụ thể hơn nữa, việc tổ chức lao động, nhất là lao động tay chân nặng nhọc cho phạm nhân chỉ có thể áp dụng một cách hợp hiến và hợp pháp đối với những bản án mà Tòa án có qui định phạt lao động với hình thức cụ thể (lao động nhẹ, lao nặng khổ sai...).

c/ Tòa án hiện nay của nước ta chỉ có án phạt tù giam mà chưa qui định có hay không có lao động, cũng như lao động nhẹ hay lao động khổ sai. Mọi qui định về lao động dưới bất cứ hình thức nào do đó đều không phù hợp với án lệnh và phán quyết của Tòa án hiện nay, và nếu vẫn đem thi hành thì vừa vi phạm điều 71 của Hiến pháp hiện nay, vừa vi phạm tập quán và công pháp quốc tế, và đặc biệt là vi phạm các công ước về dân quyền và nhân quyền liên quan tới Tòa án, quá trình xét xử và giam giữ...

2. Hình thức tổ chức lao động và cường độ lao động hiện nay ở các trại giam mà chúng tôi đã đi qua hoàn toàn thiếu nặng về hình phạt và về hiệu quả kinh tế. Các trại giam thường tính toán lời lô của một cơ sở kinh doanh sản xuất ngoài xã hội. Có trại (Nam Hà) đặt hẳn trách nhiệm của phạm nhân là "làm giàu cho trại". Thực tế này đã gây ra những hậu quả tai hại sau đây:

a/ Phạm nhân luôn luôn có ấn tượng là họ bị "bóc lột sức lao động". Thêm vào đó, tình trạng ăn ở, sinh hoạt tồi tệ trong trại giam như mô tả ở trên lại càng tác động xấu vào quá trình cải tạo của phạm nhân. Chúng tôi cho rằng hình thức tổ chức lao động cũng như ăn ở, sinh hoạt như hiện nay ở các trại giam hoàn toàn không đạt hiệu quả "cải tạo" như mong muốn.

b/ Việc bắt phạm nhân lao động **cực nhọc** để sinh lời cho trại giam và đóng góp vào ngân sách quản lý trại giam của chính phủ tạo ra một hình ảnh không tốt đẹp về nhân quyền và chế độ lao tù của nước ta.

c/ Lao động trong thời gian giam giữ chỉ có giá trị cải tạo khi đem lại lợi ích cho phạm nhân. Muốn thế, lao động cần gắn liền với huấn nghệ, học tập nâng cao kiến thức và văn hóa tổng quát, cũng như với một môi trường sống nhân đạo, nhân ái, văn minh và tiến bộ. Điều này đòi hỏi phải tổ chức lại chế độ lao động, học tập đồng thời với việc cải thiện mạnh mẽ và sâu rộng mọi mặt sinh hoạt của trại giam.

C. Kiến nghị:

Từ những nhận định trên đây, chúng tôi kiến nghị với quý vị những điều cụ thể sau đây:

1. Thành lập một Ủy ban Quốc gia Thanh sát các trại giam. Ủy ban này phải hoàn toàn độc lập với các cơ quan có liên hệ tới việc tổ chức và điều hành các trại giam, đặt trực thuộc Quốc hội hay Thủ tướng để thanh tra tất cả các trại giam, đồng thời nghiên cứu và đề nghị các biện pháp cải thiện chế độ lao tù.

2. Rà soát lại các văn bản pháp lý liên quan tới mọi khía cạnh của việc tổ chức và quản lý các trại giam cũng như tới việc thi hành án phạt của Tòa án. Sửa đổi mọi điều vi phạm tinh thần và nội dung Hiến pháp hiện hành.

3. Trong khi chờ đợi, cải thiện ngay một số điều liên quan tới lao động và sinh hoạt trong các trại giam để giảm bớt một số mặt tiêu cực và tăng cường tác dụng cải tạo của quá trình giam giữ.

Chúng tôi đề nghị cụ thể:

a/ Bỏ mọi hình thức lao động nặng nhọc. Giảm giờ lao động.
b/ Tổ chức các lớp học tập, văn hóa, ngoại ngữ, nghề nghiệp...

c/ Tổ chức các hình thức sinh hoạt giải trí, văn nghệ, thể dục, thể thao...

d/ Tận dụng khả năng và nhân lực của chính các phạm để tổ chức các loại hình thức sinh hoạt này.

4. Riêng phần chúng tôi, kể từ ngày gửi thư kháng nghị này, chúng tôi sẽ ngưng tham gia mọi hình thức lao động chân tay vì những lý do sau:

a/ Trong tinh thần và nội dung của bản kháng nghị này, việc ngưng tham gia mọi hình thức lao động chân tay vừa thể hiện tinh thần thực của những nhận xét, quan điểm và kiến nghị mà chúng tôi đã trình bày ở trên, vừa là một đóng góp cụ thể và tích cực vào quá trình cải thiện chế độ lao tù ở nước ta hiện nay.

b/ Vấn đề "cải tạo", đặc biệt cải tạo qua lao động chân tay, hoàn toàn không phù hợp với trường hợp chúng tôi là những người đang bị giam giữ vì lý do chính trị. Vấn đề Dũng-Sai của tư tưởng và quan điểm chính trị không thể giải quyết đơn thuần bằng quá trình gọi là "lao động cải tạo".

c/ Chúng tôi cho rằng các hình thức lao động tay chân hoàn toàn không phù hợp với tình trạng sức khỏe thể xác cũng như năng lực tinh thần và trình độ văn hóa của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng trong thời gian còn tạm thời bị "cách ly khỏi xã hội", chúng tôi vẫn có thể đóng góp hoặc chuẩn bị cho sự đóng góp trong tương lai một cách tích cực hơn, hữu hiệu hơn vào quá trình đi lên của đất nước bằng năng lực và hiểu biết của mình hơn là bằng các hình thức lao động chân tay giản đơn và nặng nhọc.

Thưa Quý vị,

Từ trại giam Nam Hà, chúng tôi đã quyết định gửi đến Quý vị thư kháng nghị này vì cho rằng, sau khi đã trực tiếp được những đang xảy ra trong các trại giam mà chúng tôi đã đi qua, chúng tôi không thể tự nhận mình là những con người tự trọng, trung thực, thiết tha với tiền đồ của dân tộc mà không nói lên những nhận xét, quan điểm và kiến nghị của mình. Chúng tôi thẳng thắn gửi đến Quý vị thư kháng nghị này vì tin rằng công lý sẽ thắng, nền dân chủ pháp trị sẽ sớm được xây dựng trên đất nước chúng ta, rằng tinh thần nhân đạo, lòng nhân ái trong truyền thống văn hóa Dân tộc Việt sẽ vượt thắng mọi bất công, lục hậu và hận thù để tạo ra một không khí chính trị-xã hội Đại Phản Tỉnh và Đại Hòa Dân Tộc để mở đường cho việc xây dựng một nước Việt Phòn vinh, Hạnh phúc và Tự do trong thời đại 2000.

Trân trọng kính chào Quý vị,

Đồng ký tên:

Đoàn Viết Hoạt, Trần Tư,

Trần Jimmy (Trần Mạnh Quỳnh), Lý Tống

Dính chính:

Trong bài "Bạn đường" của Phạm Trọng Luật đăng trên Thông Luận số 73, trang 20, ở đoạn đầu có câu của Aristote: "...Khi làm bạn với nhau, người ta không cần đến chân lý...". Xin bạn đọc thay "chân lý" bằng "công lý" cho đúng với bản viết của tác giả.

Bạn biên tập thành thực xin lỗi tác giả và bạn đọc về sự sơ sót này.

Việt Nam đang ở đâu ?

Quản Mỹ Lan

Thẩm thoát thế mà đã gần hai mươi năm người cộng sản đã đầy bạt những người không đồng ý với họ ra khỏi đất nước, đó là một hiện tượng không tiền khoáng hậu của lịch sử Việt Nam. Sáu mươi lăm năm kể từ ngày có đảng, năm mươi năm nắm trọn quyền binh trong tay, người cộng sản Việt Nam đã gặt hái được những gì? Thành quả ấy có phải là điều mà người dân Việt Nam vẫn chờ đợi? Hôm nay ngồi ngâm lại quá khứ, nhìn hiện tại chúng ta thấy được những gì, đất nước đang ở đâu trong cái biến động xoay vần khủng khiếp của thế giới?

Đây không phải là lúc vì hận thù mà ta khơi lại những đau khổ của dân tộc, những thăng trầm của một đất nước điêu linh. Đây phải là một bản điều trần trước toàn dân cho thế hệ này và những thế hệ mai sau. Mọi đoàn thể, mọi cá nhân có bỗn phận đóng góp những hiểu biết của mình vào bảng tổng kết này, kể cả người cộng sản. Chúng ta hãy cùng nhau liệt kê, phân tích tất cả những điểm xấu cùng như tốt, những thành quả vẻ vang cùng như những thất bại ê chề để nhìn cho rõ hơn, để cùng nhau bước vào thế kỷ thứ hai mươi mốt, với hy vọng rút tinh túc được những bài học của quá khứ để xây dựng một tương lai xán lạn cho đất nước trong kỷ nguyên mới.

Để làm bảng tổng kết này, ta sẽ tránh tuyệt đối những ngôn từ đao to búa lớn, kinh nghiệm cho thấy những gì chân thật mới bền vững, mới đi vào lòng người. Đây không phải là một bản cáo trạng mà là một phúc trình chung làm tiền đề cho một chính sách mai hậu. Mọi người, mọi tổ chức, đoàn thể sẽ từ đây rút tinh túc những bài học cho mình. Sau khi mọi phúc trình đã hoàn tất, tất cả các cơ quan truyền thông: báo chí, truyền thanh, truyền hình sẽ phổ biến để mọi người cùng biết.

Về luật pháp: Quý vị là những luật gia, quý vị sẽ xét từ nửa thế kỷ qua đất nước Việt Nam đã có những luật pháp gì, đã áp dụng ra sao. Luật hay lệ? Những bộ luật đã áp dụng ở miền Nam, miền Bắc trước 1975, những bộ luật được áp dụng từ sau 1975 trên toàn quốc. Tất cả những bộ luật ấy có những gì là ưu điểm, là khuyết điểm, nước Việt Nam cần có những bộ luật gì? Như thế nào? Quan niệm về luật pháp giữa những người có tư tưởng tự do và những người cộng sản khác nhau ở đâu. Các hội như những hội những luật gia Việt Nam tự do, những luật gia trong nước có thể làm việc này dễ dàng.

Về quân sự: Đây không phải là lúc tố cáo những tướng lãnh tham nhũng (trước cũng như sau 1975) nhưng cần xét xem đường lối quân sự Việt Nam từ nửa thế kỷ qua ra sao, ta có thể vẫn áp dụng một đường lối tương tự như trước đây hay không? Có cần duy trì một lực lượng quân sự quá công kèn như hiện tại, vũ khí đạn dược quân đội mới lúc nào đứng hàng thứ tư trên thế giới nay ra sao? Bán bớt, cù kỳ, không có khả năng cập nhật hóa trong khi Trung Quốc - người láng giềng - càng ngày càng lộng hành (Trung Quốc chiếm các đảo của Hoàng Sa, Trường Sa...) ai sẽ là người giúp ta bảo vệ Tổ quốc? Khi những nhà quân sự trong nước la lối chống diễn biến hòa bình thì có phải rằng mọi người yêu nước (trong và ngoài nước) đều chỉ mong có thể; hoán chuyển được tình thế trong êm thầm như cách mạng nhưng tại Tiệp Khắc có phải là hạnh phúc lớn của dân tộc?

Về kinh tế: Với những tài năng về kinh tế của người Việt tại hải ngoại, ta có thể làm không mấy khó khăn bằng tổng kết về tình trạng kinh tế của Việt Nam từ trước đến nay. Kinh tế tập trung ở miền Bắc đã để lại những tệ trạng gì? Những vùng kinh tế mới ở miền Nam sau 1975 cũng như những kế hoạch năm năm được đặt ra như những mục tiêu hàng đầu tại sao lại thất bại trong khi những chương trình định điền, khẩn hoang lập ấp, người cày có ruộng trước đây đã có thể gọi là thành công? Những vùng đất rừng như ở Bảo Lộc (Lâm Đồng), những vùng vòng đai quanh Sài Gòn, vùng Túc Trung, Gia Kiệm, Biên Hòa, Thủ Đức đã là những thành công trong việc ổn định đời sống kinh tế của dân chúng. Hình thức khu trù mật, mai sau có khả thi hay không? Kinh tế thị trường như hiện nay là tốt hay xấu, tính về lâu về dài cho đất nước? Nhìn Việt Nam hôm nay mà bảo mười năm nữa thành "Rồng" thì có thực tế hay chỉ là một mơ ước viển vông? Tất cả những câu hỏi ấy những nhà kinh tế trong và ngoài nước có thể trả lời cho nhân dân Việt Nam.

Về giáo dục: Chúng tôi quan niệm đây là vấn đề hệ trọng nhất trong một quốc gia, chưa nói đến hiện tượng sau hoà bình số người mù chữ còn nhiều hơn trong chiến trận, chương trình học của ta cho đến nay rất từ chương, người học sinh, sinh viên khi ra trường chưa có được những kiến thức đi sát với thực tế. Ngày nay, tại các quốc gia phát triển (nhất là Hoa Kỳ; Pháp, Đức cũng đã bắt đầu), học sinh, sinh viên khi tốt nghiệp đã có thể bắt tay ngay vào công việc (dĩ nhiên là tùy theo ngành, ví dụ sau khi có tú tài về kế toán hay cao đẳng về tin học tại Pháp có thể hội nhập vào thị trường việc làm được dễ dàng). Ta có cần có một chương trình duy nhất hay nên có hai chương trình huấn luyện khác nhau, một cho những người muốn ra đi làm sau tú tài, cao đẳng hay chương trình huấn luyện dài hạn 4, 5, 7 năm sau tú tài để trở thành những chuyên gia, những nhà nghiên cứu. Chương trình ấy cần phải được hoạch định rõ ràng để người học sinh, sinh viên có thể chọn lựa tùy theo khả năng của mình sau khi học xong bậc cưỡng bách giáo dục phổ thông (tiểu học hay lớp 9?). Nhưng giáo dục cơ bản nhất là giáo dục gia đình, người công dân tốt là người có giáo dục gia đình vững chắc và giáo dục gia đình chỉ tốt khi xã hội không bị băng hoại, con người không bị tha hóa... Sau khi tiếp xúc với một số gia đình nè nè tại Hà Nội và Sài Gòn, chúng tôi vui mừng khi thấy mầm mống tốt vẫn còn tiềm tàng trong sức sống của dân ta. Những vụ trò đánh thầy, cô giáo tự tử vì đắng, đoàn đuổi khỏi trường là những vết nhơ, một thất bại của giáo dục gia đình, giáo dục học đường hiện tại.

Về văn hóa: Nếu văn chương, thi ca, âm nhạc, hội họa, kiến trúc hay nghệ thuật ăn uống - nghĩa là những gì rất tinh tế - là văn hóa, thì thử hỏi năm mươi năm qua ta đã có thứ văn hóa nào? Những gì khi ta đọc, nhìn ngắm, nghe v.v mà khó chịu thì đấy là những trò phản văn hóa. Các ông Võ Phiến, Đặng Tiến, Phạm Duy, Đinh Cường, Tạ Trọng Hiệp hay Quỳnh Hạnh v.v... là những người sẽ cho ta biết rất rõ những gì đã xảy ra ở những bộ môn ấy trong suốt nửa thế kỷ qua. Đây chỉ là một phần nhỏ trong khối người có thể cho ta biết về vấn đề này, còn phải kể đến những người trong nước nữa... Các bộ môn như báo chí, truyền thanh, truyền hình, điện ảnh là những phương tiện thể hiện văn hóa cự

thể nhất. Ngoại trừ truyền hình còn non trẻ, các hình thức truyền bá tư tưởng, văn hóa ấy cũng cần có những chương trình kế hoạch cụ thể trong tương lai sau khi rút tiá được những kinh nghiệm, những bài học của quá khứ. Có cần phác họa ra một mẫu người Việt Nam có văn hóa, những "người trung bình" biết sống với nhau cho tử tế. Chính ở văn hóa, giáo dục mà ta gây dựng lại giống nòi Việt Nam! Chính ở văn hóa, ta phục vụ dân tộc chứ không phục vụ quyền lực; ý niệm tự do dân chủ bắt nguồn từ một dân tộc có văn hóa. Khi đã có văn hóa thì chủ thuyết nào đến cũng được sàng lọc một cách tự nhiên, không một thế lực nào áp đặt được.

Về y tế: Nền y tế nước ta đang ở đâu? Một câu hỏi mà những người đã trở về Việt Nam cũng khó trả lời một cách dứt khoát vì nó ở rất xa trí tưởng tượng của chúng ta. Trong một nước lấy công bằng xã hội làm nền tảng (xã hội chủ nghĩa) thì y tế lại là nơi biểu lộ rõ nét nhất về bất công xã hội. Nhà thương tốt, thuốc tốt dành cho cấp lãnh đạo, người nghèo không được chăm sóc sức khỏe. Những ai có dịp đi về miền quê xa một tí (hay chỉ ở ngoại thành những tỉnh lớn) là thấy ngay những bất công khủng khiếp ấy. Dân tộc kiệt quệ, cụ thể nhất là do nền y tế không được nhà nước quan tâm đúng mức. Một hiện tượng lạ là số bác sĩ, được sĩ được đào tạo khá nhiều, có vài nơi thừa thãi nhưng số dì họ không nhận công tác ở xa vì "ở xa" có nghĩa là bị bỏ rơi. Không phương tiện điều trị trong tay thì kiến thức của người thầy thuốc chỉ là mớ hiểu biết suông. Một vài bệnh tùng được coi là không còn ở miền Nam nay bắt đầu tung hoành trở lại. Kế hoạch mở mang mạng lưới y tế nông thôn cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn để có thể đưa ra một chương trình y tế cụ thể, áp dụng được. Y tế, dinh dưỡng yếu kém đưa đến những thảm trạng đáng lẽ không có... Đó là chưa kể đến căn bệnh thời đại đang làm điên đầu các nhà khoa học Tây phương, đó là bệnh SIDA, một nguy cơ mà ta chưa đánh giá được hết hậu quả tai hại của nó. Kế hoạch hóa gia đình một cách hữu hiệu để kiểm soát đà gia tăng dân số không những giải quyết được vấn đề y tế mà còn bao nhiêu vấn đề chung quanh như kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội v.v... Giao một phần trách nhiệm về y tế, giáo dục, xã hội cho tôn giáo là những điều đã được áp dụng hầu như khắp nơi trên thế giới, điển hình là tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Các nhà nghiên cứu chuyên môn về vấn đề này nghĩ gì? Nếu có sự hợp tác giữa những nhà y tế trong nước và hải ngoại để thiết lập một "hồ sơ bệnh lý" cho nền y tế Việt Nam thì lo gì không chữa cháy được cho con bệnh trầm kha này!

Về tôn giáo: Đây là một vấn nạn đang gây sôi nổi trong và ngoài nước. Sự tàn phá và trưng dụng chùa chiền, miếu đền, nhà thờ tại miền Bắc, và miền Nam sau 1975, tự do tôn giáo chỉ có trên giấy tờ thì người trong nước hơn ai hết có thể cho ta biết tất cả các chi tiết. Những biến cố như vụ Phong thánh (Công giáo), vụ cảng thẳng giữa nhà nước và Phật giáo trong đám tang hòa thượng Thích Đôn Hậu, vụ hòa thượng Thích Huyền Quang là gần đây nhất. Nhưng cách đây hơn 30 năm đã có vụ Phật giáo làm lung lay cả một chế độ chính trị. Tôn giáo là một vấn đề đáng để những nhà nghiên cứu quan tâm, đúc kết thành một văn bản làm kim chỉ nam cho chính sách tôn giáo sau này.

Về chính trị: Có lẽ đây là đề tài được nhiều người quan tâm nhất. Vì chính trị là vấn đề cốt lõi của quốc gia nên tìm hiểu về các thể chế chính trị đã được áp dụng tại Việt Nam là điều chúng ta tùy theo vị trí, sở trường của mình tham gia vào cuộc thảo luận này. Có thể là có nhiều nghiên cứu của cá nhân đã bị bỏ qua. Từ 1945 đến nay, đã có những hình thức Cộng Hòa, Dân Chủ Cộng Hoà, Xã Hội Chủ Nghĩa vv... ở Việt Nam. Nhưng chiếu theo

những định nghĩa ta có biết những chế độ ấy đã được áp dụng đúng nguyên tắc, những giá trị mà nó bao hàm hay không?

Tất cả bắt nguồn từ chính trị và có lẽ cùng chính vì thế mà ngày nay người cộng sản chỉ muốn làm chính trị một mình. Bất cứ người nào dù tài giỏi đến đâu mà không ở trong guồng máy của đảng Cộng Sản đều bị gạt ra khỏi bộ máy chính trị. Chính trị đi liền với quyền lực và quyền lợi nên không ít người muốn qua con đường ấy để tiến thân. Nhưng nếu quan niệm chính trị là gánh vác việc nước với tấm lòng tha thiết đối với quê hương và cống hiến mọi khả năng của mình để phục vụ xứ sở thì con đường chính trị là con đường nhiều chông gai nhất vì trách nhiệm nặng nề hơn bất cứ một nghề nghiệp nào khác. Một chính sách chính trị sai lầm có thể làm hư hỏng nhiều thế hệ! Việt Nam cần có một nền chính trị như thế nào là do nhiều người cùng làm việc chung có thể dẫn đến một bảng tổng kết giá trị mà mọi người Việt Nam đang chờ đợi.

Về ngoại giao: Nền ngoại giao của Việt Nam Cộng Hòa trong suốt 20 năm trước 75 đã ra sao?, của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở miền Bắc đã ra sao? Tất cả đã để lại hình ảnh gì trong cộng đồng thế giới? Không thể chối cãi được là người Cộng Sản ở miền Bắc đã thành công khi họ bị bắt mất được toàn thế giới (?) bằng một chính sách ngoại giao được tính toán hết sức tinh vi. Chính nhờ ngoại giao mà người Cộng Sản đã toàn thắng trong trận chiến kinh hoàng nhất kể từ ngày lập quốc! Nhưng cũng chính vì thế mà họ đã mất hết cảm tình, lòng tin của thế giới. Ngày nay với một chính sách ngoại giao mới, Việt Nam đang dần dần lấy lại được lòng tin. Một nhà ngoại giao đã tâm sự với chúng tôi, khi ông làm đại sứ tại một nước nọ, ông đã bỏ ra không ít thời giờ để cải chính, biện minh, bênh vực cho việc làm của chính phủ tại Sài Gòn vì "tối ngày bị gọi mắng vốn"! Qua những bài học quá khứ ấy ta rút tiá ra những kết luận nào? Ai biết rõ về ngoại giao hơn các cựu ngoại trưởng Vương Văn Bé, Trần Văn Lắm của miền Nam, Nguyễn Cơ Thạch, Nguyễn Mạnh Cầm của miền Bắc?

Trên đây là những gợi ý rất sơ lược, còn rất nhiều lĩnh vực mà cũng có những nghiên cứu tập thể do một hay nhiều tổ chức đứng đầu, nhất là những tổ chức đã được hình thành từ trong nước trước 1975. Không ai có thể biết rõ về thanh niên hơn các hội như Thanh Niên Thiện chí, Hướng Đạo Việt Nam, Gia Đình Phật Tử, Thanh Sinh Công hay như Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, Thanh Niên Cứu Quốc... Hiện tình khoa học Việt Nam thì nhà khoa học Jean Trần Thanh Vân có thể cho ta những nét đại cương và nếu muốn biết rõ những tiến bộ về nông nghiệp từ 1955 đến 1975 tại miền Nam thì phải trông cậy những nhà nghiên cứu lương nông tại Viện Nghiên Cứu Nông Nghiệp Sài Gòn và Cần Thơ. Tiếp theo giai đoạn nghiên cứu là các cuộc thảo luận có qui mô, tập trung vào những chủ đề rõ rệt. Lúc ấy lại là công việc của tất cả mọi phương tiện truyền thông: sách vở, báo chí, truyền thanh, truyền hình để phổ biến cho mọi nơi, mọi giới với những buổi hội thảo, làm sao để những gì viết ra là gần với sự thật nhất, có trọng lượng nhất. Cuối cùng sẽ đưa ra bảng đúc kết có giá trị làm nền tảng cho những dự tính tương lai của đất nước.

Đến những ngày kỷ niệm (như 30 tháng 4: Quốc Kháng, Quốc Hận, ngày mất nước, hay 2 tháng 9: Quốc Khánh, ngày Độc Lập...) là những dấu mốc, để ta -thay vì say sưa với những hào quang chiến thắng, hay nhục nhã với chiến bại- sẽ dùng những bảng tổng kết ấy như những diễn văn hùng hồn chinh xác, ôn lại một trang sử cũ, lật qua, và cùng nhau bắt tay vào việc viết một trang sử mới của đất nước, thực tâm hòa giải để mở ra một tương lai mới cho quê hương.

Quản Mỹ Lan

Bàn thêm về "nhà nước pháp quyền"

Trần Thanh Hiệp

Nhân dịp tôi đọc tham luận bác bỏ việc dịch thành ngữ "Nhà nước pháp quyền", vì bản chất chuyên chế của "Nhà nước" này, ra pháp văn là État de droit, cựu khoa trưởng Vũ Quốc Thúc (trường Luật Saigon) có viết hai bài báo bằng tiếng pháp đăng trên nguyệt san Tiếng Gọi Dân Tộc (Appel De La Nation), số 28 & 29 án hành tại Paris để nhận định về quan điểm của tôi đồng thời trình bày quan điểm của ông về vấn đề ấy, nhưng với một số kết luận không cùng chiều với tôi (thí dụ: *Ta hãy tạm coi là nhà đương quyền Việt Nam muốn tiến tới một chế độ pháp trị thực sự. Mục tiêu này hãy còn xa với những không vì thế mà nhất định phủ nhận thiện chí của họ.*). Hai bài báo tiếng Pháp sau đó cũng đã được cựu khoa trưởng Vũ Quốc Thúc dịch ra tiếng Việt (một vài đoạn chỉ phỏng dịch) để đăng trên một vài tờ báo viết ngữ tại Mỹ.

Có nhiều thân hữu hỏi tôi: "Phải chăng như vậy là đã có mâu thuẫn về lập trường (không thấy nói lập trường luật học hay lập trường chính trị) giữa những người luật gia không cộng sản, đã có nút rạn trong hàng ngũ người Việt hải ngoại chống độc tài toàn trị ở trong nước?". Xin nói ngay rằng sự mâu thuẫn giữa các luật gia là điều thường xảy ra trong ngành luật học Phương Tây, giả dụ có xảy ra giữa cựu khoa trưởng Thúc và tôi thì cũng không có gì đáng coi là không bình thường.

Nhưng sự thật, theo tôi, qua những ý kiến cựu khoa trưởng Thúc và tôi đã trình bày về hai loại Nhà nước "pháp quyền" và "pháp trị", giữa chúng tôi không hề có mâu thuẫn về lập trường luật học, chỉ có một số khác biệt trong cách đặt và cách nhìn vấn đề trên bình diện chính trị.

Bài viết này có mục đích nói rõ về những khác biệt ấy và từ đó bàn rộng thêm về thái độ những luật gia không cộng sản nên có đối với "Nhà nước pháp quyền".

Một điều chỉnh để giới hạn cuộc đối chiếu các ý kiến

"Nhà nước pháp quyền" là một thành ngữ mới xuất hiện trong ngôn ngữ chính trị cộng sản Việt Nam, chưa được định nghĩa ngay cả trong các từ điển cộng sản. Vì vậy đối với các luật gia không cộng sản, thành ngữ ấy chưa thể coi là một thuật ngữ chính trị đã có nghĩa ổn định.

Trong một cuộc hội thảo được tổ chức tại Paris hồi đầu tháng tư dương lịch, đứng trên quan điểm luật học và dõi tìm tòi chi của hai thành tố "Nhà nước" và "pháp quyền" của thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" - một Nhà nước chuyên chế - tôi khẳng định rằng không thể đồng hóa nội dung thành ngữ này với nội dung thành ngữ tiếng pháp "État de droit", một Nhà nước dân chủ tự do.

Trong những bài viết nhắc lại ở trên, cựu khoa trưởng Thúc tuy chia sẻ với tôi mối lo ngại về nội dung mập mờ của "khẩu hiệu Nhà nước pháp quyền", đã sửa đổi phạm vi nghiên cứu đề tài này về nhiều mặt bằng cách một đàng thu hẹp vấn đề trong phạm vi từ ngữ, bỏ qua hiện tại để chỉ bàn về tương lai

và trong viễn tượng đó, tạm coi "Nhà nước pháp quyền" là một "État de droit" đang thành, đàng khác hô hào và chỉ dẫn cộng đồng ngữ Viết hải ngoại hành động để thúc đẩy "tiến trình xây dựng nền pháp trị ở quốc nội".

Điều nghịch lý là sự can thiệp của cựu khoa trưởng Thúc vừa làm cho vấn đề vài phần sáng tỏ thêm lại vừa làm cho vấn đề có nhiều chỗ tối đi. Vì là người đã nêu lên vấn đề, tôi tự cảm thấy có bổn phận phải thâu thập, càng nhiều càng tốt, những yếu tố thẩm lượng để dư luận nắm được vấn đề. Cho nên tôi đã viết một bài bằng Pháp ngữ với độ dài tương đương với hai bài của cựu khoa trưởng Thúc nhằm xác định, trước dư luận người Pháp, lập trường của một luật gia không cộng sản chống lại, có viện dẫn lý do, "Nhà nước pháp quyền". Đối với dư luận Việt Nam, tôi xin tóm tắt những ý kiến tôi mới trình bày trong bài viết bằng Pháp ngữ về đề tài "Nhà nước pháp quyền" để bồi túc những ý kiến tôi đã phát biểu trước đây luôn thể góp phần với cựu khoa trưởng Thúc làm sáng tỏ thêm vấn đề "Nhà nước pháp quyền", ít ra trong khuôn khổ cuộc đối chiếu quan điểm rất tình cờ giữa chúng tôi.

Tuy nhiên, vì những hạn chế khách quan (báo nào cũng muốn bài viết phải ngắn gọn nhưng lại không được khó đọc, khó hiểu trong khi vấn đề cần tìm hiểu lại rất mới, rất phức tạp!), người viết phải tự giới hạn, chỉ bàn vài điểm xét ra không thể bỏ qua được mà thôi.

1. "Nhà nước pháp quyền", xét về mặt "từ ngữ"

Cũng như toàn bài viết, đoạn góp ý này, không nhằm "tranh cãi" những ý kiến của cựu khoa trưởng Thúc, chỉ nhằm đưa thêm một vài điều liên quan đến vấn đề thảo luận, nhưng điểm chưa được đề cập hoặc chưa được quảng diễn.

Cho là "khẩu hiệu Nhà nước pháp quyền đã gây ra một cuộc tranh cãi về từ ngữ", nhưng đường như muốn đứng ngoài cuộc "tranh cãi" ấy, cựu khoa trưởng Thúc đã xác định trong bài viết bằng tiếng Pháp *Vers la réalisation de l'État de droit au Viet Nam*, đăng trên Tiếng Gọi Dân Tộc số 28, rằng "*điều đáng cho chúng ta lưu tâm*", đúng hơn, "*là vấn đề ngữ nghĩa*" (1).

Vô tình hay hữu ý, qua câu viết ngắn ngủi này, cựu khoa trưởng Thúc đã mở rộng thêm ra rất nhiều phạm vi cuộc "tranh cãi" vì ông đã gắn liền một vấn đề luật học với một vấn đề ngôn ngữ học (linguistique).

Thật vậy, nói tới ngữ nghĩa là phải nói tới ngữ-nghĩa-học (la sémantique), một bộ phận của ngôn- ngữ-học (la linguistique), môn này lại liên hệ tới các môn tín-hiệu-học (la sémiologie), ký-hiệu-học (la sémiotique)... Ngoài ra, việc một tác giả diễn tả ý kiến của mình bằng ngoại ngữ để trình bày về một vấn đề được bàn luận bằng tiếng mẹ đẻ đã đặt thêm ra vấn đề "dịch thuật". Sau hết, gián tiếp đồng hóa thành ngữ tiếng Việt "Nhà nước pháp quyền" với thành ngữ tiếng Pháp "État de droit" là đưa người đọc đến chỗ phải qui chiếu vào

những kiến thức thuộc các môn ngôn-ngữ-học đối-chiéu, định-nghĩa-học. Như vậy e rằng, đối với người đọc, có thể làm cho vấn đề tối đi. Cho nên cần phải mang thêm đến những ánh sáng mới để đẩy lui những vùng còn tối, mở rộng những vùng đã sáng. Ở đây, tôi chỉ xin nói thêm - và rất sơ lược - về một vài điều liên quan đến ngôn-ngữ-học, nhưng trong khuôn khổ môn ngôn-ngữ-học pháp-lý (linguistique juridique), một môn học tương đối mới của đại học Pháp (hình như trước đây không được giảng dạy tại các trường Luật Việt Nam, tôi nói điều này với dè đặt sai sót).

Luật pháp trước hết là một vấn đề ngôn ngữ

Chúng ta nên cảm ơn cựu khoa trưởng Thúc khi ông lưu ý người đọc về mặt ngôn ngữ của luật học. Vì luật pháp là một ngôn ngữ riêng (language), có nhiều khác biệt với tiếng nói chung, tiếng nói thường (langue commune, naturelle) ở mọi cấp độ, từ từ vựng qua ngữ nghĩa đến cú pháp, ngữ pháp, biểu văn v.v... Và ngôn ngữ có một chỗ đứng cực kỳ quan trọng trong luật pháp nếu không muốn nói rằng chính ngôn ngữ đã đe ra luật pháp; luật pháp, trước hết và trên hết là một vấn đề ngôn ngữ, được thể hiện trong thực tế qua ngôn ngữ.

Chỉ cần một thí dụ cũng đủ chứng minh điều này: Bộ Luật hình sự hiện đang được áp dụng trong nước, nơi Điều 1, có ghi rằng "*Bộ luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân (...), bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa (...), chống mọi hành vi phạm tội (...)* Để thực hiện nhiệm vụ đó, *Bộ luật quy định tội phạm và hình phạt đối với người phạm tội*". Rõ ràng luật pháp được cộng sản lạm ra là để bảo vệ những cái mà ngôn ngữ cộng sản gọi là *chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ tập thể, trật tự pháp luật, tội phạm, hình phạt, người phạm tội*. Điều nổi bật là những thứ này đều do ngôn ngữ gọi tên, trong thực tế chúng đã thay đổi nhiều lần từ nhiều năm nay nhưng "Đảng" vẫn giữ nguyên tên gọi cũ. Nói cách khác, chúng chỉ hiện hữu qua ngôn ngữ, không phải ngôn ngữ chung, ngôn ngữ tự nhiên, mà là ngôn ngữ riêng của "Đảng", được "Đảng" thông qua "Quốc hội" đưa ra áp đặt như một ngôn ngữ chung, do "Đảng" tự quyền, toàn quyền giải thích và áp dụng. Trước tòa án cộng sản, quan tòa, công tố viên, luật sư về hùa với nhau theo ngôn ngữ "Đảng", mà kết tội người bị coi là phạm tội. Các bị can trong vụ án Đoàn Viết Hoạt sự thực không phải là nạn nhân của luật pháp cộng sản mà là của ngôn ngữ cộng sản! Ai không tin điều này, xin hãy suy ngẫm về những cụm từ "chống Đảng", "chống cách mạng", "chống chế độ" là những tiếng có sức mạnh, sức nặng ghê gớm, đã cho "Đảng" quyền bách hại bao nhiêu người, kể cả những người cộng sản.

Để hiểu thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" phải đi sâu vào ngôn ngữ cộng sản

Chính vì ảnh hưởng ghê gớm ấy của ngôn ngữ cộng sản mà tôi đã phải tìm hiểu kỹ càng thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" về mặt "ngữ nghĩa" (hay để hiểu, tạm gọi là "từ ngữ" cũng được). Tôi quan niệm rằng trước khi là một vấn đề luật học, thành ngữ này đã là một vấn đề ngôn ngữ và muốn nắm được nội dung đích thực của nó, phải vận dụng một số kiến thức về ngôn-ngữ-học và ngữ-nghĩa-học để tìm ra gốc rễ nó. Trong

cách nhìn ấy, (xin bạn đọc rộng lượng cho phép tôi dùng một số tiếng chuyên môn nghe hơi lạ tai, vì tôi không có cách nào khác. Nhưng cũng sẽ là điều tốt vì trước lạ sau quen), tôi không thể đúng trong "trường-ngoại-ngoại" (champ sémantique) của một nhà luật học Phương Tây hay của một người thường mà phải đứng trong trường-ngoại-ngoại cộng sản để quy chiếu "mã-ngoại-ngoại" (code linguistique) cộng sản hầu "giải mã" (decoder) "lời truyền đạt" (message) "Nhà nước pháp quyền". Không được vậy, chắc chắn sẽ giải dịch sai cụm từ này. Cần được trong tay bộ đồ nghề ngôn ngữ cộng sản mới hy vọng theo sát được quy trình (processus) "lập mã" (encoding) thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" để làm hiển lộ (nói theo lời cộng sản, "nêu bật") ngữ nghĩa đích thực của nó khi nó được đem ra dùng trong cộng đồng ngôn ngữ Việt Nam.

Xin mở một dấu ngoặc. Muốn nắm được ngữ nghĩa đích thực này thì phải rời bỏ được "nghĩa đen", hay theo tiếng chuyên môn, "nghĩa cụ-tượng" của những chữ "Nhà nước", hiểu qua chữ tiếng Pháp État, chữ "pháp" là luật-pháp (droit) hay luật (loi), chữ "quyền" là quyền hành, quyền lực (pouvoir), uy quyền, quyền thế, chính quyền (autorité) để lên tới tầng "nghĩa bóng". Rồi lại phải đặt cả mây từ họp thành thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" vào trong "ngữ cảnh" hay "văn cảnh" (contexte) để giải nghĩa nó cho đúng, trước khi phiên dịch nó ra ngoại ngữ. Vậy phải hiểu "Nhà nước pháp quyền" nhiều hơn cách hiểu đó là một "Nhà nước sử dụng quyền hành của mình qua các luật lệ và luôn luôn theo đúng luật lệ". Một "Nhà nước" chuyên chế luôn luôn áp dụng nghiêm chỉnh và theo đúng các luật lệ do mình đặt ra không thể coi là một État de droit được. Muốn xem nó có đích thực là một État de droit hay không thì phải xét xem nó là loại hình (type) "Nhà nước" nào trong các loại hình "Nhà nước" đã được nghiên cứu, luật pháp nó áp dụng là loại luật pháp nào, có bản chất ra sao và được thi hành theo thủ tục như thế nào.

Hiển nhiên đó là những đòi hỏi phiền phức, khó chịu của ngôn-ngoại-học, môn học vừa trừu tượng lại vừa chuyên môn. Nhưng không thể chỉ đáp ứng một cách đại khái. Huống hò công sản, do bản chất toàn trị của nó, chủ trương phải hoàn toàn làm chủ quy trình giao tiếp bằng ngôn ngữ (communication linguistique). Khoi thủy, cộng sản, "người nói" (émetteur, ở đây chỉ nói riêng về khu vực luật pháp), bằng những trung gian (canal) có kiểm soát như "Đảng", "Quốc hội" v.v..., đưa ra những quy phạm (norme) được trình bày dưới dạng "lời truyền đạt" (message) cho những "người nghe" (destinataire) tiếp nhận. Nội dung của lời truyền đạt không còn là những nghĩa đen của các từ họp thành lời truyền đạt ấy mà là những nghĩa bóng của chúng, đã trở thành chất liệu riêng của thành ngữ. Muốn nắm được nội dung của thành ngữ do các chất liệu này quy định, "người nghe" (hay người nhận) phải quy chiếu vào "mã ngôn ngữ" mà tìm hiểu "lời truyền đạt". Tưởng cần nhấn mạnh rằng cộng sản bắt những "người nghe" lời truyền đạt phải hiểu nó đúng hệt như ngữ nghĩa cộng sản đã định trước, ngay từ khi bắt đầu truyền đạt. Không ai được thêm, bớt ngữ nghĩa định trước ấy, chỉ được "minh họa" chúng mà thôi! Thêm, bớt như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt v.v... là phạm tội và phải chịu hình phạt! (Đây không phải là một phát minh ghê gớm gì, những ai đã từng sống dưới chế độ cộng sản đều trực tiếp cảm thấy được điều đó, nhắc lại điều ấy với cách nói của ngôn-ngoại-học, ngữ-nghĩa-học bất

quá chỉ là nói một cách có nhiều về lý thuyết mà thôi).

Dưới khán pháp bắt buộc ấy, sau khi đặt thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" vào toàn cảnh ý hệ biểu thị cộng sản qua ngôn ngữ của cộng sản, tôi đã khẳng định trong bài tham luận hữu quan rằng không thể coi thành ngữ này là tương đương với các thành ngữ phương Tây "État de droit", "Rechtsstaat", "Rule of law" vì Nhà nước cộng sản đương quyền ở Việt Nam vẫn là một Nhà nước giữ nguyên bản chất chuyên chế tuy không còn chính thức mang tên Nhà nước chuyên chính vô sản (2). Đó là điều cựu khoa trưởng Thúc gọi là "cuộc tranh cãi về từ ngữ".

2. Trong cuộc hội ý giữa cựu khoa trưởng Thúc và tôi về "pháp quyền", "pháp trị": không có mâu thuẫn, chỉ có khác biệt...

"Nhà nước pháp trị" là thành ngữ tiếng Việt trước đây vẫn được dùng để dịch thành ngữ tiếng Pháp "État de droit", dịch sát nghĩa đen vì dịch từng từ một. Bởi thế, nó chưa phải là một khái niệm luật học hay chính trị học có nội dung ổn định (3), nội dung của nó vẫn còn là nội dung mượn của thành ngữ "État de droit". Do đó, dịch "chế độ pháp trị" cũng tiện, dễ hiểu nhưng cũng có những điểm không ổn vì đối với luật học, chính trị học Phương Tây "chế độ" thường được hiểu là một hệ thống định chế trong đó "Nhà nước" chỉ là một định chế. Vả lại, trong khái niệm État de droit, điều chủ yếu không phải là đặc tính của chế độ mà là mối tương quan giữa "Nhà nước" với "luật pháp" (hai thứ này có độc lập với nhau không hay chỉ là một thứ, "luật pháp" ở trên "Nhà nước" hay ở dưới "Nhà nước", làm sao để kiểm soát, ngăn chặn mọi lạm dụng của "Nhà nước" về mặt "luật pháp" v.v...?).

Tại sao không nên dịch État de droit là "Nhà nước pháp quyền" mà chỉ nên dịch là "Nhà nước pháp trị"? Câu trả lời có thể thay đổi tùy theo tư cách chuyên ngành, chỗ đứng và cách nhìn vấn đề của người trả lời. Tôi xin trả lời với tư cách luật gia và đứng trên ba "lập trường" (xin hiểu từ này theo nghĩa rất thường của nó là chỗ đứng để nhìn): ngôn ngữ, luật học và chính trị.

Không có mâu thuẫn hay khác biệt về mặt ngôn ngữ

Về mặt ngôn ngữ, việc trực tiếp hay gián tiếp đồng hóa thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" với Etat de droit có thể đặt ra một số vấn đề rắc rối; ở đây chỉ bàn sơ qua về vấn đề dịch thành ngữ này ra tiếng Pháp. Việc làm này chẳng mấy khó khăn nếu người dịch hoặc tự mình dịch hoặc dùng từ điển song ngữ Việt-Pháp. Giữa tiếng Việt và tiếng Pháp vốn có sẵn những "tù" có thể coi là tương đương như "Nhà nước" = État và "pháp quyền" = droit (đọc Lê Khả Ké - Nguyễn Lân, *Từ điển Việt-Pháp*, NXBKHXH, Hà Nội, 1992), vậy "Nhà nước pháp quyền" là "État de droit" và, ngược lại, "État de droit" = "Nhà nước pháp quyền". Cách đổi dịch theo từng từ một (mot à mot) và dựa sát vào nghĩa đen ở cấp độ từ vựng, giống như dịch "lune de miel" là "tuần trăng mật", không đạt tới được tầng nghĩa bóng, không bảo đảm tuyệt đối tránh được dịch sai. Dịch là thực hiện sự giao tiếp giữa hai ngôn ngữ, một đằng ngôn-nghữ-nguồn (langue source), đằng khác ngôn-nghữ-đích (langue cible), không giống nhau về nhiều mặt. Cho nên

ngoài việc tìm sự tương đương về hình thức còn phải thâu thập đủ những thông tin về ngôn bản (texte) phải dịch để có được cả sự tương đương về nội dung. Từ ngôn-nghữ-nguồn, tiếng Việt, dịch thẳng thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" sang ngôn-nghữ-đích, tiếng Pháp, bằng thành ngữ État de droit mà không có một dè dặt nào là tương đương hóa cưỡng ép hai nội dung khác hẳn nhau, đúng hơn, trái ngược nhau! Đó là lý do tại sao đã có sự khuyến cáo không nên dịch như vậy. Về điểm này không có mâu thuẫn hay khác biệt giữ cựu khoa trưởng Thúc và tôi.

Không có mâu thuẫn hay khác biệt về mặt luật học

Về mặt luật học, quan điểm của tôi bác bỏ mạnh mẽ việc đồng hóa "Nhà nước pháp quyền" với khái niệm "État de droit" hay "Rule of law" đã được cựu khoa trưởng Thúc hoàn toàn tán đồng, như đoạn một ông đã viết cho thấy: "[...] Nếu áp dụng các tiêu chuẩn vừa rồi (đọc Trần Thanh Hiệp, bài báo đã dẫn ở trên) cho chế độ hiện hành tại Việt Nam thì hiển nhiên không thể coi là là có État de droit hay Rule of law ..." (đọc Vũ Quốc Thúc, *Vấn đề luật pháp ở trong nước: từ "vô sản chuyên chính" tới "Nhà nước Pháp quyền"*, Thế kỷ 21, số 63, Los Angeles 1994). Tôi có mọi lý do để nói thêm rằng quan điểm này của chúng tôi cũng là quan điểm của tất cả các luật gia không cộng sản. Vậy về mặt luật học cũng không có mâu thuẫn hay khác biệt giữa cựu khoa trưởng Thúc với tôi.

Nhưng có khác biệt về mặt chính trị. Tại sao?

Về mặt chính trị, mối tương đồng này không còn toàn vẹn nữa. Cựu khoa trưởng Thúc trong phần còn lại của bài viết của ông (bài đã dẫn ở trên) đã chủ trì (soutenir) rằng:

"Tuy nhiên người ta có thể cãi lại ông Trần Thanh Hiệp là khẩu hiệu "nhà nước pháp quyền" không dùng để chỉ tình trạng hiện thời mà chỉ mục tiêu cần đạt tới. Điều quan trọng, theo chúng tôi, là chính quyền cộng sản có thực tâm hay không... Ta hãy tạm coi là nhà đương quyền Việt Nam muốn tiến tới một chế độ pháp trị thực sự. Mục tiêu này hãy còn xa vời nhưng không vì thế mà nhất định phủ nhận thiện chí của họ" (VQT, bài báo đã dẫn ở trên). Trước đó, tác giả đã tự hỏi: "...tại sao từ ít lâu nay, chính quyền Hà Nội đã công khai chủ trương thực hiện một "nhà nước pháp quyền"? Phải chăng đã có một sự chuyển hướng về ý hệ và chính trị? Nếu quả thật chuyển hướng thì vì lý do gì?" (VQT, bđd).

Cựu khoa trưởng Thúc sau đó cho biết ông đã dựa vào ba cơ sở để nhận định. Đó là:

a. "lời doan quyết" của Bà Nguyễn Phước Đại, Cố vấn Pháp Luật cho Tổng bí thư Đỗ Mười, thành viên ban Cố vấn của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, chủ tịch Ủy ban Trọng tài về các vụ tranh chấp liên hệ tới các cuộc đầu tư ngoại lai, theo đó *danh từ "nhà nước pháp quyền" là dịch* (TTH nhấn mạnh, để hàm ý rằng dịch và thi hành là hai việc khác nhau) ở các danh từ "rule of law" trong Anh văn và "état de droit" trong Pháp văn,

- b. áp lực quốc tế, và
c. sự biến chuyển tự nhiên của chế độ... (VQT, bđd).

Dù muốn hay không muốn, người ta cũng phải coi phần bài viết này không phản ánh quan điểm luật học mà chỉ phản ánh quan điểm chính trị của cựu khoa trưởng Thúc về "Nhà nước pháp quyền". Thật thế, luật học không lấy một "sự giả định" (nguyên văn: ta hãy tạm coi... VQT, bđđ) làm đối tượng quan sát vì luật học có những đòi hỏi ngày càng khe khắt về mặt phương pháp luận (méthodologie) và khoa học luận (épistémologie). Huống chi qua những khái niệm và phương pháp mà cựu khoa trưởng Thúc vận dụng trong nhận định vừa kể chỉ toát ra một dự đoán (pronostic) chính trị để phỏng đoán về tương lai đất nước. Với luật học, không thể "tạm coi" là đã có État de droit, chỉ chính trị mới có thể tạm coi như thế. Ở điểm này giữa chúng tôi quả thật đã có khác biệt.

Cùng một lập trường chính trị nhưng khác cách nhìn vấn đề

Sự khác biệt này - tôi muốn nhấn mạnh - không phải là một sự khác biệt về lập trường chính trị. Cựu khoa trưởng Thúc và tôi đã cùng đi đoạn đường dân chủ tự do chống độc tài cộng sản dài gần nửa thế kỷ nay. Chỗ đứng (lập trường) của chúng tôi đã không có gì đổi khác. Nhưng tình thế, đang thay đổi theo chiều thuận lợi cho dân chủ tự do, có thể đã mang lại cho mỗi người một nhận định mới về thời cuộc và khả thi thực hiện dân chủ tự do.

Tôi tự nghĩ (không chắc tôi đã nghĩ đúng) là có lẽ cựu khoa trưởng Thúc, vì đánh giá cao áp lực quốc tế ngoài ra còn tin tưởng vào sự biến chuyển tự nhiên của chế độ, nên đã muôn, một mặt, khuyến khích mạnh mẽ nhà cầm quyền cộng sản trong nước đi vào con đường pháp trị thực sự, mặt khác, thúc đẩy người Việt hải ngoại tích cực tham gia vào việc thay đổi xã hội bằng luật pháp, "*con đường ngắn nhất để đưa tới một sự thành lập một nền kinh tế phát triển, không lệ thuộc quá đáng vào ngoại quốc*". Cách nhìn vấn đề như thế trước đây đã từng thấy có nơi các nhà lãnh đạo chính trị các nước lớn như cựu Thủ tướng Margaret Thatcher, Thủ tướng Helmut Kohl, Tổng thống François Mitterrand v.v...

Tôi không tự cho mình quyền chỉ trích cách nhìn thời sự như vậy nơi cựu khoa trưởng Thúc, vì tôi chắc rằng ông đã trù liệu được những điều kiện cần yếu để thực hiện dự kiến của mình, đã thấy rõ được đâu là khả thi chủ động chuyển hóa bằng luật pháp những người chuyên chế, quyết liệt chống diễn biến hòa bình, thành những người thẳng thắn chấp nhận dân chủ.

Luật pháp, bảng chỉ đường cho chính trị

Riêng về phần tôi, dưới lăng kính luật học, tôi nhận thấy chế độ chính trị đương quyền ở Việt Nam vẫn còn mang đầy đủ những đặc tính của một chế độ chuyên chế cộng sản, thêm vào đó lại còn những đặc tính toàn trị của những chế độ phát-xít, quốc xã. Tôi tự xét không có những điều kiện chính trị của những nhà lãnh đạo các nước lớn để vừa làm áp lực vừa thuyết phục nhà cầm quyền cộng sản tuân tú "cải tà quy chính" đi vào con đường pháp trị. Nên tôi không chọn giải pháp cầm cố hiện tại để đầu tư vào tương lai.

Nếu quả thật có thể trông đợi vào sự biến chuyển tự nhiên của một chế độ để cải tạo chế độ ấy nghĩa là nếu quả thật một

chế độ sớm hay muộn tự nó cũng bị cải tạo thì tôi mong muốn chế độ đương hành ở Việt Nam sớm được cải tạo. Để mọi người nhận rõ được là có thể "sớm" tới mức nào, cần làm phát hiện càng đầy đủ càng hay, bộ mặt thực trước mắt của chế độ ấy: Xét về mặt luật học chế độ đương hành ở Việt Nam vẫn là một chế độ đảng trị đứng trên luật pháp vì chuyên chế, độc đoán, coi rẻ tự do, dân chủ, nhân quyền, diến cuồng chống diến tiến hòa bình, đa nguyên, đa đảng nên không ngần ngại lam dụng luật pháp, công lực để đàn áp đập dù chỉ là đối lập ôn hòa. Điều này bắt cứ một luật gia nào cũng phải tố cáo và lên án.

Mặt khác, các khái niệm "Rule of law", "Rechtsstaat", "État de droit" là những chất liệu quý giá để thiết lập cho Việt Nam một "Nhà nước pháp trị". Lịch sử của những định chế này đã chứng tỏ rằng luật học và luật gia đã giữ một vai trò trọng yếu trong công cuộc xây dựng và hoàn mỹ chúng.

Bởi vậy, tôi muốn góp phần làm chính trị cho đất nước, đặc biệt trong vấn đề "Nhà nước pháp trị", với tư cách một luật gia và tôi đã lấy một thái độ ngắn hạn, không nhân nhượng, trước những tàn dư của chuyên chế. Thái độ này không tương phản với những thái độ chính trị mềm dẻo dài hạn, vì nó ở trên một bình diện khác.

Các luật gia Việt Nam từ trên nửa thế kỷ nay chưa bao giờ có cơ hội đóng góp một cách độc lập vào việc xây dựng quốc gia. Họ luôn luôn bị chính trị, trong Nam cũng như ngoài Bắc, thao túng. Lúc này chính là lúc để các luật gia, ở cả trong nước lẫn ngoài nước, phá vỡ vòng vây giám hộ của chính trị, xóa bỏ những hình ảnh luật gia công cụ kiểu Phan Anh, Đô Xuân Sảng, Nguyễn Hữu Thọ, Phạm Thành Vinh, Trần Công Tường, Nguyễn Văn Sì v.v..., phát huy tác phong tranh đấu của những luật gia biết tự trọng Nguyễn Mạnh Tường, Trần Văn Tuyên, Lê Ngọc Chẩn, Đoàn Thanh Liêm v.v... cùng nhau góp sức nhận lãnh thanh toán hồ sơ "Nhà nước pháp trị" để mở đường đi lên cho đất nước. Luật pháp với chính trị tuy liên hệ chặt chẽ với nhau nhưng lại phải biệt lập với nhau. Cứu cánh của luật pháp là "Công lý" không phải là chính trị. Chức năng xã hội của luật pháp, như thời đại "Nhà nước pháp trị" đã vạch ra, là bảo vệ và bảo đảm cho Nhân Quyền trước đe dọa của Nhà nước.

Trên những cơ sở đó, luật pháp là bảng chỉ đường cho chính trị. Không có bảng chỉ đường luật pháp, chính trị sẽ trở thành mù lòa để chỉ còn là sức mạnh không che đậy, tràn truồng, của bạo lực. Nếu luật pháp không là bảng chỉ đường bắt buộc chính trị phải theo chiều của công lý thể hiện qua trật tự pháp lý thì không thể có "pháp quyền". Rất tiếc đó vẫn là trường hợp của "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Trần Thanh Hiệp

(1) Nguyên văn tiếng Pháp "ce qui nous intéresse, c'est plutôt le problème sémantique", có thể dịch theo mấy cách tùy cách hiểu của người dịch. Không thấy chính tác giả VQT dịch câu này trong bài viết bằng tiếng Việt.

(2) Xin xem thêm Trần Thanh Hiệp, "Pháp Quyền hay pháp trị?", đã đăng trên các nguyệt san Thông Luận (Paris), số tháng 5-94, Sóng (Toronto), Thế Kỷ 21 (Los Angeles), số tháng 6-94, Giao Điểm (Los Angeles), số tháng 7-94.

(3) Nội dung chế độ pháp trị ngày xưa của Trung Hoa khác hẳn nội dung của một État de droit ngày nay của Phương Tây. Ta cũng có thể nói nước Anh là "chế độ pháp trị" trong đó có một "Nhà nước pháp trị".

Về cuộc khủng hoảng văn hóa giáo dục

Hoàng Hạc

Văn hóa giáo dục là vấn đề quyết định tương lai của mỗi đất nước, mỗi dân tộc. Tương lai của dân tộc và đất nước như thế nào chính do văn hóa giáo dục quyết định.

Việt Nam hiện đang là nước chậm tiến về kinh tế, nhưng chậm tiến về kinh tế thì có thể giải quyết tạm thời bằng một định hướng kinh tế tốt, khuyến khích đầu tư. Còn chậm tiến về văn hóa giáo dục thì phải giải quyết bằng một cái nhìn dài hạn và bằng nhiều cố gắng liên tục. Trước mắt Việt Nam đang bị khủng hoảng nặng về giáo dục. Khủng hoảng từ chính sách tới đường lối, khủng hoảng từ ngân sách tới nhân sự.

Mặc dù nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã ra pháp lệnh cưỡng bách giáo dục cấp I (bây giờ lại gọi là bậc tiểu học như trước kia) nhưng lại không đủ giáo viên. Thêm thàm hơn nữa là những trường sư phạm đào tạo giáo viên cấp I không có đủ số người theo học cho nên vấn đề không những không có giải pháp mà, ngược lại, càng ngày càng trầm trọng hơn vì số giáo viên đào tạo ra đã ít lại còn ít hơn cả số giáo viên bỏ việc. Thí dụ năm qua chúng ta đào tạo được 1.000 giáo viên thì lại mất đi 3.000.

Theo con số thống kê của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo thì trong niên khóa 1994-1995, Việt Nam sẽ thiếu 80.000 giáo viên tiểu học và con số thiếu hụt giáo viên tiểu học sẽ còn leo thang, do đó Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đã quyết định đưa ra giải pháp "chữa cháy". Giải pháp này nhằm đào tạo giáo viên tiểu học cấp tốc bằng cách như sau:

1. Lấy học sinh lớp 5 đào tạo thành giáo viên mẫu giáo, theo phương thức học một năm sư phạm, hai năm học tại chức (vừa dạy vừa học);
2. Lấy học sinh lớp 9 đào tạo thành viên tiểu học theo phương thức học một năm sư phạm, hai năm tại chức (vừa dạy vừa học);
3. Lấy học sinh lớp 12 đào tạo thành giáo viên tiểu học theo phương thức học sư phạm sáu tháng;
4. Lấy giáo viên mẫu giáo lớn tuổi đào tạo thành giáo viên tiểu học.

Với bốn phương thức đào tạo giáo viên tiểu học kiểu "chữa cháy" trên chúng ta thấy rõ ràng là đào tạo kiểu "quơ bèo gạt tép" làm cho lấy có, chứ giáo viên tiểu học đào tạo kiểu này chẳng giải quyết được gì. Trình độ trung và tiểu học của chúng ta rất thấp. Một học sinh tốt nghiệp lớp 12 thường thường chưa biết đọc biết viết, chưa làm nổi một bài toán đó có bốn phép cộng trừ nhân chia, không có một hiểu biết sơ lược nào về lịch sử, địa lý Việt Nam, không biết

tên cả những thành phố lớn. Trình độ thì như thế, người giảng dạy chương trình cho học sinh lại thiếu, có giáo viên phải dạy mấy lớp.

Bậc tiểu học dạy và học đã lôi thôi sang bậc trung học thì học sinh lại bị nhồi nhét một chương trình quá tải, một chương trình mà chính giáo viên cũng chưa nắm được. Một giáo viên dạy Văn trình độ tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm làm sao giảng cho học sinh hiểu Đường thi khi chính bản thân giáo viên chữ Hán chưa hiểu nổi. Để thế giáo viên Văn lại còn phải giảng dậy cả những tác giả nước ngoài như Shakespeare chẳng hạn! Chúng ta thêm sự khôi hài vào sự tồi tệ.

Với một chương trình học cho oai, cố bắt học sinh nhồi nhét nhiều, thật nhiều, cuối cùng trong năm học 1993-1994, các trường phổ thông trung học phải đi tới quyết định là mấy tháng cuối dẹp tám môn, chỉ giữ bốn môn mà học sinh phải thi tốt nghiệp. Như vậy thảo ra chương trình làm gì? Một học sinh tốt nghiệp trung học nếu vì lý do gì đó không lên đại học được, ra đời có đủ kiến thức mưu sinh được không? Đó là một câu hỏi nhức nhối và câu trả lời là những học sinh tốt nghiệp trung học nếu cứ thế vào đời thì chỉ làm được những nghề lao động chân tay được mà thôi (hay đi làm thầy giáo!). Chứ thứ kiến thức được trang bị 12 năm đi học chẳng giúp được gì.

Vì nền giáo dục của Việt Nam khủng hoảng như vậy, nên mới đây Việt Nam đã mời các chuyên viên giáo dục người Việt ở hải ngoại về tham khảo ý kiến. Các chuyên viên giáo dục người Việt ở hải ngoại đều là những bậc khoa bảng. Họ đưa ra những ý kiến khá hay, nhưng vẫn chỉ là những ý kiến "chữa cháy". Thí dụ đào tạo thêm để những học sinh tốt nghiệp trung học có thể học thêm hai hoặc ba năm thành những cán sự trung cấp. Sau đó vào đời, nếu các cán sự trung cấp này có chí, họ có căn bản để học kỹ sư, học cử nhân rồi thi tiến sĩ. Tất cả vấn đề là làm sao thêm được trong khi trên thực tế đã phải bớt đi 2/3 của chương trình hiện nay.

Vấn đề không phải là "chữa cháy" mà là rà soát lại chương trình giáo dục. Cần phải trả lời dứt khoát chúng ta có coi giáo dục là vấn đề thực sự trọng đại nhất của đất nước hay không, và có sẵn sàng trả cái giá phải trả hay không? Phải nói rõ ràng rằng câu trả lời của chính quyền hiện nay là không và vì thế mọi lời hay ý đẹp của các vị lãnh đạo chỉ là hương hoa đưa đẩy.

Một nền giáo dục tốt phải là giáo dục "vì con người và đất nước", vì con người được coi là đáng quý hơn tất cả và vì đất nước Việt Nam được coi là ở trên tất cả. Chương trình giáo dục tiểu học phải tạo cho học sinh tiếp thu những kiến thức sơ đẳng về truyền thông, về cuộc sống, về lịch sử và địa lý đất nước. Sau đó học sinh bước vào trung học, được bổ sung những kiến thức phổ thông về đất nước, về thế giới, về văn hóa, khoa học, kỹ thuật. Chương trình trung học nên chia ra làm hai bậc: phổ thông và chuyên ngành. Cấp II nên là cấp phổ thông. Học sinh tốt nghiệp phổ thông rồi lên học cấp III cần được huấn luyện đặc biệt vào một ngành nghề để nếu thời học họ có khả năng thực tập một nghề chuyên môn. Hiện nay

những lãnh vực như tin học chẳng hạn, nếu được chuẩn bị chu đáo trong thời gian ba năm của cấp III chắc chắn những học sinh tốt nghiệp lớp 12 có thể đảm nhiệm một số công việc dễ như sử dụng máy tính, bảo trì và thích nghi một số programmes đơn giản, rồi nếu có chí có thể tự học hay được đào tạo thêm.

Trước hết vấn đề giáo dục phải được đặt đúng vị trí là đào tạo con người Việt Nam trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên trí tuệ, nghĩa là một con người Việt Nam tự do và sáng tạo. Muốn như vậy thì chúng ta phải có một ngân sách giáo dục đầy đủ. Nhà nước không cảng đáng được công việc giáo dục một cách chu toàn thì nên để những tổ chức tôn giáo, những tổ chức thiện nguyện và những cá nhân có lòng với giáo dục mở trường tư để gánh vác bớt một phần gánh nặng giáo dục. Chúng ta đã có kinh tế nhiều thành phần tại sao lại không có giáo dục nhiều tác nhân? Sự thực đau lòng là nhà nước đã không có khả năng lại không chịu cởi trói cho xã hội dân sự để xã hội dân sự làm chức năng của nó.

Cốt lõi của vấn đề giáo dục là vấn đề văn hóa. Văn hóa Việt Nam gần một thế kỷ nay trôi dat trong cơn lốc của thời đại. Những gió Á mưa Âu, những luồng văn hóa ngoại lai ào ạt nhưng phiến diện làm cho văn hóa dân tộc vừa không kế thừa truyền thống vừa không hội nhập vào được với thời đại. Dân tộc ta đã chứng tỏ khả năng dung hòa cùng chuyển hóa tất cả các luồng văn hóa. Chúng ta sống trên trực giao thông quốc tế, nằm giữa hai nền văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa, ông cha chúng ta đã tạo được tư tưởng tam giáo đồng nguyên bằng tư tưởng dung hóa và chuyển hóa. Tối thời đại chúng ta, lẽ nào chúng ta lại phải độc tôn một tư tưởng? Nhất là khi mọi người, kể cả những người cầm quyền, đều biết rằng tư tưởng đó đã phá sản. Cố bám níu lấy một hệ tư tưởng mà không ai tin và không ai muốn, cuối cùng đảng và nhà nước đã chỉ cấm cản được tiến bộ chứ không thể bảo vệ cái không thể bảo vệ.

Chúng ta thừa kế nền văn hóa truyền thống ngàn đời của dân tộc Việt và hội nhập vào với văn hóa thời đại bằng tinh thần dung hóa và chuyển hóa. Không có giải pháp nào khác ngoài một nền văn hóa tôn trọng quyền tự do cá nhân, tôn trọng xã hội dân sự và để xã hội dân sự quyết định thể thức sinh hoạt cộng đồng, quyết định hướng đi của đất nước và tuyển chọn những người có trách nhiệm.

Giáo dục là truyền đạt chứ không phải nhồi nhét, văn hóa là để nâng con người lên chứ không phải để hạ con người xuống, để phát huy tự do và sáng tạo chứ không phải để trói buộc. Chính quyền nào không hiểu như vậy trong thời đại này là tự chuốc lấy sự tiêu vong.

Cuộc khủng hoảng nào cũng có thể giải quyết được nếu người ta muốn giải quyết. Cuộc khủng hoảng giáo dục, văn hóa của chúng ta cũng thế. Nhưng giải quyết trên căn bản vì con người Việt Nam, vì đất nước Việt Nam, vì sự nghiệp phát triển, vì tương lai phồn vinh của đất nước phải được coi là đồng thuận tiên quyết, chứ không phải để duy trì đặc quyền của một nhóm người hay một đảng phái. Vấn đề văn hóa giáo dục quá cơ bản và quá trọng đại để chúng ta có thể chấp nhận những thỏa hiệp trung gian.

Hoàng Hạc

LTS: Hoàng Hạc là một cán bộ văn hóa giáo dục hiện đang hoạt động trong nước.

Trang 18

Ai đền ơn đáp nghĩa những người này?

Nguyễn Văn Huy

Từ đầu năm 1994 đến nay, chính quyền cộng sản già tăng những hoạt động đền ơn đáp nghĩa những người đã vì họ hy sinh hay mang thương tật suốt đời. Ngày 27-7 vừa qua, là ngày Thương Binh Liệt Sĩ, nhiều căn nhà tình nghĩa, nhiều món quà bằng tiền, bằng hiện vật đã được tặng cho những gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh tại Sài Gòn. Tại những vùng địa bàn cũ (Hóc Môn, Củ Chi), nhiều phái đoàn của đảng và chính quyền về ủy lạo các gia đình cách mạng, gia đình thương binh liệt sĩ, tặng tiền, tặng quà. Nhiều gia đình được cho vay vốn với lãi suất thấp. Nói chung cuộc sống những gia đình này không có gì để phải lo lắng.

Theo Sở Lao Động, Thương Binh và Xã Hội, trên 60.000 gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh được trợ cấp khoảng 2,5 tỷ đồng. Phong viên Vĩnh Kim, báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 30-7-1994, còn đưa ra những con số cho biết riêng tại Sài Gòn có gần 40.000 thanh niên đã bỏ mạng trên các chiến trường để lại gần 54.000 thân nhân và 10.000 người khác có công với cách mạng (tham gia cứu mang cán bộ cộng sản năm vùng) đang lâm vào cảnh neo đơn, nghèo khó. Vĩnh Kim kết luận: "Nhưng chảm lo vật chất của chúng ta dù lớn đến đâu cũng không thể bù đắp được những mất mát to lớn của những người cha, người mẹ, người vợ liệt sĩ. Chính vì thế sự thờ ơ trong lúc này, dù bất kỳ lý do gì cũng đồng nghĩa với tội lỗi. Làm sao để mọi người hiểu rằng trong từng ngày sống của chúng ta hiện nay, chúng ta đang nợ những anh hùng liệt sĩ, món nợ máu xương". Lời lẽ rất đầy tinh nghĩa và tinh thần trách nhiệm. Gần hai mươi năm sau họ vẫn được những đồng đội cũ lưu tâm giúp đỡ. May mắn thay cho những người đã vì lý tưởng cộng sản mà hy sinh.

Còn những người đã vì lý tưởng miền Nam mà hy sinh thì sao? Không ai nhắc đến. Nước mắt của những vị cha, những bà mẹ, những người vợ, những con thơ - trước kia đã đổ ra khóc cho đứa con, người chồng hay người cha đã vì nước mà hy sinh tinh mang hay một phần cơ thể - nay vẫn tiếp tục đổ. Họ khóc cho thân phận không may của gia đình họ. Họ đã và đang còn gánh chịu những hậu quả của người thua trận và sự thờ ơ của những cấp chỉ huy đã bỏ chạy ra nước ngoài. Chế độ cộng sản không những không nhìn nhận họ, mà còn phân biệt đối xử, bạc đãi họ. Nhiều gia đình đã tan nát, nhiều người cha, bà mẹ đã cùng con cái sống vất vưởng trên các lề đường, hè phố hay trong nghĩa trang, nhiều người đã chết không một miếng ván bọc thân. Nhiều gia đình đã mất hết tài sản, con cái họ trở thành những kẻ sống bén lè xã hội.

Tôi muốn nhân dịp này cất cao tiếng, nói thay cho những người đã hy sinh thân xác và một phần cơ thể cho đất nước Việt Nam ngày nay bị lãng quên và đang sống trong cảnh lầm than. Tôi muốn nói đến gia đình và hoàn cảnh của những anh em phế binh Việt Nam Cộng Hòa tại Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn. Cấp cứu những gia đình phế binh và con cái họ là một ưu tiên để những gia đình này tìm lại phẩm giá và hạnh phúc từ lâu đánh mất.

Thông Luận 74 - Tháng 09.94

Như mọi người đều biết, số người ăn xin tại Việt Nam hiện nay rất đông. Chỉ cần ra chợ, đến chùa, vào quán thì sẽ thấy số lượng đông như thế nào. Không những họ là những người nghèo khổ mà còn là những người tàn tật. Những người ăn xin tàn tật thường đã luống tuổi, người trẻ nhất cũng đã trên 40 và người già nhất cũng gần 60. Họ là những phế binh thời Việt Nam Cộng Hòa.

Trước 1975, những anh em phế binh này có được chính phủ trợ cấp đủ ăn, đủ mặc, đời sống không đến nỗi, mặc dù phải sống trong những khu xóm ổ chuột. Trong những năm 1973-1974, một số anh em phế binh đã nỗi lén đòi quyền sống và một số đã được chính phủ cấp đất xây nhà ở những khu xa trung tâm các thành phố lớn. Nhưng các anh em muốn dựng nhà gần những nơi trung tâm để có thể sinh sống dễ dàng hơn. Từ đó nảy sinh trào "chiếm đất cẩm dùi" dựng nhà dọc theo các đường phố lớn, mở hàng lập quán. Phong trào này thực ra chỉ phát sinh từ một số anh em phế binh khá giả, khi vừa chiếm đất xong chỉ trong một hai ngày họ đã dựng xong những căn nhà ở được. Cán bộ cộng sản thời đó có lợi dụng phong trào phế binh, họ tài trợ vốn cho một vài phế binh xây nhà để hoạt động nội thành vì đó là những khu mà quân cảnh, cảnh sát không dám vào xét hỏi. Mặc dù vậy, đời sống của những anh em phế binh gốc binh sĩ đã rất thanh đạm, không dư giả nhưng cũng không thiếu thốn.

Sau 1975, những khu phế binh ở xa thành phố bị giải tỏa và bị chiếm đóng, gia đình những anh bộ đội vào thay thế. Trong thành phố, một vài khu nhà phế binh lề đường bị phá hủy, một số khác bị trưng dụng, số còn lại được tiếp tục hoạt động dưới tên người cán bộ nằm vùng cũ. Gần như toàn bộ gia đình các anh em phế binh bị đuổi ra khỏi nhà.

Đời sống anh em phế binh miền Nam sau 1975 rất là khốn đốn. Mất nguồn trợ cấp từ chính quyền cũ, các anh em này trở thành một gánh nặng mới cho gia đình vốn đã khó khăn, nhiều người đã tự sát. Một số gia đình không có thân nhân phải sống cảnh màng tròn chiếu đất và là đối tượng của các cuộc lùn ráp của chế độ mới đưa đi xây dựng khu kinh tế mới. Với một cơ thể tàn tật và đời sống thiêng thốn, gia đình các anh em phế binh không sống nổi ở các khu kinh tế mới và đã tìm cách về Sài Gòn hay các thành phố lớn. Họ chấp nhận ăn xin, ngủ lè đường hay trong nghĩa trang, nhưng được bà con giúp đỡ.

Đời sống những gia đình có người chết trận khốn khổ một cách khác. Vì muốn giữ thể diện gia đình, họ chấp nhận sống thiêng thốn nhưng không kêu than. Hoàn cảnh một vài gia đình rất là thương tâm, nhiều cô con dâu đã bỏ đi để lại đàn con lại ông bà nội nuôi. Làm gì với tuổi già yếu, những em nhỏ mồ côi này đã số đã bỏ học để phụ ông bà cuốc đất trồng khoai tự nuôi sống. Cùng có nhiều bà mẹ can đảm thay chồng nuôi con, nhưng đàn con lớn nhanh sức bà có hạn, bà đành để các con bỏ học để phụ bà kiếm sống. Đời sống khốn khổ, không người đỡ đầu, những thanh niên này khó tìm được công ăn việc làm, nhiều người phải hàng tuần đi bán máu mang tiền về nuôi em. Một số thanh niên bất hạnh khác bị cuốn hút vào cơn lốc xã hội, nhiều người đã sa vào vòng tội lỗi.

Sự bất hạnh của những gia đình này là sự lãng quên. Họ bị đồng đội cũ bỏ quên, chính quyền cộng sản bỏ rơi. Ai đèn ơn đáp nghĩa cho những con người bất hạnh này? Thiết nghĩ mọi người chúng ta đều có bón phận nâng đỡ những gia đình này. Có ba đối tượng cần được giúp đỡ: những phế binh, con cháu những anh em này và những gia đình có người thân chết trận đang sống trong cảnh nghèo khổ. Có hai cách giúp đỡ: bằng tiền, bằng các

phương tiện sống.

Sự giúp đỡ ở đây chỉ đặt cho những người đang sống tương đối đầy đủ tại hải ngoại và muốn làm một cái gì đó cho đồng bào trong nước. Hiện nay có nhiều cá nhân và cơ quan thiện nguyện tư nhân thực hiện nhiều chương trình giúp đỡ người bất hạnh trong nước. Nếu bà con nào chưa tìm ra những người đứng ra thực hiện thì xin liên lạc với:

- bác sĩ Phan Minh Hiển: 215 Avenue Pierre Brossolette - 94170 Le Perreux - France,
- ông Nguyễn Quang Hạnh: 9 Allée Delacroix - 95500 Gonesse - France,

để tìm hiểu cách giúp hợp khả năng và hữu hiệu nhất. Hai anh em này đang giữ tay hàng trăm hồ sơ xin được giúp đỡ (những anh em phế binh, các trẻ mồ côi và trẻ em con gia đình nghèo khổ muốn được đi học). Số người cần được giúp đỡ đã vượt quá khả năng của hai người và đang trông chờ sự hưởng ứng của những đồng hương giàu lòng khác.

Hành động của quý vị ngày hôm tuy có muộn màng so với những khổ đau mà những gia đình này đã phải chịu đựng, nhưng vẫn còn kịp thời. Đất nước đang có nhiều biến chuyển tốt về mặt kinh tế, nhưng nếu trong mỗi người chúng ta góp phần thắt chặt tình nghĩa đồng bào thì đất nước sẽ còn tiến xa hơn nữa.

Chúng ta có trách nhiệm giải tỏa những điều nghịch lý mà dân chúng trong nước đang phải chịu đựng.

Trước hết là nghịch lý phân biệt đối xử. Trong quốc gia thống nhất, tại sao có sự phân biệt giữa công dân này với công dân khác? Tại sao chỉ đèn ơn đáp nghĩa thành phần này và không nhìn nhận những người cùng cảnh ngộ khác? Có gì khác biệt giữa sự đau khổ của nạn nhân này với sự đau khổ của nạn nhân khác? Những hận thù của sau gần hai mươi năm chiến tranh chưa được hóa giải sao?

Sự thờ ơ của những cấp chỉ huy và đồng đội cũ là nghịch lý thứ hai. Sau ngày 30-4-1975, số phận những người đã đứng về phía phe miền Nam đã rõ, họ bị phân biệt đối xử và bị hành hạ, trong đó có gia đình những người có con chết trận, thương phế binh và con cái họ. Những người may mắn ra đi trước ngày định mệnh đó, đời sống ngày nay có lẽ đã ổn định và có phần sung túc. Có ai nghĩ đến trách nhiệm của mình đối với hoàn cảnh khốn khổ của những đồng đội cũ đang khốn khổ trong nước hay không, nhất là những vị lãnh đạo quốc gia, những vị sĩ quan của chế độ miền Nam? Đừng quên thân xác những người đã nằm xuống, một phần cơ thể của những người đang còn sống đã góp phần bảo vệ sự an ninh của miền Nam và sự sung túc của những vị lãnh đạo đang có mặt tại hải ngoại. Đừng quên!

Nghịch lý thứ ba là sự ích kỷ của một số tổ chức và đoàn thể tranh đấu do những người lớn tuổi lãnh đạo tại hải ngoại. Những tấm lòng thương nước yêu dân, quyết tâm tranh đấu cho dân tộc đã nghe từ gần hai mươi năm qua chưa biến thành hiện thực. Sự giúp đỡ đồng bào trong nước hiện nay, ngoài những tổ chức tôn giáo, đều do những tổ chức dân sự của những lớp thanh niên ở lứa tuổi 20-40 thực hiện. Đáng lẽ những tổ chức tranh đấu phải làm đầu tàu, ngược lại có một vài tổ chức đã cố tình trì kéo lại sự cứu giúp những đồng bào đang lâm nạn trong nước. Chính vì vậy mà một số cá nhân đã tự đứng ra nhận lãnh trách nhiệm và đã làm được những việc cụ thể, mặc dù chưa đạt tầm vóc lớn. Hãy bắt đầu làm những chuyện lớn bằng những hành động nhỏ, chúng ta sẽ thấy kết quả. Cứ để những giọt nước tình nghĩa rót vào ly, mạch bao dung sẽ trào dâng đầy lùi những bất công của đời sống.

Nguyễn Văn Huy

Trang 19

Vietnam Libertés

yểm trợ những người mắc nạn vì dân chủ

Từ đầu năm 1994, hội Vietnam Libertés đã gửi về Việt Nam một số tiền gần 30.000 FF để trợ giúp những người gặp khó khăn vì lập trường dân chủ. Quá phân nửa số tiền này được dành cho các tù nhân chính trị. Phần còn lại được dùng để trích cấp cho những anh em thuộc mọi khía cạnh bị cô lập kinh tế vì lập trường dân chủ. Về địa lý, 10.000 FF được chuyển ra miền Bắc, số còn lại về miền Nam và miền Trung. Số tiền ít ỏi này chia cho nhiều người nên đối với mỗi người nó chỉ có giá trị của một cử chỉ bày tỏ lòng kính mến với những con người đáng quý.

Nhắc lại, Vietnam Libertés, còn có tên gọi là Nghĩa hội Đoàn Viết Hoạt, được thành lập từ 1993, với mục đích yểm trợ những người hoặc đang ở tù hoặc đang bị cô lập vì đấu tranh cho dân chủ. Vietnam Libertés giới hạn sự yểm trợ của mình cho những người đấu tranh bằng đường lối bất bạo động. Năm 1993, Vietnam Libertés đã gửi về Việt Nam 15.000 FF. Năm nay hy vọng sẽ gấp ba lần số đó.

Quỹ của Vietnam Libertés hoàn toàn do các hội viên đóng góp. Có hai loại hội viên: hội viên tích cực (200F/năm), hội viên ân nhân (từ 500F/năm trở lên). Đại bộ phận hộ viên Vietnam Libertés là người Việt tại Pháp, rồi đến Đức, Hòa Lan, Canada. Tấm lòng vàng quý báu nhất là của giáo sư Tôn Thất Thiện. Giáo sư Tôn Thất Thiện, ở Canada, hiện đã về hưu và sống với đồng lương hưu trí nhưng ông đã giúp cho Vietnam Libertés 2.300 FF và yêu cầu sử dụng số tiền này cho cho các trí thức từng thuộc đảng cộng sản đã bất chấp mọi hậu quả đứng lên đòi dân chủ. Năm 1994, Vietnam Libertés đã được sự hưởng ứng của 10 anh em tị nạn tại Đông Âu qua và hiện vẫn còn trong tình trạng cư trú bấp bênh.

Địa chỉ liên lạc: Vietnam Libertés, 11 Mail le Corbusier-77185 Lognes, France. ĐT (1) 60.17.68.00
(Nguyễn Gia Kiêng)

Độc giả viết...

(Tiếp theo trang 31)

...VII của đảng. Trong khi trao đổi ý kiến với phía Liên Xô, các quan điểm chủ quan giáo điều của bản dự thảo đã bị cán bộ Liên Xô phê phán và yêu cầu loại bỏ". (Mặt thật-tr.243-244). Cứ xét hai việc này thì Độc Lập ở chỗ mõ?!

- Bảo Việt Nam Cộng Sản có Độc Lập là vu khống Đảng Cộng Sản Việt Nam, vu khống luôn cả ông Hồ. Tuy nhiên nếu bảo VC đã có Độc Lập kể từ sau ngày 19-8-1991 thì còn có thể miễn cưỡng tin được vì sau ngày đó Liên Xô đã không còn nên dù cho VC có không muốn thì họ cũng cứ có Độc Lập như thường, vì nào còn ai ghìm cương, nấm xích nữa đâu. Dĩ nhiên là trừ khi họ lại tự ý trao cương trao xích cho thiên triều Trung Quốc hay tư bản đế quốc vì đã lô quen "được đất", quen kiêu "mọi việc đã có bè trên no, các anh khỏi phải no" rồi.

Nguyễn Thiện

Hòa giải hòa hợp dân tộc và giao lưu văn hóa

Tiêu Dao Bảo Cự

Với thông tin muộn màng, tác giả "Nửa đời nhìn lại" cũng đã đọc được một số bài báo, thư ngỏ viết về tác phẩm của mình của độc giả hải ngoại. Đó là niềm vui và hạnh phúc lớn của tác giả. Có biết bao nhiêu điều để trao đổi thêm vì tác phẩm được "viết trong nghịch cảnh" mà độc giả hải ngoại chưa thể thông cảm hết được. Nhưng có lẽ tác giả cần phải nén lòng vì chắc sẽ còn nhiều ý kiến khác, nhất là của bạn đọc trong nước mà tác giả đang rất mong đợi. Đến một lúc nào đó thuận tiện, hy vọng tác giả sẽ có dịp nói thêm điều gì đó về tác phẩm của mình.

Ở đây, tôi chỉ muốn trình bày đôi điều về một vấn đề gần như nằm ngoài tác phẩm, chỉ được nêu ra bằng một ý, một câu trong phần kết của tác phẩm nhưng lại được nhiều người quan tâm, vấn đề hòa giải hòa hợp dân tộc, và đặt vấn đề trong mối quan hệ giao lưu văn học.

Mặc dù dân tộc Việt Nam có một lịch sử rất lâu dài với bao nhiêu bài học quý giá nhưng có lẽ mỗi người, mỗi thế hệ chỉ có thể nhận ra được điều gì thật sâu sắc khi chính mình có một độ lùi lịch sử của chính thời đại mình. Trong những cuộc chiến gần đây của đất nước, dù ai dùng ngôn từ nào, với bất cứ lập luận nào, đứng trên bất cứ lập trường nào, những cuộc chiến đó đều có mang tính nội chiến, vì người Việt đã nỗ súng vào nhau trên chiến trường, đã hận thù nhau trong tim óc. Đó là một giai đoạn lịch sử phân ly và bi thảm.

Những người quốc gia đã kêu gọi cộng sản "chiêu hồi, trở về với chính nghĩa quốc gia". Những người cộng sản đã hô hào những người quốc gia "bỏ hàng ngũ địch, trở về với nhân dân". Chưa kể những người quốc gia với nhau, cộng sản với nhau, cũng đã từng đấu tranh, hận thù, truy bức, hủy diệt nhau.

Dấu mốc 30-4-75 dù quan niệm đó là "ngày chiến thắng, giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất tổ quốc" hay "ngày quốc hận" thì đó cũng là một việc đã có, đã rời và là một dấu mốc, một cơ hội lớn của dân tộc. Sau ngày đó, người cộng sản đã tuyên truyền một cách đại lượng: "Trong cuộc chiến này, người Việt Nam không có kẻ thắng người bại, chỉ có dân tộc Việt Nam chiến thắng". Dĩ nhiên câu nói đó những người quốc gia khó lòng chấp nhận. Nhưng nếu câu nói đó được thực hiện đúng tinh thần của nó, nghĩa là không có tước đoạt, truy bức, cải tạo mà thực hiện ngay hòa giải hòa hợp dân tộc, rõ ràng dân tộc Việt Nam đã chiến thắng và đất nước đã đi lên mạnh mẽ trong 18 năm qua chứ không phải vẫn còn là một trong những nước nghèo đói nhất thế giới. Câu nói đó không được thực hiện, dân tộc Việt Nam chỉ là kẻ chiến bại và chỉ có nhân dân Việt Nam là đau khổ.

Có lẽ nhận thức như thế nên đến nay nhiều người Việt Nam đau lòng vì số phận dân tộc mình, dù là quốc gia hay cộng sản hay thuộc bất cứ thành phần nào, đã nghĩ và nói đến hòa giải hòa hợp dân tộc. Muộn còn hơn không. Muộn nhưng vẫn vô cùng cần thiết.

Tôi nghe thời gian trước đây ở nước ngoài đã có nhiều cuộc tranh luận về hòa giải hòa hợp dân tộc nhưng vì thiếu thông tin nên không rõ các cuộc tranh luận đó đã diễn ra như thế nào và có đi đến kết luận nào không. Tuy nhiên tôi nghĩ vấn đề vẫn còn đó và phải được tiếp tục giải quyết. Cần tiếp tục mở ra những cuộc trao đổi về vấn đề này giữa trong và ngoài nước, đi đến sự thống nhất từ nhiều phía để từng bước thực hiện. Đó chính là lối ra của dân tộc sau bao nhiêu máu lửa, phân ly, hận thù và khổ nhục.

Hòa giải hòa hợp dân tộc chỉ có thể được thực hiện khi đó là niềm thõi thúc, là sự nghiệp của cả dân tộc chứ không phải chỉ là vấn đề của một số cá nhân. Nếu nhiều người cộng sản còn nghĩ rằng: Ta đang nắm quyền lực (và quyền lợi), tội gì phải hòa giải hòa hợp với ai, lơ mơ sẽ bị lật đổ. Nếu nhiều người quốc gia ở nước ngoài còn nghĩ: Ta đang giàu có, sống thoải mái, đâu có thể hạ mình xin lỗi chuyen hay về nước để lọt vào vòng kèm tỏa của bọn cộng sản độc tài. Nếu nhiều người khác còn nghĩ: Ta chỉ cần yên ổn làm ăn sinh sống, đợi gì dính vào những chuyên chính... Nếu đa số người Việt Nam còn nghĩ như thế, rõ ràng khó có hòa giải hòa hợp dân tộc.

Nhưng nếu đối với nhiều người, đất nước nghèo đói là niềm đau, nỗi nhục của mọi người Việt Nam; sự phân ly, thù hận là vết thương, căn bệnh nặng nề của dân tộc; thiếu dân chủ tự do là sự phản tiến hóa, bần khùng khí ngột ngạt nghiêm độc của toàn xã hội... Đó vẫn còn là cơ may cho hòa giải hòa hợp dân tộc.

Khó khăn và trở ngại lớn nhất là nếu toàn bộ hay một bộ phận chủ chốt những người đang cầm quyền không muốn hòa giải hòa hợp, hay họ chỉ nói mà không làm, hoặc chỉ làm theo những điều kiện mà họ bắt buộc người khác phải chấp nhận.

Thực ra chưa có quyền lực chính trị, quyền lực thế gian nào là vĩnh viễn bất khả chiến bại. Ý chí của một người phát huy đến mức cao nhất cũng rất mãnh liệt và tác động đến toàn xã hội, đè nặng lên số phận hàng triệu người. Lịch sử thế giới đã chứng minh điều đó. Dĩ nhiên, một mình họ không đủ, sau lưng họ còn là cả một tập đoàn. Nhưng một tập đoàn không thể mạnh hơn một dân tộc, mạnh hơn cả nhân loại. Vậy thì tại sao đa số người cùng chung một nguyên vọng, một ý chí lại sợ hãi, bất lực trước một tập đoàn.

Những người cầm quyền thường lộng hành và chế ngự nhân dân bằng cách dùng bạo lực gây ra nỗi sợ. Muốn chống lại cái ác, mỗi người bằng cách nào đó của mình, phải vượt qua nỗi sợ để làm một cái gì. Ý chí của đám đông lương thiện, nếu được thể hiện và tập hợp lại, dù dưới hình thức bất bạo động, nhất định sẽ gây sức ép, chuyển hóa và buộc thiểu số phải chấp nhận hòa giải hòa hợp, dù thiểu số đang nắm quyền lực, được tổ chức và trang bị bằng bất cứ vũ khí nào. Đó là hòa giải hòa hợp đi đôi với việc chống lại cái ác bằng những phương tiện hòa bình.

Nhận thức đó nhất định mở ra nhiều con đường mà văn học có thể là một trong những con đường đầu tiên. Văn học trong những hoàn cảnh bí thảm của lịch sử không chỉ mô tả, phản ánh số phận bị đày đọa của con người, hàng triệu người, tạo nên sự đồng cảm sâu sắc trong nỗi đau mà còn khơi gợi khả năng chống lại cái ác.

Chính trị chỉ phối tất cả nên dù không thích ta cũng không

thể từ chối chính trị. Trong những hoàn cảnh lịch sử đó, văn học thường mang tính chính trị. Nhưng một tác phẩm văn học đích thực có thể không hề có những vấn đề chính trị trực tiếp hoặc dù nội dung tác phẩm có nhiều nhân vật hoạt động chính trị, nhiều sự việc chính trị, lý luận chính trị, người viết vẫn bị thôi thúc bởi một điều gì khác hơn, mạnh hơn, vượt lên trên chính trị. Viết một tác phẩm văn học đích thực không phải hay không chỉ là một hành động chính trị mặc dù tác động đầu tiên của nó đôi khi có thể là tác dụng chính trị. Chính trị của tác phẩm văn học cũng không phải chỉ là chính trị thời sự mà là một thứ chính trị mang tính lâu dài. Và tác phẩm văn học đích thực nhất định phải chuyên chở cái gì rộng hơn, sâu xa hơn, tinh tế hơn trong mọi ngõ ngách tâm hồn và số phận con người.

Văn học tự bản chất không biên cương không gian và thời gian nên dễ vượt qua mọi rào cản, ràng buộc, hạn chế của những thế lực cầm quyền và của lòng người. Giao lưu văn học là một giao lưu chiều sâu đưa con người lại gần nhau, xóa dần những dị biệt. Hiện nay ở trong nước người ta đã chính thức nói đến văn học Việt Nam hải ngoại là một bộ phận không thể thiếu của văn học Việt Nam. Tác phẩm văn học bị cấm ở trong nước bắt đầu xuất hiện ở nước ngoài. Văn học Việt Nam hải ngoại bằng nhiều cách đang tìm về với độc giả trong nước. Nghĩa là đã đến lúc văn học Việt Nam trước hết phải dành cho mọi người Việt Nam, không phân biệt vì bất cứ lý do gì. Sự giao lưu này nhất định sẽ mang lại một cái gì tích cực trên con đường hòa giải hòa hợp dân tộc.

Việc trao đổi bước đầu vừa qua chung quanh tác phẩm "Nửa đời nhìn lại" phải chăng là một dấu hiệu đáng mừng không phải chỉ cho riêng tác giả mà là cho tình hình chung khi những khái niệm về "quốc gia - cộng sản, kẻ thù, đối cực" đã được hóa giải một cách nhẹ nhàng và những người đã từng ở trong thế đối nghịch nhau lại có thể nói với nhau, về nhau một cách hết sức mở lòng và thân ái.

Tôi vẫn nhớ những giọt lệ chảy dài trên má mình lúc còn bé đọc "Tâm hồn cao thượng" của E.D. Amicis và cả về sau mỗi khi đọc lại. Tôi vẫn không sao quên được cảm giác đau đớn, lạ lùng khi ở trong tù thời sinh viên đọc "Giờ thứ 25" của O.V. Gheorghiu mà tác phẩm chảy dạt dào trong tôi như một cơn nước lũ. Bây giờ và chắc cả về sau nữa, tôi vẫn úa nước mắt khi đọc một trang sách, xem một cảnh phim cảm động không sao cầm giữ và cũng không muốn cầm giữ. Điều gì đó của phận người đã rung lên trong tôi như một sợi tơ đàn tạo nên hòa điệu. Đằng sau những giọt nước mắt là cái gì sâu xa hơn giúp tôi đi suốt cuộc làm người một cách mạnh mẽ, tốt đẹp và hạnh phúc hơn.

Tôi hiểu như thế nên khi viết một tác phẩm, tôi ước ao và mong chờ một điều gì đó tương tự nơi người đọc tác phẩm của mình, những người đọc "cố tâm hồn" và tự do đối với bất cứ tù ngục tinh thần và cụ thể nào.

Tôi tin tưởng giao lưu văn học sẽ tạo nên sự đồng cảm và nối kết có vẻ mong manh nhưng lại hết sức bền vững và có khả năng công phá, bền vững hơn và có thể công phá được cả những bức tường sắt thép - kẽm gai hay những rào cản của hận thù và ý thức hệ.

Đà Lạt, 28-5-1994
Tiêu Dao Bảo Cự
Địa chỉ: 35/1 Nguyễn Đình Chiểu, Đà Lạt

Hòa hợp hòa giải dân tộc và con đường phát triển

Hoàng Cầm

LTS: Hòa hợp hòa giải dân tộc là một đề tài đã được nhiều người bàn cãi dưới nhiều khía cạnh khác nhau và gây ra nhiều tranh luận trong cộng đồng ta. Nhưng hòa hợp hòa giải dân tộc không chỉ là một con đường một chiều trong đó chỉ có những người tranh đấu cho dân chủ tự do bày tỏ thiện chí của mình, sẵn sàng tha thứ các hận thù trong quá khứ. Ngược lại, những người cầm quyền trong hiện tại cũng phải từ bỏ các tham vọng áp đặt quyền lực tuyệt đối của họ trên toàn dân tộc. Sau đây là một lời phát biểu của bác sĩ Hoàng Cầm, thành viên của Hội Y Giới Việt Nam tại Florida, đặt lại vấn đề này đối với đảng cộng sản Việt Nam, trong viễn ảnh một sự phát triển tương lai các tài nguyên của dân tộc.

1. Hòa hợp hòa giải dân tộc qua quá trình lịch sử

Trong kỳ Đại hội đảng lần thứ VI (1986), nhà cầm quyền Việt Nam đặt ra chương trình Đổi Mới Tư Duy và Cải Tổ Cơ Cấu Sản Xuất nhằm tăng cường hiệu năng của guồng máy cai trị và sửa chữa khuyết điểm của hệ thống kinh tế tập quyền. Kết quả đã không chặn được mức độ lạm phát phi mã và cũng không giải quyết được vấn đề thực phẩm nuôi dân. Nạn đói đã xảy ra tại nhiều nơi, nhất là ở các vùng Thượng du và bắc Trung phần.

Vào tháng 11-1989, bức tường phân chia Bá Linh bị phá bỏ, mở đầu sự tan rã của khối cộng sản Đông Âu và Liên Bang Xô Viết. Mát nguồn tài trợ, đảng cộng sản Việt Nam không còn đường nào khác hơn là chấp nhận kinh tế thị trường với chủ trương tạm thời nói rộng kinh tế tư nhân và đưa ra chiêu bài hòa hợp hòa giải dân tộc. Họ hướng về tập thể người tị nạn, được gọi là "khúc ruột ngoài vạn dặm", bày tỏ mối quan tâm, cổ vũ kiêu bào về thăm quê và bỏ vốn đầu tư.

Hòa hợp hòa giải để mọi người cảm thấy thoải mái, có cơ hội dùng mọi khả năng đem lại lợi ích cho bản thân và đóng góp tài sức xây dựng xứ sở là công việc cần làm. Nhưng hãy nhìn vào diễn biến nội tình đất nước để đặt lại vấn đề: Ai hòa hợp hòa giải với ai? Giữa nhân dân Việt Nam ư?

Qua lịch sử, từ thời lập quốc, dưới ách ngoại xâm hay thời tự chủ, thời Nam-Bắc phân tranh hay thống nhất, xã hội vẫn được xây dựng trên nền tảng gia đình và thôn xã. Như sử gia Trần Trọng Kim viết: "Dân Việt từ Bắc chí Nam đều theo một phong tục, nói một thứ tiếng, cùng giữ một kỷ niệm, thể hiện tính đồng nhất của một dân tộc, từ đầu nước tới cuối nước". Quả thật, qua bao thăng trầm, dân Việt luôn liên kết trong tinh thần và tinh thần trách nhiệm: chung hưởng hạnh phúc lúc thanh bình, chia sẻ gian nguy và khổ ải khi quốc biến. Tinh gia đình, tinh làng bang thôn xóm, tinh đồng bào là những sắc thái nổi bật của dân ta. Câu "chín bồ làm mười" đã nói lên tinh thần hòa giải thấm nhuần vào nếp sống. Tại sao? Vì dân Việt không quên huyền sử đất nước: bọc trăm trứng, con cháu Lạc Hồng. Chữ đồng bào hàm ý nghĩa đó.

Nếu có cuộc tranh bá đế vương thì cũng chỉ là sự trả thù trút oán giữa giòng họ các phe nắm quyền và phe bị truất quyền. Tuyệt nhiên không có thù hận trong quần chúng, giữa dân các miền, giữa người khác tôn giáo. Cuộc sống hài hòa giữa nhân dân miền Nam và ngót triều người di cư năm 1954 là minh chứng cụ thể. Gần đây nhất, sau biến cố 1975, đầu sống dưới hai chế chính trị khác biệt, đầu thuộc hai chiến tuyến, nhưng cũng không có sự đổ kỵ đáng tiếc khi dân hai miền tiếp xúc hay chung sống. Sự giúp đỡ của cộng đồng người Việt tỵ nạn đối với thân nhân, họ hàng, bạn bè, trong đó có cả những người trong guồng máy cai trị cộng sản. Tất cả chứng tỏ dân Việt đặt trong tinh người lên trên hết. Không đổ kỵ, không tranh chấp, không chia rẽ, tại sao lại phải cần hòa hợp hòa giải? Vậy vấn đề hòa hợp hòa giải phải được coi theo chiều hướng nào?

2. Quá khứ của đảng cộng sản Việt Nam và hòa hợp hòa giải dân tộc

Khi đảng cộng sản nắm chính quyền dưới danh nghĩa dành độc lập, ngoài việc thẳng tay tiêu diệt các đảng phái khác, họ công khai phát động giai cấp đấu tranh, xúi dục hay nói đúng hơn bắt dân chúng đấu tố nhau, gán tội lẫn nhau, gây cảnh đánh đập tàn bạo, tra tấn dã man, chết chóc kinh hoàng khắp miền Bắc trong suốt thời kỳ 1953-1956. Lời thơ man rợ tanh mù máu của Xuân Diệu cổ võ đấu tố vẫn chưa phai mờ trong trí nhớ người miền Bắc:

Anh em ơi, quyết chung lung đấu cật,
Đấu tranh tiêu diệt tàn hung tử thù.
Địa hào đối lập ra tro,
Lung chừng phản động đến giờ tan xương.

Bao chục ngàn người đã chết xương nát thịt tan! Trung ương đảng bộ cộng sản dùng kỷ luật sắt máu thanh trừng nội bộ, ra lệnh cho cán bộ đảng viên trực tiếp khủng bố dân, bắt dân khủng bố lẫn nhau, với mưu đồ biến đảng viên và toàn dân thành một đoàn người chỉ còn biết cúi đầu tuân lệnh, nai lưng làm việc cống hiến sức lao động để tôn vinh đảng, thần thánh hóa lãnh tụ. Khi chiếm trọn miền Nam, người cộng sản lại muốn tái diễn tần tuồng khủng khiếp nhưng đã không thực hiện được. Dân chúng rỉ tai nhau: tố người rồi lại bị người khác tố lại.

Cộng sản đã gây tang tóc, làm đảo lộn và phân hóa xã hội. Chính họ đã tạo ra một giai cấp thống trị mới, len lỏi vào đời sống từng cá nhân. Đó là giai cấp đảng viên. Kể đứng đầu là Hồ Chí Minh và những kẻ kế vị đã dùng mọi thủ đoạn lừa bịp, gian manh thực hiện chủ nghĩa cộng sản, đi ngược lại truyền thống văn hóa dân tộc. Họ đã tự đào hố sâu, ngăn cách với nhân dân. Vậy vấn đề hòa hợp hòa giải phải bắt nguồn từ nhóm người đang cầm quyền có thiện ý hòa giải với dân để tiến tới hòa hợp với dân hay không? Nếu họ còn một chút lương tri thì hãy từ bỏ bạo lực, từ bỏ độc quyền, phải trả lại quyền cho dân để dân tự chọn người điều hành nhà nước. Đó là con đường hòa giải, con đường trở về với dân tộc.

Người cộng sản không thể còn tiếp tục ngoan cố nói đảng cộng sản là đại diện của nhân dân, chính quyền của họ là của nhân dân, họ tranh đấu vì độc lập, tự do và hạnh phúc. Tự do có không? Hạnh phúc có không? Thiết tưởng khôi bàn luận. Còn độc lập? Thực tế đâu có cần đảng cộng sản mới có độc lập. Án Độ, Nam Dương, Phi Luật Tân và bao quốc gia khác lấy lại chủ quyền đều cần cảm nang thần kỳ của chủ nghĩa Mác-Lê như Hồ Chí Minh ca tụng. Đánh Mỹ cứu nước chỉ là một chiêu bài lừa bịp đầy quần chúng vào guồng máy chiến tranh không ngoài mục đích tạo dựng, duy trì quyền uy tuyệt đối của đảng và thực hiện cuồng vọng nhuộm đỏ bán đảo Đông Dương và các quốc gia lân cận.

Bỏ cả tài sản, triệu người thành thị lẩn dẩn quê di cư vào Nam, chẳng phải để bám chân thực dân. Họ tạo dựng cuộc sống mới bằng khói óc và sức càn lao. Trong cuộc chiến tranh đẫm máu kéo dài suốt hai mươi năm, không phải dân miền Nam làm tay sai cho Mỹ. Bao gương anh dũng chiến đấu chỉ vì hai chữ tự do. Chỉ

có con người cộng sản mới lấy bạo lực để bảo vệ quyền uy, dùng giao cấp đấu tranh làm phương tiện nêu nhìn đâu đâu cũng chỉ thấy có kẻ thù.

3. Con đường phát triển và hòa hợp hòa giải dân tộc

Muốn phát triển xã hội chậm tiến, thua người cả thế kỷ, không thể chỉ dựa vào con cái đảng viên, dựa vào những người trung kiên với đảng hay một số nhân viên thiện nguyện nước ngoài. Ngược lại, phải vận dụng chất xám toàn bộ cả trong lân ngoài nước.

Trong cộng đồng hải ngoại, thanh niên Việt Nam có mặt trong đủ mọi ngành nghề, thành công vang trong việc học. Có thể nói chưa bao giờ dân Việt có một gia tài phong phú về khoa học kỹ thuật, nhân văn và quản trị như vậy. Không phải chỉ có trăm hay ngàn mà là hàng chục ngàn. Gia tài này không ngừng gia tăng. Trong gia đình, ngoài xã hội, thế hệ cha anh đang tiếp truyền tinh thần dân tộc cho thế hệ trẻ. Sinh hoạt thanh niên, sinh viên Việt bắt đầu nhộn nhịp. Họ thảo luận các vấn đề liên quan tới tập quán và văn hóa dân tộc. Họ tìm về nguồn và sẵn sàng lãnh trách nhiệm. Điều kiện căn bản là làm sao có được một bầu không khí trong sáng, trong tinh thần dân chủ tự do, để các đề án được thực hiện trong tinh thần khách quan khoa học, đáp ứng nhu cầu của cuộc sống bình thường và nhu cầu phát triển. Cán bộ kỹ thuật, đầu trong hay ngoài nước, không thể nào chấp nhận quan niệm chính trị là thống soái, trực tiếp chỉ huy mọi ngành kỹ thuật trong tổ chức xã hội cộng sản. Có tự do và dân chủ, đội ngũ kỹ thuật sẵn sàng đem khả năng đưa đất nước tiến lên với các dân tộc khác.

Tự do, dân chủ, lợi nhuận cá nhân là các yếu tố căn bản của phát triển. Người cộng sản đang cầm quyền phải hiểu một cách cụ thể điều này. Hiểu cụ thể để có hành động cụ thể. Dừng quanh co, giải thích cách này hay cách khác để tiếp tục nắm quyền. Cánh cửa tự do đã mở, chủ nghĩa cộng sản đã phá sản, nhân dân đã tỉnh ngộ. Bao giờ người cộng sản mới tỉnh giác? Xã hội sẽ đào thải những kẻ nào còn u mê và ngoan cố. Người cộng sản thường hay nói tới quy luật thì đây chính là quy luật của phát triển và tiến bộ. Thế giới đang tiến bước với khoa học kỹ thuật, chẳng lẽ những người đang ngồi trong Bắc bộ phủ cứ bảo hoàng hơn vua, khư khư nắm lấy mớ kinh điển Mác-Lê, cố nhão nặn cái gọi là tư tưởng Hồ Chí Minh cho có vẻ ta về ta tắm ao ta?

Một vấn đề thời sự mà cả thế giới, nhất là các nước trong vùng Đông và Đông Nam Á, đang phải quan tâm là việc Trung Cộng canh tân quân đội, tăng cường vũ trang quân lực và bành trướng hải quân. Trung Cộng chiếm Hoàng Sa và vây hãm vùng biển Việt Nam. Chúng không giấu diếm mưu đồ xâm lăng các quốc gia trong vùng mà Việt Nam là địa đầu. Hải quân Mỹ đã rút khỏi Phi Luật Tân, hải quân Nga mất uy thế trên biển Đông. Nhà cầm quyền Hà Nội phải biết điều đó hơn ai hết. Nếu xảy ra chiến tranh thì lần này không còn như trận đánh tại biên giới Việt-Trung năm 1979. Cán cân đang nghiêng hẳn về phía Trung Cộng. Đây là sự kiện tối quan trọng khiến Việt Nam cần phát triển nhanh chóng để tạo tư thế mạnh cả về kinh tế, chính trị lẫn quân sự mới mong duy trì được vị thế trong vùng.

Nhân dân Việt Nam khấp khởi mong mỏi những người đang nắm quyền can đảm đoạn tuyệt với quá khứ, từ bỏ chủ nghĩa cộng sản, cùng toàn dân hướng về tương lai xây dựng hạnh phúc, dồn khả năng và trí tuệ để lại phồn vinh thực sự cho quê hương và bảo vệ đất nước. Đó mới là con đường hòa hợp hòa giải để phát triển. Lịch sử sẽ ghi công những người biết trở về cội nguồn, đặt tinh thần dân tộc lên trên mọi chủ thuyết.

Hoàng Cầm

Nói chuyện với Nguyễn Quang Hạnh:

Đến với những người cùng khổ

LTS: Ông Nguyễn Quang Hạnh, 57 tuổi, là một người tranh đấu cho công bằng và lẽ phải. Mặc dù là sĩ quan trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa, ông vẫn bị các chế độ Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu bắt giam nhiều lần, tổng cộng gần 5 năm, về các tội tham gia chống độc tài và bất công. Sau ngày 30-4-1975, ông Hạnh bị đưa cải tạo gần 6 năm trong nhiều trại lao động. Từ ngày đến Pháp định cư, tháng 9-1984, ông Hạnh đã dành hết thời giờ, ngoài giờ làm việc chuyên môn, cho các hoạt động xã hội. Hoạt động nổi bật nhất của ông trong những năm gần đây là giúp đỡ các trẻ em mồ côi và thương phế binh Việt Nam.

Xã hội Việt Nam hiện nay đang có nhiều biến đổi, đời sống vật chất của dân chúng có phần sung túc hơn xưa, vì lẽ gì khiến Anh vẫn ưu tư về số phận của những người trong nước?

Thưa Anh, đời sống vật chất của người trong nước có tăng lên thực nhưng sự gia tăng đó chỉ xảy ra trong một số những gia đình may mắn ăn nên làm ra hoặc có thân nhân từ hải ngoại gửi tiền về giúp đỡ. Đa số còn lại không được dự phần chia sẻ sự phồn vinh đó, tôi muốn nói những gia đình chỉ biết đem sức lao động của mình ra đổi lấy miếng ăn hằng ngày. Cuộc sống của những người này tuy có nhiều bấp bênh nhưng họ cũng tạm thời đủ sống qua ngày. Bên cạnh đó có những người hoàn toàn bị bỏ rơi, tôi muốn nhân cơ hội kêu cứu hộ những em nhỏ mồ côi và những anh em phế binh đang sống lای lái trên các lề đường thành phố. Đến với những người cùng khổ là một trong những ưu tư hàng đầu của tôi.

Xin Anh nói rõ thêm về hiện trạng trẻ em mồ côi trong nước.

- Trẻ em mồ côi là một trong những vấn nạn của xã hội Việt Nam hiện nay. Với hơn ba trăm ngàn trẻ mồ côi, con số này mỗi năm cứ tăng phòng lên. Vì là mồ côi nên các em không có nơi nương tựa, các em phải ăn ngũ ngay nơi các đầu đường hèm chợ. Ăn uống thiếu thốn và bệnh tật, đa số các em đều bị suy dinh dưỡng nặng, số tử vong lên rất cao. Những ai có dịp về Việt Nam đều đã tận mắt nhìn thấy cảnh các em nhỏ tranh nhau húp thúc ăn thừa của thực khách tại các hàng quán, hoặc cảnh các em nhỏ tung đòn bơi móc các đống rác tìm hộp thiếc, bao ny-lông, giấy cũ... để bán lại. Nhiều em phải hành nghề trộm cướp, giụt dọc, móc túi để sống. Thống kê Sở Công An Sài Gòn gần đây cho biết trong 100 án tù thì 73 là trẻ vi thành niên. Nếu đứa này cứ tiếp tục, không biết tương lai các em này sẽ đi về đâu.

Được biết Anh đã và đang âm thầm tiến các công tác cứu trợ trẻ em mồ côi tại Việt Nam, đó là những công tác gì?

- Gọi là công tác thì có vẻ trịnh trọng quá. Thực ra chúng tôi

đã và đang tiến hành một số công việc cụ thể như vận động quyên góp trong vòng đai gia đình và thân hữu những khoản tiền nhỏ, từ 30 đến 50 Francs mỗi tháng, và kêu gọi mỗi gia đình nhận đỡ đầu cho một hay hai em mồ côi. Hiện chúng tôi đã tìm được người đỡ đầu cho hơn 100 em. Những em này được gởi tặng dụng cụ học sinh, áo quần qua trung gian các vị tu sĩ và cao niên. Chúng tôi cũng nhận đỡ đầu cho một số lớp học tình thương do các vị cao niên thành lập tại một số khu lao động nghèo. Tại đây ban ngày các em vẫn tiếp tục đi lượm giấy vụn, ve chai, bao ny-lông... để bán lại, tối về được cho ăn uống, tắm rửa, học chữ và ngủ trong nhà. Chúng tôi cũng thỉnh thoảng gởi thuốc tây quyên góp được cho một vài bác sĩ tư nguyện đến chẩn bệnh miễn phí cho các em và dân chúng nghèo trong các xóm lao động. Hàng năm, vào những dịp Tết Nguyên Đán hay Tết Trung Thu, chúng tôi tổ chức những bữa cơm tập thể để các em nhỏ họp lại đón Xuân hay rước đèn vui chơi và, tùy theo điều kiện tài chính cho phép, mua thêm bánh kẹo và áo quần mới cho những em nào chưa có. Mục đích của chúng tôi là giúp các em tìm lại nguồn tình thương của gia đình từ lâu thiêng vắng.

Việc giúp đỡ trẻ em mồ côi tại Việt Nam là một công tác vĩ đại cần đến sự quan tâm và hợp tác của nhiều người. Con số hơn 100 trẻ em mà chúng tôi nhận đỡ đầu không là gì cả nếu so với con số hơn 300.000 em khác đang chờ đợi sự cứu giúp. Hiện trong tay tôi có rất nhiều thư xin giúp đỡ nhưng khả năng của tôi có hạn, không thể nào thỏa mãn nổi. Tôi hy vọng nếu được sự tiếp tay tích cực của đồng bào hải ngoại, số phận trẻ em mồ côi tại Việt Nam sẽ bớt đi phần nguy ngập.

Như vậy, theo Anh, phải làm thế nào để động viên đồng bào hải ngoại tham gia chương trình ?

- Đây là một nghĩa cử nhân đạo: Một miếng khi đói bằng một gói kinh no. Bất cứ người nào còn quan tâm và thương xót trẻ mồ côi đều có thể làm được. Chỉ cần mỗi người nhặt mua vài gói thuốc, bớt tiêu xài những món lặt vặt, mỗi tháng cũng có thể để dành từ 30 đến 50 Francs giúp một em nhỏ tìm lại danh dự và tình thương trong cuộc sống. Một thí dụ điển hình, hai bạn đồng nghiệp của tôi, sau khi được xem hình và thư từ trong nước gởi ra, đã tự động bỏ 2 Francs mỗi ngày vào một ống nhỏ trên bàn, cuối tháng mỗi người để dành được 50 Francs và đã nhận đỡ đầu hai em mồ côi. Tôi sẵn sàng gởi hồ sơ những em nhỏ cần giúp đỡ đến những vị Mạnh Thường Quân nào muốn đỡ đầu hay tham gia công tác cứu trợ.

Ngoài chương trình giúp đỡ cô nhi, Anh cũng đang tham gia chương trình giúp anh em phế binh trong nước. Xin Anh cho biết thêm chi tiết.

- Cách đây 9 tháng, bác sĩ Phan Minh Hiển cùng tôi phối hợp thực hiện chương trình tặng xe lăn cho anh em phế binh. Là một cựu quân nhân, tôi chia sẻ với những chiến hữu đã hy sinh một phần thân thể cho đất nước và ngày nay phải đi khất thực ngoài đường. Thú thật, đây là nỗi đau ray rứt trong tim tôi từ lâu nhưng khả năng tôi không đủ sức để tặng một xe lăn vì đồng lương tôi quá khiêm nhường. Nhân dịp tôi cũng nói lên sự nhiệt tâm của bác sĩ Hiển, mặc dù là một thanh niên trẻ nhưng tâm hồn rất quảng đại. Từ khi chương trình tặng xe lăn

được giới thiệu trên nguyệt san Thông Luận số 71, tháng 5/94, và trên các báo chí khác tại Mỹ, nhiều Mạnh Thường Quân từ khắp các lục địa trên thế giới đã liên lạc và tham gia rất tích cực với chúng tôi. Riêng chúng tôi, cho đến nay đã tặng 51 xe lăn cho những anh em bị cụt hai chân, 45 cặp nạng cho những anh em bị cụt một chân và 11 sự giúp đỡ bằng tiền mặt, mỗi phần 500 Francs, cho những người bị cụt hai tay (vì không thể dùng xe lăn) và thường là mù cả hai mắt. Nỗi ray rứt và co kéo tâm hồn tôi là những anh em phế binh bị mù cả hai mắt và cụt cả hai tay, có người bị cụt cả hai chân, đó là hình phạt nặng nề nhất cho một đời người mà tôi luôn dành mọi ưu tiên để giúp đỡ.

Tôi hy vọng những ai muốn giúp ích gì cho đất nước, trước tiên hãy tìm và giúp những người bất hạnh.

Anh có lời gì để nhắn nhủ với những người thiện tâm ?

Chúng tôi hiện đang nắm giữ rất nhiều thư và hình ảnh những trẻ em mồ côi cần được giúp đỡ. Chúng tôi cũng có trong tay hàng trăm hồ sơ xin cấp xe lăn và nạng chống của những người tàn phế. Hiện nay số người xin xe lăn lên quá nhiều, số trẻ em cần giúp đỡ vượt quá khả năng chúng tôi, do đó chúng tôi rất trông cậy vào sự hưởng ứng của đồng bào hải ngoại.

Một chiếc xe lăn quốc nội giá khoảng 800 Francs. Giá xe lăn có lắc tay (dành cho những người bị cụt hai chân và cụt tay) là 1.000 Francs. Với 500 Francs, những người bị cụt hai tay, cụt hai chân hay mù hai mắt có thể tìm lại cuộc sống danh dự trong một năm. Chi phí nuôi dưỡng một em cô nhi khoảng 600 Francs một năm (hay 50 Francs mỗi tháng). Những đồng bào có thiện tâm có thể hùn lại với nhau nhận tặng một vài xe lăn cho phế binh hay đỡ đầu một vài em mồ côi. Chúng tôi sẵn sàng cung cấp mọi chi tiết đến những vị nào quan tâm đến chương trình cứu trợ đồng bào bất hạnh trong nước.

Thiết nghĩ, mọi người Việt Nam đều yêu quê hương tổ quốc, mà quê hương tổ quốc là gì nếu không phải là đồng bào ruột thịt của chúng ta. Đồng bào chúng ta đau khổ, mọi người chúng ta đều có bỗn phận xoa dịu nỗi đau của chính thịt da chúng ta. Hãy xoa dịu nỗi đau chung của dân tộc bằng một hành động cụ thể: nhận đỡ đầu một em nhỏ mồ côi hay tặng một xe lăn cho người tàn phế. Hành động của quý vị có thể là vô danh nhưng thật ra trong tâm hồn của người nhận đó là tỏa hoa hạnh phúc đi theo suốt một đời người. Nước mắt sê khô đi, nhọc nhằn sê voi đi nếu những người bất hạnh trong nước hôm nay được cánh tay nồng ấm từ hải ngoại cheoảng về ôm áp.

Tiếng khóc, nỗi đau của dân tộc rồi phải đến hồi kết thúc, người Việt Nam không thể đau khổ mãi. Chúng ta có bỗn phận chăm sóc lấy đồng bào chúng ta khi cuộc đời của họ trở nên khốn khổ. Tôi tin rằng dân tộc Việt Nam sẽ trưởng thành và lớn lên nếu chúng ta từ bây giờ biết chia sẻ nỗi đau của tinh thần. Chúng ta sẽ trở thành một dân tộc lớn nếu sự thương yêu, lòng bao dung từ khắp nơi chảy về hòa nhịp với tiếng đập chung của con tim những người cùng khổ.

Nguyễn Văn Huy thực hiện

Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Quang Hạnh - 9, Allée Delacroix - 95500 Gonesse - France
ĐT: (1) 34.53.94.78

Yếu tố quần chúng

Sự tham gia của quần chúng là yếu tố quyết định trong mọi biến chuyển lịch sử, nhất là trong cuộc vận động dân chủ hóa đất nước Việt Nam hôm nay. Nhưng chúng ta đã thực sự đi vào lòng quần chúng quốc nội chưa, để vận động họ tham gia vào công cuộc ấy?

Tại hải ngoại chúng ta dường như vẫn chủ quan nghĩ rằng, đại đa số đồng bào thù ghét cộng sản nên hễ ta chống cộng thì tự khắc sẽ được họ ủng hộ. Do đó ta chỉ chú trọng vào công tác cỗ vũ, quảng bá lý tưởng tự do, dân chủ, nhân quyền, tố cáo đảng cộng sản là nguyên nhân của tình trạng bi đát cùng cực, và xây dựng cơ sở đấu tranh trong nước. Nỗ lực về thông tin, nghị luận và gây dựng cơ sở ấy chắc chắn rất quan trọng. Nhưng chưa đủ! Tuyệt đại đa số đồng bào trong nước thù ghét chính quyền cộng sản vì cộng sản độc tài và bạo ngược, nhưng nào phải vì thế mà lòng dân tự khắc hướng về chúng ta là những người chủ trương tranh đấu xây dựng một thể chế có dân chủ và nhân quyền! Đời sống của đa số người dân quốc nội vô cùng làm than và cùng quẫn, ấy là hiện thực, nhưng nào phải vì vậy mà họ sẵn sàng hưởng ứng cuộc vận động đòi đòi do chúng ta xướng xuất! Quan sát hoạt động của các tổ chức tranh đấu chính trị cũng như tôn giáo từ mấy năm qua cho thấy, mức độ hưởng ứng của quần chúng còn rất yếu kém. Mà cũng chính bởi mức độ hưởng ứng còn yếu kém đó mà đảng cộng sản mới dám đàn áp đối lập và tiếp tục một cách ngang ngược trong đường lối chuyên chế cực quyền của họ.

Dân Việt Nam chưa bao giờ được sinh hoạt trong môi trường tự do dân chủ đích thực nên chưa sâu nghiêm được giá trị của tự do dân chủ. Sau thời kỳ phong kiến là Pháp thuộc, Nhật thuộc, kể đến là chuyên chế cộng sản ở miền Bắc và độc tài quân phiệt ở miền Nam, rồi từ năm 1975 đến nay là cộng sản cực quyền toàn trị trên cả nước. Quần chúng Việt Nam chẳng những chưa từng kinh nghiệm thế nào là dân chủ, tự do và nhân quyền mà họ lại còn bị các chế độ, cộng hòa cũng như cộng sản, làm cho hiểu sai lệch hoàn toàn về ý nghĩa thực của những khái niệm ấy.

Người dân trong nước, dù bị kèm kẹp và tuyên truyền, vẫn hiểu rõ bản chất phản dân hại nước của đảng cộng sản. Nhưng vì cuộc sống khốn cùng - hậu quả của chủ trương bần cùng hóa nhân dân để thống trị của đảng cộng sản - đã chiếm hết năng lực và ý chí của họ cho miếng cơm manh áo hàng ngày, và bởi triền miên phải dành hết tâm lực cho cái ăn cái mặc nên họ đã kiệt quệ, cả về tinh thần lẫn thể chất.

Trước đại khối quần chúng với dân trí và dân lực như thế, muốn tranh thủ nhân tâm để vận động họ tham gia vào tiến trình dân chủ hóa đất nước, chúng ta cần phải có một phương thức tiếp cận thật tinh tế. Không thể chỉ cỗ vũ,

quảng bá suông lý tưởng dân chủ, tự do, nhân quyền và vạch trần tội ác của đảng cộng sản đã phạm với dân với nước. Mà cùng lúc phải làm những việc thiết thực đáp ứng phần nào nhu cầu trước mắt của quần chúng. Cần chứng tỏ cho đồng bào thấy chúng ta có ý thức trách nhiệm, có tinh thần dân tộc nghĩa đồng bào và có khả năng giúp dân giúp nước hơn hẳn đảng cộng sản, qua sự thực hiện ngay từ bây giờ một số trong những điều chúng ta chủ trương sẽ thực hiện trên đất nước khi chính quyền cộng sản đã bị giải thể.

Đảng cộng sản đang dồn hầu hết khả năng vào lãnh vực quân sự chính trị để cố "trụ". Nên trên các địa hạt khác như xã hội, giáo dục, y tế, kinh tế... không còn kiểm soát và chủ động sinh hoạt được nữa. Hải ngoại có thể và lực, cần nhanh chóng chiếm lĩnh các địa hạt đó. Nhất là hiện nay hàng ngũ đối lập tại quốc nội còn bị nhiều áp chế, chưa thể phát triển lớn mạnh và chủ động tiến hành cuộc tranh đấu, nên hải ngoại phải mạnh dạn tiến công về trong nước, hoạt động trên các địa hạt chính quyền cộng sản đang từng phần hoặc hoàn toàn bỏ ngõ kia để qua đó nắm dần thế chủ động.

Xã hội là lãnh vực thê thảm nhất, rộng lớn nhất, đồng thời cũng là lãnh vực chính quyền cộng sản phỏng nhiệm nhât. Cảnh trẻ em con nhà nghèo đói còi, khuyết tật; cảnh trẻ mồ côi, trẻ tàn tật, người già cả, phế binh, phế nhân không nơi nương tựa, sống vật vờ trên các đường phố, bến bãi xin ăn; cảnh người vô gia cư vô nghề nghiệp sống lây lắt nơi các lề phố, gầm cầu, mưu sinh bằng nghề bới rác hoặc chờ xin cơm thừa canh cặn của thực khách trong các quán... là những thảm cảnh không dễ tránh gặp tại Việt Nam hôm nay.

Từ hải ngoại đã có nhiều hội đoàn, tổ chức về nước hoạt động trên lãnh vực này. Các tổ chức đó đã và đang tiến hành những công tác rất ý nghĩa và thiết thực trong mục đích xoa dịu phần nào nỗi đau khổ của những đồng bào bất hạnh. Chúng ta cần tích cực ủng hộ và tiếp tay với họ.

Nhu cầu cứu tế tại Việt Nam rất lớn lao, hải ngoại làm sao xuể? Làm xuể hay không, đó chưa phải là điều quan trọng. Hoạt động cứu tế đồng bào quốc nội là sự đầu tư lâu dài vào công cuộc phục hồi tinh thần dân tộc nghĩa đồng bào và tạo dựng niềm tin, ta làm được bao nhiêu quý báy nhiêu. Quan trọng là chúng ta chứng thực tấm lòng vì dân vì nước của chúng ta với quần chúng quốc nội. Một đồng bào được ta cứu tế sẽ có mười, một trăm đồng bào khác biết đến sự cứu tế đó.

Việt Nam là một nước chậm tiến, người dân có khuynh hướng trung vào phẩm cách, tài năng của lanh tụ và cán bộ của một đảng phái cùng những việc đảng phái ấy đã làm mà đặt niềm tin. Chính cương, chủ trương, đường lối của đoàn thể ấy chưa phải là tiêu chuẩn để họ xét. Cộng sản đã từng lừa mị đồng bào bằng những mỹ từ "tự do", "dân chủ", "hạnh phúc". Nếu nay chúng ta cũng chỉ đem chừng đó thử ra để vận động đồng bào (mà không có việc làm gì cụ thể và thiết thực trước đó) thì sẽ khó thu phục được ai.

**Nguyễn Hữu Đức
(Hòa Lan)**

TỔ TỨC THỦ SỰ TỔ TỨC

Chủ nghĩa Mác-Lênin: cha truyền con nối

Lần đầu tiên trong lịch sử các chế độ cộng sản, con lên thay thế cha kế tục cầm quyền. Sự kiện này đã xảy ra tại Bắc Hàn khi Kim Chính Nhật lên ngôi kế nghiệp cha là Kim Nhật Thành, từ trần ngày 9-7-1884. Kim Nhật Thành đã độc quyền lãnh đạo trên 22 triệu dân Bắc Hàn suốt gần nửa thế kỷ.

Tưởng cùng nên nhắc lại sự nghiệp của Kim Nhật Thành. Sau khi đế quốc Nhật Bản đầu hàng Hoa Kỳ tháng 8-1945, Kim Nhật Thành theo quân Liên Xô về chiếm miền Bắc Đại Hàn. Năm 1948, ông được Stalin phong làm "thủ tướng", lúc đó mới chỉ có 36 tuổi. Tháng 6-1950, Kim Nhật Thành, với sự đồng tình của Stalin và Mao Trạch Đông, xua 120.000 quân xuống chiếm Hán Thành. Cuộc tiến quân này bị Liên Hiệp Quốc lên án và quyết định ngăn cản bằng quân sự. Quân Liên Hiệp Quốc, dưới sự thống lãnh của Hoa Kỳ, đã đẩy lùi quân cộng sản về phía Bắc. Cuộc chiến kéo dài ba năm làm thiệt mạng hơn hai triệu người. Năm 1953, Đại Hàn bị chia đôi, vĩ tuyến 38 được án định làm ranh giới.

Từ đó đến nay, miền Bắc Đại Hàn do gia đình Kim Nhật Thành thống trị. Các quyền tự do căn bản của con người bị tước đoạt, bộ máy công an, mật vụ, tình báo không lồ kiểm soát chặt chẽ mọi sinh hoạt của dân chúng. Bắc Hàn hoàn toàn bị cô lập trên chính trường quốc tế và chỉ được khôi cộng sản thân Liên Xô và Trung Quốc ủng hộ. Nền kinh tế càng ngày càng tồi tệ. Tổng sản lượng quốc nội chỉ bằng một phần mười của tổng sản lượng quốc nội của Nam Hàn (21 tỷ USD so với 210 tỷ USD). Dưới sự lãnh đạo của họ Kim, tôn sùng cá nhân được đưa vào hàng quốc sách và đi đến chỗ lố bịch, đôi lúc đã làm trò cười cho cả thế giới. Kim Nhật Thành được tôn là "Thái Dương của nhân loại", "lãnh tụ vĩ đại", "vị cha của dân tộc"...

Kim Chính Nhật là ai? Ngày cả ngày sinh không ai biết chính xác. Kim Chính Nhật sinh khoảng 1941 hay 1942, tốt nghiệp trường "Đại Học Kim Nhật Thành" lúc 21 tuổi. Năm 1986, Kim Chính Nhật được chính thức đưa lên hàng "thái tử" chuẩn bị kế vị cha. Mặc dù không biết gì về quân sự, ông vẫn được phong làm nguyên soái như cha, sau được phong vào chức kiểm soát đảng và cơ quan tình báo. Thành tích của Kim Chính Nhật là vụ ám sát 4 bộ trưởng Nam Hàn tại Rangoon, năm 1983, và vụ bắn rơi máy bay hàng không dân sự của Nam Hàn năm 1987, làm 115 hành khách bị thiệt mạng. Ngoài ra còn phải kể thêm các vụ thanh trừng nội bộ để loại các phần tử chống đối trong đảng mà ít ai được biết vì gia đình họ Kim nắm chặt guồng máy thông tin, tuyên truyền.

Tháng 2-1992, nhân dịp lễ sinh nhật 50 tuổi, Kim Chính Nhật được cha phong cho thêm hai chức mới là "quốc trưởng" và "tổng tư lệnh quân đội". Kim Chính Nhật có khả năng nối nghiệp cha không? Đó là một câu hỏi lớn cho các quan sát viên thế giới. Thái độ của quân đội, một trong những lực lượng mạnh nhất của chế độ, sẽ ra sao? Việc không mời quan khách các nước bạn và dõi ngày lễ tang của Kim Nhật Thành được nhiều quan sát viên giải thích là có lùm cùm nội bộ. Ngoài ra người ta cũng nói tới việc tranh chấp về việc thừa kế với Kim Bình Nhật, người em cùng cha khác mẹ với Kim Chính Nhật. Nhiều người nghĩ rằng tuổi thọ của Kim Bình Nhật sẽ không kéo dài được lâu.

Hay tin Kim Nhật Thành từ trần, chính quyền Hà Nội buộc dân chúng để tang một ngày! Thật là một điều hổ nhục cho đất

nước.

Một phụ nữ làm thủ tướng Sri Lanka

Nếu đã có những chuyện cha truyền con nối đáng xỉ và như bạo chúa François Duvalier truyền chức tổng thống cho con là Jean-Claude Duvalier năm 1971 và bạo chúa Kim Nhật Thành nhường ngôi cho con là Kim Chính Nhật, thì việc bà Chandrikar Kumaratunga, con gái của cố thủ tướng Bandaranaike, lên làm thủ tướng Sri Lanka (tức Tích Lan cũ) cuối tháng 8 vừa qua, sau khi đã đánh bại đảng cầm quyền trong cuộc bầu cử quốc hội, lại là một vinh quang lớn.

Thân phụ bà là ông Solomon Dias Banadaranaike lên làm thủ tướng Sri Lanka năm 1956. Ông chủ trương một đường lối cởi mở và hòa hợp dân tộc, chính sách của ông làm một nhóm Phật giáo quá khích bất mãn, vì Phật giáo chiếm đa số tại Sri Lanka với 70% dân chúng (Ấn Độ giáo 15%, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo ngang nhau ở mức 8%). Ba năm sau ông bị một nhà sư ám sát. Sự quiến mà dân chúng dành cho ông đã khiến vợ ông là bà Sirima Bandaranaike được đưa lên kế vị, và trở thành người phụ nữ đầu tiên trên thế giới giữ chức vụ thủ tướng. Bà Bandaranaike bị đánh bại năm 1965. Bây giờ, 29 năm sau, cô con gái của bà là Chandrikar Kumaratunga mới phục hưng được đảng Tự Do và nắm lại được chính quyền.

Lý do đã khiến bà Kumaratunga đặc biệt là lý do đã khiến thân phụ bà bị thiệt mạng: tinh thần bao dung và hòa giải dân tộc. Từ hơn mươi năm nay, Sri Lanka đã bị tàn phá vì cuộc nội chiến giữa sắc dân đa số Sinhala và sắc dân thiểu số Tamil. Cuộc chiến đã làm thiệt mạng hơn 30.000 người, quân nổi loạn Tamil tuy bị thiệt hại nặng vẫn không chịu khuất phục, nhất định đòi ly khai và thành lập một quốc gia riêng của họ trong một nước Sri Lanka vốn đã rất bé nhỏ (Sri Laka là một hòn đảo rộng 65.000 km² với 18 triệu dân). Quân khủng bố Tamil đã ám sát tổng thống Premadasa trong ngày lễ Lao Động 1-5-1993.

Bà Kuamaratunga ra tranh cử với lập trường thương thuyết tìm một thỏa hiệp với sắc dân Tamil về một mức độ tự trị dành cho họ. Bà đã thắng và thân mẫu của bà, hiện đã 78 tuổi, có rất nhiều hy vọng trở thành tổng thống trong cuộc bầu cử cuối năm nay.

Thắng lợi của bà Kumaratunga tái xác nhận một tập tục chính trị tại Châu Á: một lãnh tụ chết, vợ hoặc con gái tiếp tục cuộc đấu tranh và trở thành người lãnh đạo quốc gia. Đó là chuyện đã xảy ra tại Ấn Độ với bà Indira Gandhi (con gái cố thủ tướng Nehru), tại Philippines với bà Corazon Aquino (sau khi chồng bị Marcos ám sát), tại Pakistan với bà Benazir Bhutto (con gái một cựu thủ tướng bị hành quyết).

Dàn bà Phương Đông vẫn có tiếng là ít tham gia vào các hoạt động cộng đồng, nhưng hiện nay đang có một sự chuyển hướng rất ngoạn mục. Đã có bốn người đàn bà làm thủ tướng tại Pakistan (Benazir Bhutto), Bangladesh (Khaleda Zia), Turkey (Tansu Ciller) và ngày nay thêm bà Kumaratunga. Điều đáng ngạc nhiên nhất là Pakistan, Bangladesh và Turkey đều là những nước Hồi giáo coi nhẹ đàn bà. Sự thành công của các vị nữ lưu này chứng tỏ nhân sinh quan Hồi giáo đang bị lung lay từ nền tảng của nó. Có lẽ vì thế mà các phong trào Hồi giáo quá khích đã phản ứng hung bạo tại khắp nơi. Nhưng sự hung bạo chỉ làm cho họ yếu đi.

THỜI SỰ..TƯƠI TỨC..THỜI SỰ..

Bắc Kinh nhìn nhận quyền lực pháp lý của Đài Loan

Theo nhận định của các hãng thông tấn quốc tế AFP, Reuter thì mới đây trong cuộc thương thuyết giữa Trung Quốc và Đài Loan liên quan đến việc hồi hương 16 người dân lục địa, năm 1993, đã cướp đoạt 12 máy bay dân dụng Trung Quốc đào thoát ra Đài Loan, Bắc Kinh đã thay đổi thái độ theo chiều hướng gián tiếp nhìn nhận Đài Loan.

Sau chín giờ hội đàm để kết thúc bốn đợt thương thuyết trước đây về việc này, nhà cầm quyền Bắc Kinh đã cùng với Đài Loan ký kết một thỏa hiệp 8 điểm để tiếp nhận 16 "không tặc" nói trên, đồng thời đặt cơ sở giải quyết hồi hương những "hành khách lậu" đi máy bay hay tàu biển từ lục địa qua Đài Loan, những vụ tranh chấp về các vùng đánh cá v.v...

Giới quan sát quốc tế coi đây là những chỉ dấu cho thấy Bắc Kinh đã mặc nhiên công nhận quyền lực pháp lý của chế độ Đài Loan vì trong lúc thương thuyết, Bắc Kinh đã không bác bỏ những lý do được Đài Loan viện dẫn để từ chối việc trao trả những "không tặc" đã hành động vì lý do chính trị hay tôn giáo. Sau hết, nhiều chương trình trao đổi giữa hai bên đã được trù liệu sẽ được thực hiện chung trong tương lai.

Pháp không lạc quan về triển vọng hợp tác với Việt Nam

Một tài liệu của chính phủ Pháp, mà dĩ nhiên chúng tôi không thể nêu xuất xứ, bày tỏ một thái độ vừa hy vọng vừa thực tiễn về hợp tác Pháp-Việt.

Tài liệu cho hay ba mục tiêu của Pháp là giúp Việt Nam hội nhập vào cộng đồng quốc tế, giúp Việt Nam hình thành một nhà nước pháp trị và tăng cường sự hiện diện còn khiêm nhuờng của Pháp tại Việt Nam.

Tài liệu nhắc lại những cố gắng của Pháp: giúp Việt Nam thanh toán số nợ 140 triệu USD còn tồn đọng với Quỹ Tiền tệ Quốc Tế, giúp Việt Nam được miễn trừ 50% số nợ 4 tỷ USD đối với các nước Phương Tây. Tổng số viện trợ của Pháp không ngừng tăng lên, đạt con số 485 triệu Francs năm 1993, nếu lấy tổng cộng các nguồn và các loại viện trợ.

Về kinh tế, những cố gắng của Pháp đã đem đến một số kết quả cụ thể. Alcatel đã ký nhiều hợp đồng với chính quyền Việt Nam (tài liệu không đưa số liệu). Total đã được chấp nhận nghiên cứu tính khả thi của một dự án thiết lập một nhà máy lọc dầu trị giá 1,2 tỷ USD. Air France đã chuyển giao dưới hình thức leasing (thuê dài hạn với thỏa thuận mua sau đó) 8 máy bay Airbus A320. Các công ty Pháp tham dự ở mức độ 100 triệu USD vào công trình đường điện cao thế Bắc-Nam. Công ty Gec-Alsthom thực hiện một phần trị giá 35 triệu USD của nhà máy nhiệt điện Bà Rịa v.v... Một khía cạnh ngân hàng lớn của Pháp (BFCE, BNP, Crédit Lyonnais, Indosuez) đã có mặt tại Việt Nam.

Về hợp tác văn hóa, bằng các nguồn khác nhau, tài liệu cho hay Pháp đã đầu tư 50 triệu Francs vào Việt Nam. Ba mục đích được theo đuổi trong cố gắng này là phát triển tiếng Pháp, huấn

luyện cán bộ quản trị và giúp đỡ Việt Nam tiến tới nhà nước pháp trị. 450 học bổng ngắn hạn và trung hạn đã được cấp phát trong năm 1993, cộng với 10 học bổng cao cấp để các cán bộ ưu tú của Việt Nam theo học các Trường Lớn (Grandes Ecoles) tại Pháp. Trình độ Pháp văn kém của cán bộ Việt Nam đã khiến chỉ có ba trong số mười học bổng này được sử dụng.

Hướng về tương lai, tài liệu tỏ ra không mấy lạc quan. Thanh niên Việt Nam mơ tưởng đến Hoa Kỳ hơn là Pháp và Pháp cũng khó thi đua viện trợ với Mỹ và Nhật (số viện trợ dự trữ các loại của Pháp cho năm 1994 là 550 triệu Francs, trong khi của Nhật là 550 triệu USD, nghĩa là hơn gần sáu lần). Tài liệu cũng nhấn mạnh là các công ty của Pháp phải tỏ ra hiệu lực như những công ty thuộc vùng Thái Bình Dương. Điều này rất khó.

Theo tài liệu, chính phủ Việt Nam tỏ ra biết ơn những cố gắng của Pháp vì thế đã chấp nhận thảo luận về cả những vấn đề rất tế nhị như nhân quyền. Tuy nhiên thảo luận để đi đến kết quả nào thì tài liệu không nói rõ. Điều người ta có thể chắc chắn là kết quả không mấy lạc quan. Trong hai cuộc thăm viếng của tổng thống Pháp tại Việt Nam và của thủ tướng Võ Văn Kiệt tại Pháp, chính phủ Pháp đã can thiệp yêu cầu trả tự do cho hơn mươi tù nhân chính trị bị xét xử và bỏ tù trong những điều kiện cực kỳ vô lý và thô bạo, nhưng chưa một ai được trả tự do cả. Diễn hình là Đoàn Viết Hoạt, người đứng đầu danh sách, đã bị xử 20 năm tù tháng 3-1993, một tháng sau sự can thiệp của tổng thống Mitterrand, và sau đó được giảm xuống còn 15 năm và 5 năm mất quyền công dân sau lần can thiệp thứ hai trong chuyến viếng thăm của thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Đả kích gay gắt chính sách của chế độ cộng sản Việt Nam

Alain Chaillet là một chuyên viên ngân hàng, tới Việt Nam từ hai năm nay để đảm nhận chức vụ giám đốc ngân hàng Banque Nationale de Paris. Tháng 8-1994, ông trả lời một cuộc phỏng vấn của tờ Mekong Eco.

Về đầu tư nước ngoài, Alain Chaillet nói rằng trên tổng số 9 tỷ USD đã được thông qua chỉ có 2 tỷ là thực sự được thực hiện. Trong số 2 tỷ này, một tỷ dành cho các giàn khoan. Trong một tỷ còn lại, một nửa dồn vào các thiết bị phần lớn đã cũ kỹ. Chỉ có 500.000 triệu USD được đầu tư vào các hoạt động thực sự có tác dụng phát triển.

Alain Chaillet giải thích tình trạng bi đát này do luật pháp không cởi mở và không rõ ràng, tệ sứ quân và việc chính quyền để tự do bành trướng hoạt động đầu cơ. Đầu cơ lôi kéo những người chụp giật và làm xa lánh những nhà đầu tư đúng đắn. Ông Chaillet nêu một thí dụ: Tệ đầu cơ nhà đất đã khiến giá đất tại Sài Gòn nhiều chỗ đắt hơn cả Champs Elysées.

Việt Nam cần 50 tỷ USD cho 10 năm tới nhưng các định chế tín dụng quốc tế chỉ có thể cung cấp một hai tỷ mỗi năm. Muốn lôi kéo đầu tư nước ngoài, cần noi gương các quốc gia đã tìm đủ mọi cách tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty nước ngoài thay vì coi họ như những con bò sữa tha hồ lợi dụng. Ông nhận định rằng nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay vẫn coi lợi nhuận như là một điều xấu cần phải trừ phạt. Các nhà đầu tư có mọi lý do

THỦI SỰ..TIN

để nhìn về hướng khác: Thái Lan, Mã Lai và Indonesia.

Theo Alain Chaillet, việc người Mỹ ồ ạt đầu tư và Việt Nam chỉ là một huyền thoại. Chưa có một công ty Mỹ nào đầu tư vào Việt Nam cả vì họ không tin tưởng.

Tờ ngại chính cho phát triển kinh tế là nhà cầm quyền Việt Nam không chấp nhận trả bất cứ một giá chính trị nào cho phát triển kinh tế. Họ khư khư ôm lấy nguyên tắc chủ quyền quốc gia để từ chối hội nhập vào trào lưu của thế giới tiến bộ. Ông nhận định đã chỉ có những thay đổi hời hợt ngoài mặt chứ không có thay đổi theo chiều sâu, vì thế kinh tế nội địa vẫn èo ọt. Những hứng khởi của hai năm đầu đã nhường chỗ cho sự thất vọng.

Alain Chaillet đánh giá tiềm năng phát triển của Việt Nam thật ra rất cao. Ông viện dẫn thí dụ nông nghiệp - Việt Nam từ một nước thiếu ăn đã thành một nước xuất cảng gạo - để nói rằng càng ít chỉ đạo của nhà nước bao nhiêu càng dễ phát triển bấy nhiêu.

|||||

Pháp vừa xóa nợ vừa gia tăng viện trợ cho Việt Nam

Ngày 21-7, bộ trưởng Tài Chính Edmond Alphandéry đã ghé thăm Việt Nam trước khi sang Cam Bốt. Trong hai ngày ở Hà Nội, ông ta đã ký với Việt Nam một thỏa hiệp xóa nợ 1,2 tỷ Francs và cho hoãn thời gian trả nợ khác hơn một tỷ Francs, đồng thời tăng viện trợ thêm 70% so với năm 1993.

Hai bên cùng ký một thỏa hiệp về tài sản của các xí nghiệp Pháp bị quốc hữu hóa sau 1975 và tài sản tư nhân Pháp bị phong toả từ 1954. Quan trọng hơn nữa là Pháp cho hàng bão hiềm ngoại thương Pháp (COFACE) bảo đảm tiền cho vay. Nhờ có bảo đảm này, nhà nước Việt Nam có thể mua máy bay Pháp dùng cho đường hàng không dân sự Saigon - Paris và các nhà kinh doanh Pháp có thể đầu tư vào Việt Nam ít bị rủi ro hơn.

Đây là một bước tiến mới quan trọng của Pháp vào thị trường Việt Nam, mặc dù Pháp chỉ đứng vào hạng thứ năm về đầu tư tại Việt Nam.

|||||

Lập tòa án xử tội ác cộng sản

Trong hai ngày 25 và 26-6-1994, một hội nghị quốc tế về tội ác cộng sản đã được triệu tập tại Warsaw, thủ đô Ba Lan. Hội nghị này là hội nghị của các Ủy ban quốc gia Nuremberg II, một bước phát triển mới của nhiều cuộc họp sơ bộ tổ chức tại Thụy Sĩ trong năm 1993, do sự xướng xuất của một số sáng lập viên người Ba Lan, Romania, Bulgaria, Tiệp Khắc, Pháp, Thụy Sĩ, Việt Nam v. v...

Trong giai đoạn sơ khởi, cuối năm 1993, một Ủy ban trù bị quốc tế đã được thành lập để mở rộng phạm vi hoạt động và tích cực vận động cho việc hình thành một tòa án quốc tế, lấy tên là Nuremberg II, để xét xử những tội ác của cộng sản chống chất trong hơn 70 năm tại Liên Xô cũ và gần 50 năm tại Đông Âu cùng các vùng khác có chế độ độc tài cộng sản.

Tại hội nghị Warsaw, hơn 70 đại biểu của các Ủy ban quốc gia thuộc nhiều quốc tịch đã nhóm họp, dưới sự chủ tọa của giáo

TÚC..THỦI SỰ..

sư Respond-Glowacki người Ba Lan hiện thường trú tại Thụy Sĩ. Về phần Việt Nam có hai đại biểu: ông Nguyễn Văn Trần, thành viên lãnh đạo Ủy ban Dân chủ (Paris) và ông Bùi Tín, nguyên phó tổng biên tập báo Nhân Dân, đã ly khai chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và hiện cư trú tại Pháp.

Ông Nguyễn Văn Trần đã thông báo với hội nghị những tội ác của cộng sản ở Việt Nam từ 1945 đến nay: thủ tiêu nhiều đảng viên các chính đảng chống Pháp, Nhật, đàn áp tôn giáo, kìm kẹp đủ mọi thành phần dân chúng, đày dọa hàng trăm ngàn sĩ quan viên chức Việt Nam Cộng Hòa v.v...

Trong bài tham luận đọc trước hội nghị, ông Bùi Tín đã kiểm điểm lại một số tội ác để đời của cộng sản Việt Nam như vụ án "Nhân Văn Giai Phẩm", án "Xét lại chống Đảng" liên quan đến hàng trăm trí thức, văn nghệ sĩ, đến nay các nạn nhân vẫn chưa được minh oan. Đã vậy, nhà cầm quyền cộng sản, bất chấp cao trào dân chủ tự do đang diễn ra khắp thế giới, vẫn tiếp tục theo đuổi chính sách đàn áp thô bạo những người bất đồng chính kiến như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, ông Nguyễn Đình Huy v.v... Mặt khác, ông Bùi Tín còn tố cáo các cấp chính quyền cộng sản Việt Nam, trong những năm 1975-1979, đã xua hàng trăm ngàn người ra biển cả trên những tàu thuyền ợp ép để vớt vàng mặn cho sóng gió và hải tặc tự do tàn sát họ.

Nhiều đại biểu khác đã lên tiếng đòi hỏi công lý phải được thi hành, những kẻ phạm tội phải bị trừng phạt theo đúng các tội danh và nhất là không thể để cho những tội phạm này đương nhiên trở lại cầm quyền.

Hội nghị Warsaw, rất được dư luận Ba Lan theo dõi, đã kết thúc bằng quyết định thành lập một Ủy ban quốc tế "Nuremberg II" để xét xử những tội ác cộng sản. Tạm thời, hội nghị chỉ định Ủy ban trù bị Nuremberg II ở Thụy Sĩ phụ trách công tác đối ngoại. Hội nghị ủy nhiệm cho chủ tọa đoàn, nhân danh các đại biểu, gửi văn thư cho tổng thống Ba Lan Lech Walesa, Đức hồng y Józef Glemp và Ủy ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc yêu cầu thành lập một tòa án hình sự quốc tế (theo mẫu tòa án xét xử các tội ác chống lại nhân loại ở Nam Tư) để xét xử tội ác cộng sản.

|||||

200 sinh viên không được vào phòng thi

Giữa tháng 6-1994, trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn đã ra lệnh không cho gần 200 sinh viên vào dự thi cuối năm vì không đóng học phí. Trước đó, ngày 7-6, 8 sinh viên bị đuổi ra khỏi trường vì chưa đóng học phí và ngày 13-6 những sinh viên này bị trực xuất khỏi phòng thi. Ngày 14-6, 23 sinh viên khác cũng bị "mời" ra khỏi phòng thi vì chưa đóng học phí. Ngoài ra, 108 sinh viên khác thuộc diện được miễn hay giảm học phí (người sắc tộc, miền núi, con gia đình cách mạng...) cũng bị cấm thi. Những sinh viên nào đã "lộ" thi kỳ I đều bị cảo bằng (hủy hết kết quả), nhưng nếu sau đó chịu đóng học phí thì sẽ được nhà trường cho thi kỳ II.

Việc nhà trường ra thông cáo buộc các sinh viên phải đóng trước ngày 31-5, nếu không sẽ bị cấm thi, gây nhiều lo lắng trong giới sinh viên. Những sinh viên nghèo đã phải chạy đôn chạy đáo vay mượn tiền, có người phải chạy về tận miền quê nhờ cha mẹ vay tiền với lãi suất 6%/tháng để nộp, nhưng vì nộp sau ngày 31-5 nên vẫn bị cấm thi.

THỐI SỰ..TIN TỨC..THỐI SỰ..

Hơn 100 sinh viên thuộc diện được miễn hay giảm học phí đã bị cấm thi một cách oan ức. Những sinh viên này đã đóng học phí nhập học như mọi người, sau đó hồ sơ xin miễn hay giảm học phí của họ nếu được chấp nhận sẽ được nhà trường hoàn trả ngay. Muốn được miễn hay giảm những sinh viên này cũng phải đi qua nhiều cửa ải gian truân: tất cả hồ sơ phải chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận, Hội đồng khoa (Đoàn khoa, ban cán sự lớp và chi đoàn) xét, Phòng đào tạo lên danh sách, Ban giám hiệu ký duyệt, sau cùng mới đến Phòng Tài Vụ để hoàn trả. Nhưng cho đến hết niên học 1993-1994, số tiền phải trả lại cho các sinh viên này vẫn chưa xác định, trong khi các trường khác đã thanh toán cho sinh viên từ tháng 10 hay 11-1993. Việc nhà trường chậm trả hoàn tiền lại cho sinh viên thì ai xét xử?

Trường Đại Học Sư Phạm qui định tất cả các sinh viên phải đóng học phí nếu có thể một lần hay tối đa là hai lần, thay vì từng tháng theo chỉ thị của Bộ Đại Học. Hơn nữa nhà trường lại thu học phí có phần cao hơn các trường khác (từ 900.000 đến 1,2 triệu đồng/SV/năm, trong khi các trường khác chỉ thu từ 800.000 đến một triệu đồng). Sự kiện cấm thi này sau khi bị báo chí trong nước phanh phui, một khoa trưởng của trường mới thừa nhận: "Sau khi làm việc với lớp, tôi mới biết trong số những em đóng học phí muộn có những em hoàn cảnh rất khó khăn".

Cũng nên nhắc lại là trong mùa tuyển sinh trước đó, trường Sư Phạm đã hạ điểm chuẩn xuống nhiều lần mà vẫn không lấy đủ sinh viên vào học. Chất lượng của các thầy cô giáo tương lai do đó không lấy gì làm bảo đảm sau khi tốt nghiệp.

.....

Được 1.000 thầy mất 3.000 thầy khác

Trong Hội nghị tổng kết một năm thực hiện nghị quyết trung ương 4 về giáo dục, ngày 27-6-1994 tại Hà Nội, ông Trần Hồng Quân, bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, nêu ra hai vấn đề cần phải giải quyết gấp: 1. Tìm nguồn nhân lực và biện pháp giải quyết tình trạng thiếu và yếu của đội ngũ giáo viên; 2. Sự bất cập giữa nhu cầu của nền kinh tế thị trường và khả năng đáp ứng nguồn nhân lực của hệ thống dạy nghề.

Ông Trần Hồng Quân cho biết, năm học 1993-1994 cả nước thiếu 60.000 giáo viên, chủ yếu là giáo viên cấp I tiểu học (tăng 20.000 so với năm học 1992-1993). Do quá thiếu, nhiều tỉnh đã phải đào tạo cấp tốc: người có trình độ lớp 5 + ba tháng sư phạm, hoặc lớp 9 + một tháng sư phạm. Trình độ giáo viên cấp I và chất lượng giáo dục vì thế đã xuống cấp trầm trọng. Cũng theo ông Quân, hiện chỉ có 34% giáo viên tiểu học và 40% giáo viên cấp II đạt tiêu chuẩn qui định. Riêng giáo viên cấp III có tỷ lệ đạt chuẩn cao hơn, nhưng trình độ và năng lực vẫn chưa đáp ứng nhu cầu khi chuyển sang trung học phân ban. Tỷ lệ bỏ học trên toàn quốc hiện vẫn còn rất cao: cấp I: 9,4%, cấp II: 16,1% và cấp III: 14,4%.

Cũng nên biết thêm trong đợt tuyển sinh vào Trường Trung Học Sư Phạm Sài Gòn, hai ngày 3 và 4-8-1994, chỉ có 988 thí sinh dự thi, chưa tới 62% so với số đăng ký dự thi. Chỉ tiêu lấy vào Trường Trung Học Sư Phạm năm nay là 700 học sinh. Trong khi đó, 3/6 huyện ngoại thành (Bình Chánh, Thủ Đức, Nhà Bè) đã tuyển được trên 100 thí sinh sau khi đã được kiểm tra kiến thức văn hóa. Năm học mới, thành phố Sài Gòn thiếu 802 giáo viên

cấp I. Về giáo viên cấp II, quận Bình Chánh thiếu 90 thầy (1/4 nhu cầu của quận), quận Hóc Môn thiếu 203 thầy. Cùng tại quận Hóc Môn, Phòng Giáo Dục ra thông cáo tuyển sinh giáo viên cấp I nhưng không ai đăng ký. Quận Nhà Bè thiếu 102 giáo viên cấp I và II. Để bù đắp vào sự thiếu vắng này, những thí sinh tạm tuyển liền được bổ đi dạy ngay, rồi đi học "bổ túc sư phạm" sau đó vào mỗi thứ năm hàng tuần và dịp hè.

Bà Tuyết Mai, trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ Sở Giáo Dục và Đào Tạo, cho biết: "Trung bình hằng năm, giáo sinh ra trường được gần 1.000, thì số giáo viên nghỉ bỏ việc đã lên đến 3.000 người!". Để khuyễn khích các thầy cô, Ủy ban Nhân Dân Sài Gòn ra quyết định trợ cấp 125.000 đồng/tháng cho giáo viên ngoại thành, 250.000 đồng/tháng cho giáo viên nội thành nhưng cũng không ngăn cản được nạn bỏ dạy đang lan tràn trong ngành giáo dục hiện nay.

Theo báo Vietnam News Sunday, số ngày 17-7-1994, Đoàn Thanh Niên Hà Nội cho biết 91% sinh viên y khoa, 74% sinh viên Đại Học Hà Nội, 48% sinh viên Đại Học Sư Phạm sau khi tốt nghiệp không tìm được việc làm. Nguyên do là sinh viên tốt nghiệp từ chối đi nhận việc ở các tỉnh lỵ xa xôi, họ chấp nhận thất nghiệp nhưng được ở lại trong các thành phố lớn. Theo ý kiến của một sinh viên, nạn thất nghiệp trong giới sinh viên vừa tốt nghiệp là do chương trình đào tạo không thích hợp với nhu cầu kinh tế nên không thể tìm được việc làm phù hợp.

.....

72.802 gái bán dâm?

Tệ nạn xã hội ở Việt Nam tiếp tục gia tăng mặc dù chính quyền cộng sản cố sức gây cảm tưởng đã có thuyên giảm.

Bộ trưởng Lao Động Trần Đình Hoan cho biết, số lượng gái bán dâm "năm được" (biết được) trong cả nước là 72.802 người, số chủ chứa là 1.650 người. Số gái bán dâm dưới 18 tuổi tăng từ 1,2% (1992) lên 11% (1994). Tình trạng buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy trở nên nghiêm trọng, hàng ngàn tiệm chích ma túy đã được khám phá.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt cùng các phó thủ tướng Phan Văn Khải, Nguyễn Khánh, Trần Đức Lương đã họp hội nghị với các lãnh đạo các tỉnh ở Miền Nam để cải cách thủ tục hành chánh, lập lại trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, nhà cửa tại các đô thị và chống tệ nạn xã hội. Theo ông Trương Tấn Sang, chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Sài Gòn, thì sự lạc hậu của nền hành chánh là nguyên nhân của tệ thủ tục phiền hà: bộ máy hành chánh cồng kềnh chưa được đổi mới, nghiệp vụ hành chánh chưa thống nhất cho phép có nhiều "vận dụng" (làm ẩu để ăn hối lộ), chính sách nhà nước thay đổi luôn luôn, đội ngũ công chức không có đào tạo, kỷ cương trong nội bộ không nghiêm nên còn rất nhiều tùy tiện.

Ông Trần Đức Lương nhấn mạnh phải chặn đứng tình trạng nhiều tổ chức, cá nhân lợi dụng lúc "tranh tối tranh sáng" để biến đất đai, nhà ở thuộc "sở hữu toàn dân" thành miếng mồi béo bở để tham nhũng hoặc phục vụ lợi ích cục bộ. Ông Lương cho biết chính phủ sắp ban hành một loạt biện pháp nhằm lập lại trật tự, kỷ cương trong lãnh vực này.

.....

THỐNG SỰ...TƯƠI TỨC...THỐNG SỰ...

Hội đồng Nhân dân ?

Úy ban Thường vụ Quốc hội cộng sản đã quyết định tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994-1999 vào ngày 20-11-1994.

Như thường lệ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ "hướng dẫn" các ủy ban Mặt trận Tổ quốc địa phương tổ chức "hiệp thương lựa chọn", giới thiệu những người ra ứng cử đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Như vậy đâu vẫn hoàn đó, công cụ của đảng là Mặt trận Tổ quốc vẫn bao vây xã hội dân sự như xưa. Làm sao có thể có được bầu cử tự do nếu từ ứng cử cho tới bầu cử đều phải qua cửa ải "Mặt trận"? Hiện đã có nhiều dự án pháp lệnh đang trong vòng bàn thảo như các dự án pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, người hoạt động kháng chiến, người có công với cách mạng, pháp lệnh công chức v.v...

Các tập đoàn kinh doanh ra đời

Sau khi hàng loạt doanh nghiệp nhà nước bị dẹp bỏ, nhà cầm quyền cộng sản đã đề xuất việc thành lập những cơ cấu sản xuất mới, gọi là "tập đoàn kinh doanh". Được biết Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã đề nghị chính phủ cho phép chuẩn bị các điều kiện để thí điểm thành lập tám tập đoàn doanh nghiệp. Đó là Tập đoàn sản xuất kinh doanh cao su Việt Nam, Tập đoàn kinh doanh lương thực Nam bộ, Tập đoàn bưu chính viễn thông, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn thương mại Sài Gòn, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tập đoàn sán xuất kinh doanh than Việt Nam, Tập đoàn xi măng Việt Nam.

Hiện chỉ có hai tập đoàn đã chuẩn bị đủ hồ sơ, đó là Tập đoàn sản xuất kinh doanh Việt Nam và Tập đoàn thương mại Sài Gòn. Nhưng định mức về vốn của các đơn vị này chưa đáp ứng đủ so với yêu cầu.

Biểu tình đòi tự do cho bà Aung San Suu Kyi

Chiều ngày 8-8-94 tại đường Courcelles thuộc quận 8 Paris, Hiệp hội Pháp quốc-Miến Điện, Hội đòi Tự do cho Aung San Suu Kyi, Ủy ban Phục hồi Dân chủ cho Miến Điện, Trung tâm Việt Nam về Nhân Quyền đã tổ chức một cuộc biểu tình tại chỗ trước sứ quán Miến Điện để phản đối tập đoàn quân phiệt tiếp tục giám giữ dưới dạng quản chế tại bà Aung San Suu Kyi.

Cuộc tập hợp ôn hòa đã diễn ra trước sự hiện diện của cảnh sát và ngành an ninh Pháp tối bảo vệ sứ quán Miến. Nhiều khẩu hiệu, hình ảnh tố cáo tội ác của tập đoàn quân phiệt Miến được treo lên tường cùng với quốc kỳ và các hội kỳ Miến. Không có sự căng thẳng giữa đoàn người biểu tình và lực lượng cảnh sát. Nhưng có một thanh niên Pháp đã tìm cách vượt vòng rào, leo lên tầng thứ ba của cao ốc, nơi sứ quán Miến đặt văn phòng, cảng khẩu hiệu ngoài bao lơn đòi trả tự do cho bà Aung San Suu Kyi.

Nhân viên sứ quán Miến nhảy ra vứt bỏ khẩu hiệu và tìm cách trục xuất ra khỏi vòng đai sứ quán, nhưng người thanh niên này đã kịp thời tự còng hai tay mình vào bao lơn. Trong lúc hai bên còn giằng co thì cảnh sát Pháp tối can thiệp, khuyên giải người

thanh niên hãy rời sứ quán. Thanh niên này từ chối không chịu rời bao lơn sứ quán dưới sự cỗ vũ của đoàn biểu tình ở dưới đường. Sau gần hai giờ không thuyết phục được bằng lời nói, cảnh sát Pháp đưa xe càn trục và nhân viên kỹ thuật tới cưa xích tay, rồi đưa người thanh niên này ra khỏi sứ quán Miến. Sự việc đã kết thúc một cách ôn hòa và vui vẻ nhưng đã gây hứng thú cho đoàn biểu tình và sự chú ý của người qua lại.

Sau rắc rối này, đại diện đoàn biểu tình đã được cảnh sát đồng ý cho lên lầu ba để đưa kháng thư đòi trả tự do cho bà Aung San Suu Kyi, cho tất cả tù nhân chính trị Miến hiện còn đang bị giam giữ, trao lại quyền hành cho chính quyền dân sự trên cơ sở kết quả cuộc bầu cử năm 1990 và giải tán cái gọi là Hội đồng quốc gia Phục hồi Luật pháp và Trật tự (SLORC - State Law and Order Restoration Council), tức chính phủ quân phiệt đương quyền của Miến Điện.

Tưởng cũng nên nhắc lại là bà Aung San Suu Kyi bị quản chế tại gia đến nay là năm thứ năm. Bà là lãnh tụ của đảng đối lập đã đặc cù với trên 80% số phiếu nhưng chính quyền quân phiệt trở mặt, bắt giữ bà và thẳng tay đàn áp đảng của bà. Việc thân phụ bà là tướng Aung San bị ám sát năm 1947 vì lý do chính trị không làm bà nản lòng, trong thời gian bị mất tự do, bà đã tỏ ra có một nhân cách xuất chúng gây được sự cảm phục của quốc tế. Bà mới đây đã tuyên bố: "Chịu đựng bị cô lập hóa không phải là điều khó. Tôi biết rằng dân chúng còn đau khổ nhiều hơn thế. Có những người đã phải chết".

Theo báo chí của Anh, dân chúng Miến tuy bề ngoài chịu sống dưới chế độ độc tài quân phiệt nhưng bề trong vẫn hàng ngày cầu nguyện cho bà Aung San Suu Kyi sớm được tự do. Dân chúng không ngần ngại tuyên bố với báo chí là họ không bao giờ quên Aung San Suu Kyi.

Sửa chữa hệ thống cấp nước tại Sài Gòn

Hệ thống ống dẫn nước ở mạng lưới tiêu thụ tại Sài Gòn xuống cấp trầm trọng. Trong số 1.860 km ống dẫn, 400 km đường ống (được đặt cách đây 30-40 năm) đã mục nát gây thất thoát nước. Năm 1993 Công ty Cấp nước Sài Gòn mới bắt đầu cho thay những ống mục này và theo dự kiến thì đến hết năm 1994 sẽ thay được khoảng 47 km. Công ty Cấp nước cho biết chi phí sửa chữa và phục hồi hệ thống ống dẫn nước thành phố lên tới 65 triệu USD.

Được biết Ngân hàng Phát triển Á Châu đã phê chuẩn cho vay số vốn kể trên với lãi suất 10% một năm, phía vay phải trả lãi trong năm năm đầu và trả vốn lãi trong 20 năm tiếp theo. Công ty Cấp nước dự trù phải tăng giá nước mới có thể trả nợ.

Thượng tọa Thích Huệ Thủ tự thiêu

Theo thông cáo của Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, thượng tọa Thích Huệ Thủ, trụ trì chùa Ngọc Phà, đã tự thiêu để phản đối chính quyền cộng sản không chấp cho tự do tôn giáo, đồng thời phản đối những khoảng thuế mới áp đặt cho nông dân đồng bằng sông Cửu Long.

Nhiều tu sĩ khác dự định tự thiêu tiếp theo thượng tọa Thích Huệ Thủ đã bị công an bắt giam.

Nói thêm về Nguyễn Xiển

Báo Thông Luận số 73 có đăng mấy câu sau đây trong bài nói về ông Nguyễn Xiển: "...*Di Pháp du học, ông chất vát mãi không lấy nỗi bằng cử nhân khoa học, bèn vào trường khí tượng...*".

Tôi có quen ông Xiển từ năm 1928. Khi tôi còn lẹt đẹt ở trung học thì ông đã vào đại học. Các chặng đường đời của ông tôi cũng biết sơ qua.

Khi ông ở Trường Bảo Hộ (Lycée du Protectorat) ra thì được Hội Đồng Bảo Trợ Du Học (người đứng đầu sáng lập là ông Nguyễn Hữu Bài) cấp học bổng đi Pháp. [...] Ông Xiển học Đại Học Khoa Học. Cuối năm nào ông cũng đậu ưu hạng. [...] Những sự kiện trên chứng tỏ cho ta biết là ông Xiển không phải là sinh viên dốt toán như người ta làm tướng.

Còn về truyện ông là kỹ sư khí tượng thì tuyệt nhiên không có vì hồi đó đâu đã có trường kỹ sư khí tượng? Sở dĩ nhà nước Bảo Hộ cử ông vào khí tượng là vì lúc đó Pháp cần dùng một vài người có bằng khoa học và họ dự bị chiến tranh sắp tới.

Về sự nghiệp chính trị của ông, trong thơ ông viết cho ông Đỗ Mười, thì phần nhiều là đúng cả. Ta phải cảm ơn những người như ông đã để ít thì giờ ôn lại cho các thế hệ sau này những việc mình đã làm để có những sự kiện mà phê phán. Những ký ức đó là những sử liệu quý giá mà mai kia các sử gia dựa vào đó mà viết sử.

Câu chót trong thơ của ông: "*Xin Đảng phải sáng suốt hơn các đảng khác, phải thay chế độ "đảng trị" bằng chế độ "đức trị"*" có thể là một đề tài quý giá mà từ đó ta có thể suy luận thêm ra được.

Có điều phải bỏ "đảng trị" một cách tuyệt đối. Vì nước Việt Nam chúng ta không phải là công cụ của một đảng, một nhà nào. Nó là kết quả của 4000 năm chiến đấu của cả dân tộc ta. Của chúng như vậy thì mỗi công dân mới hết lòng "sống chết" vì non sông, đất nước. Tổ quốc Việt Nam không phải là tổ quốc của ông Hồ hay của đảng cộng sản. Tổ quốc là tổ quốc của mỗi công dân Việt Nam. Ai cho tổ quốc là của đảng mình thì không những là người ngu mà lại là quan ăn cướp.

Còn như lấy "đức trị" thế cho "đảng trị" là một phương pháp "mơ hồ, lầm cảm" như tờ báo Thông Luận đã viết thì tôi cũng đồng ý một phần nào với tòa soạn. [...] Xã hội nào cũng cần phải có trật tự. Không có "đức" thì làm sao có trật tự được?

Nhưng không phải vì vậy mà lấy luân lý làm luật chung trong các phạm vi hoạt động. Kinh tế có hoạt động riêng của nó. Chính trị có luật riêng. Ta không thể lấy luân lý để mà trị dân một cách tổng quát được. Phải biết sử dụng tâm lý học, kinh tế học và các khoa học khác khi cần. Chính trị đã trở nên một khoa học gồm bao nhiêu khoa học khác. Nó còn là một nghệ thuật (art) biết bao tinh tế!

Các cụ nhà nho hay phạm phải cái lỗi là chỗ nào cũng áp dụng luân lý. Có chỗ ta phải áp dụng luân lý, có chỗ ta cần phải dùng sinh lý học, kinh tế học, chính trị học, vật lý học... Luân lý không phải là một khoa học phổ quát mà chỗ nào cũng có thể áp dụng nó được.

Tôi rất lấy làm lạ là một chính trị gia đã có nhiều trách nhiệm quan trọng, đã sống trong một bầu không khí mác-xít, lê-nin-nít gần nửa thế kỷ mà vẫn duy tâm như vậy. Thật cùng đáng tiếc. Thế mới biết xứ mình thiếu người suy nghĩ, thiếu tư tưởng gia.

Nguyễn Huy Bảo

LTS: Một số chi tiết, có lẽ sai, về đời du học của ông Nguyễn Xiển đã do một thân hữu cho biết. Chúng tôi xin cảm ơn cụ Nguyễn Huy Bảo đã dính chính hộ cho xác thực hơn và xin thành thực cáo lỗi cùng độc giả.

Chỉ nên phô biến nội bộ

[...] Lời bàn của ông Vũ Thiện Hân có nhiều chỗ hay, nhưng nói chung là bài nói của ông Đỗ Mười không đáng để bình luận. Ngôn ngữ ông Mười dùng "tuyệt" đến nỗi xin miễn bàn. Tôi chỉ băn khuân một điều, liệu một mình ông Mười có đủ "trình độ" viết một bài dài như vậy không (?), và liệu trong số những người nghe bài của ông Mười đọc tại các hội nghị cán bộ Đảng trong nước có ai bắt chước Hán Tín đời xưa, chịu khó nghe và vỗ tay, để rồi cố làm một cái gì đó khá hơn, hay ai cũng nghe và vỗ tay thật lòng? Nếu vậy thì nguy cho dân ta thật mất. Nhưng cũng mừng cho Đảng rằng Đảng đã biết một điều là những tài liệu như vậy chỉ nên phô biến nội bộ. Biết ngượng cũng là một tiến bộ, nhưng ăn vụng (hay nói vụng) thì hơi "xấu mặt", nhất là khi bị Thông Luận và Vũ tiên sinh đem ra chấm điểm trước thiên hạ.

L.T.A. (Ba Lan)

Bảo có Độc Lập là vu không

Trong Thông luận số 72, tháng 5, phần lời bàn, anh Vũ Thiện Hân đã viết: "Có điều trước mắt là sau 20 năm độc lập, thống nhất dưới lãnh đạo độc quyền của Đảng cộng sản, dân Việt Nam đã không đạt được một mục tiêu gì khác ngoài độc lập". Về điểm này tôi không thể đồng quan điểm với tác giả được vì những lý do sau:

- Nói về lập trường/quan điểm thì khi đã chấp nhận đúng trong hàng ngũ Cộng Sản Dế Tam thì đương nhiên người ta phải đặt quyền lợi quốc tế trên quyền lợi của tổ quốc mình rồi. Điều này rất thường được nhắc nhở trong những sách kinh điển, giáo điều của trường Đảng Nguyễn Ái Quốc. Bảo Việt Nam Cộng Sản có độc lập là gián tiếp bảo ông Hồ có tư tưởng quốc gia tư sản (Nationalisme bourgeois), là kẻ phản động đối với lập trường quốc tế Cộng Sản Dế Tam.

- Xét về thực tế lịch sử thì ít có lãnh tụ Cộng Sản nào đã dám đặt quyền lợi của nước mình lên trên quyền lợi của Dế Tam quốc Tế, trừ mấy anh liều như J Tito, Imre Nagy và Alexandre Dubcek. Ông Hồ của Việt Nam đâu có dại dột như mấy anh liều này. Cứ đọc những đơn từ của ông ta gửi cho chính quyền thuộc địa để xin học cho mình, xin việc cho cha mình đến việc ông ta dùng chữ K thay cho chữ C cho nó có mùi Nga (Đường Kách Mạng) là đủ thấy ông ta cũng khéo bụng giỏi gai lắm. Đã khéo dâ giỏi như thế thì ông ta không thể có hành động như Tito, Nagy hay Dubcek được.

- Về thực tế Việt Nam thì Hoàng Văn Hoan đã viết: "Thế rồi, vào khoảng đầu tháng 9-1929, Bác rời khỏi Xiêm đi gặp Đông Phương Cục Quốc Tế Cộng Sản để xin ý kiến, được Đông Phương Cục giao nhiệm vụ thống nhất các nhóm Cộng Sản Việt Nam" (Giọt nước trong biển cả-tr.60). Còn Bùi Tín thì viết: "Năm 1987, ông Nguyễn Đức Bình, hiệu trưởng trường Nguyễn Ái Quốc, cầm đầu một phái đoàn cán bộ lý luận sang Liên Xô để trao đổi ý kiến về dự thảo cương lĩnh mới của đảng, chuẩn bị cho đại hội (xem tiếp trang 20)

Sổ Tay

Tại sao họ khóc ?

Đối lập Việt Nam chưa có đồng thuận, cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ chắc còn dài lăm. Cứ lấy thí dụ thật đơn giản. Kim Nhật Thành chết, các báo đều thuật lại và các đài truyền hình đều phát đi hình ảnh những người Triều Tiên khóc thảm thiết, vừa khóc vừa gào thét. Tôi đã mở *cuộc phỏng vấn tưởng tượng* những vị trách nhiệm các tổ chức đấu tranh, và rõ ràng là họ không có đồng thuận. Câu hỏi là "tại sao dân Bắc Triều Tiên khóc?". Đây là những câu trả lời.

Ông Vũ Thiện Hân (Thông Luận): Tôi nghĩ họ khóc thật và đau đớn thật. Trong một nửa thế kỷ Bắc Triều Tiên đồng hóa với cá nhân một mình Kim Nhật Thành, người dân Bắc Triều Tiên đã bị tước đoạt hết quyền sống, quyền suy nghĩ, quyền phát biểu. Họ sống như Kim Nhật Thành muốn họ sống, họ chỉ biết những gì Kim Nhật Thành muốn họ biết, họ suy nghĩ như Kim Nhật Thành cho phép họ suy nghĩ, họ nói những điều Kim Nhật Thành bắt họ nói. Dần dần họ đánh mất chính bản thân mình. Kiến thức của họ, đầu óc của họ, tình cảm của họ đều là của Kim Nhật Thành. Đó là hiện tượng vong thân bi đát của cả một dân tộc. Khi Kim Nhật Thành chết, một phần của họ cũng chết theo và họ đau đớn. Cái chết của Kim Nhật Thành và những hình ảnh mà ta nhìn thấy sau đó cho thấy tác dụng tha hóa ghê gớm của chủ nghĩa nhất nguyên đối với một dân tộc. Một lần nữa thực tế chứng tỏ rằng dân chủ đa nguyên mà Thông Luận hô hào là con đường duy nhất, là chọn lựa hiển nhiên để trả lại phẩm giá cho con người, để cởi trói cho dân tộc, giải tỏa mọi sinh lực quốc gia và đưa đất nước tiến lên. Anh em Thông Luận chúng tôi đã góp phần tích cực soạn thảo ra Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên, một tài liệu chính trị có tầm quan trọng mà độc giả có thể đặt mua tại tòa soạn với giá 30F kể cả cước phí.

Ông Nguyễn Văn Kim (Mặt Trận Việt Nam Tự Do): Kinh nghiệm tranh đấu chống lại chủ nghĩa công sản cho phép chúng tôi hiểu bản chất của một chế độ kèm kẹp, cảnh sát công an. Chúng tập trung dân chúng và ra lệnh phải khóc. Chúng cho bọn công an cầm micro khóc trước, bọn mật vụ lẩn vào đám đông kiểm soát. Những ai không khóc tức khắc bị coi là phản động, chống đảng, bị ghi sổ đen với tất cả mọi hậu quả. Người dân Bắc Triều Tiên đã bị tước đoạt tất cả quyền làm người, ngay cả tiếng khóc cũng bị trưng dụng. Nhân quyền là mặt trận chiến lược quan trọng nhất hiện nay. Ý thức được điều đó, chúng tôi đã cho ra tạp san Nhân Quyền và đã được những bài đóng góp rất đặc sắc của các nhân vật thuộc mọi đoàn thể. Những ai quan tâm tới tương lai đất nước không thể không đọc tạp san Nhân Quyền.

Ông X (Liên Minh Dân Chủ, tôi quên hỏi ông thuộc phe

"LMDC Kiên Định Lập Trường" hay "LMDC Không Kiên Định Lập Trường" nên không dám nêu tên sợ có sự lẩn lộn đáng tiếc): Nhân dân Bắc Triều Tiên đã khóc vì sung sướng. Khóc không nhất thiết là vì đau khổ mà còn có thể là vì sung sướng đến cực độ. Như cô gái khóc khi lên xe hoa theo chồng, như cô con dâu khóc bà mẹ chồng cay nghiệt. Tiếng khóc vui mừng của nhân dân Bắc Triều Tiên chứng tỏ khát vọng của họ, cũng như của mỗi dân tộc sống trong xiềng xích, muốn thoát khỏi chế độ độc tài đảng trị. Ngày toàn thắng của dân chủ anh cũng sẽ thấy toàn dân Việt Nam khóc vì hân hoan. Ý thức rằng khát vọng dân chủ là của cả nhân loại, nên cố giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đã không quản mệt mỏi tranh thủ sự ủng hộ của mọi dân tộc trên thế giới, Người đã thành lập được các Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do tại khắp nơi. Đó là thành tựu lớn mà chúng ta phải tiếp tục phát huy để sớm đem lại dân chủ cho quê hương.

Ông Trần Quốc Bảo (Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam): Đó chỉ là một sự bịa bợm trắng trợn và bỉ ổi. Một âm mưu đầu độc dư luận Triều Tiên và thế giới, chẳng ai khóc Kim Nhật Thành cả. Đó chỉ là bọn cò mồi khóc mướn. Anh cũng biết ở Việt Nam, Trung Quốc và Triều Tiên có tục khóc mướn. Nhiều đám tang thuê rất nhiều người chuyên nghiệp khóc mướn để chứng tỏ người chết nhiều con cháu và được thương tiếc lầm. Chế độ cộng sản Bắc Triều Tiên đã chỉ lặp lại một trò hè cù như trái đất mà ta phải vạch trần trước dư luận. Tổ Chức Phục Hưng chúng tôi lúc nào cũng ý thức được sự bịa bợm đó nên chúng tôi luôn luôn chủ trương đem sự thực đến với đồng bào quốc nội, qua đài phát thanh Tiếng Nói Tự Do Từ Mạc Tư Khoa trước đây và đài phát thanh Diên Đàm Dân Chủ hiện nay. Vững tin rằng chọn lựa chiến lược đó là đúng. Hiện chúng tôi đang dồn mọi nỗ lực cho đài Diên Đàm Dân Chủ và chúng tôi chờ đợi một sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn nữa của đồng bào và các đoàn thể.

Cuối cùng câu hỏi "tại sao họ khóc" vẫn tiếp tục làm tôi phân vân. Ai nói đúng?

Nhưng còn một câu hỏi khác. Người Bắc Triều Tiên vừa khóc vừa kể lể, họ đã nói gì trong tiếng khóc nức nở? Các vị đều từ chối trả lời vien có không biết tiếng Triều Tiên. Tôi hỏi một chuyên gia đã sống bốn mươi năm dưới chế độ cộng sản Việt Nam. Anh ta nói có thể họ khóc như thế này:

"Ôi đại lãnh tụ kính yêu ơi, nhớ công đức của đại lãnh tụ kính yêu mà nước ta đã có được ba năm chiến tranh thảm khốc làm chết trên hai triệu người và biến đất nước thành tro bụi. Nhờ đại lãnh tụ kính yêu mà chúng tôi chết mất xác, tôi sống sót bốn mươi năm nay, con tôi mồ côi cha khổ sở trăm đường. Nhờ đại lãnh tụ kính yêu mà mùa đông vừa qua không có sưởi, cả gia đình tôi suýt chết lạnh. Nhờ đại lãnh tụ kính yêu mà bây giờ nhà tôi ăn đói hằng ngày. Đại lãnh tụ ơi là đại lãnh tụ, Người chết rồi, tôi sẽ ra sao đây, con tôi, cháu tôi sẽ ra sao đây?".

Anh bạn nói tiếp:

- Tuy không có bằng cớ tôi có thể khẳng định như vậy, chúng tôi đã có kinh nghiệm khóc chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1969.

Phù Du

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương
Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE (xin dùng đề Thông Luận)

Thông Luận
hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE